Tứ Thanh Tịnh Giới (Catuparisuddhisila - Vansarakkhita Hộ Tông dịch)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

THERAVÀDA - PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

TỨ THANH TỊNH GIỚI (CATUPÀRISUDDHISÌLA)

VANSARAKKHITA BHIKKHU
TỲ-KHƯU HỘ-TÔNG
PL. 2510 - TL. 1966
TÁI BẢN PL. 2537 - TL. 1993 ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 26-08-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Mục Lục

PHẦN 01
BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI (Pàtimokkhasamvara sila).
LỤC CĂN THU THÚC GIỚI (Indriyasamvarasìla).
CHÁNH MẠNG THANH TỊNH GIỚI (Àjìvapàrisuddhi sìla).
PHẦN 02
THỌ VẬT DỤNG GIỚI
PHẢI BIẾT VẬT DỤNG THẾ NÀO LÀ TRONG SẠCH THẾ NÀO LÀ KHÔNG TRONG SẠCH
QUÁN TƯỞNG VỀ THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Paccaya sannissita sìla).
CÁCH THỨC QUÁN TƯỞNG
PHÉP QUÁN TƯỞNG (Paccayavekkhana)
LÀM CHO GIỚI TRONG SẠCH
MƯỜI BỐN ÁC PHÁP
CHÍN ĐỨC TÁNH
PHƯỚC BÁU CỦA SỰ TRÌ GIỚI
PHẦN 03
NHỮNG ĐIỀU CẤM RỜI RẠC
GIẢI VỀ CÁCH CHO VÀ THỌ
GIẢI VỀ CÁCH THỨC SÁM HỐI
PHẦN 04
GIẢI VỀ PHÉP ĐẦU ĐÀ (DHUTANGAKATHÀ)
ĐẦU ĐÀ CÓ 13 PHÉP
GIẢI VỀ CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ (Dhutangasamàdàna vidhànàdikathà)

I- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG MẶC Y CA-SA ĐÁNG GỚM NHƯ PHẨM ĐẤT(Pamasukùlikanga)
II- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y (Tecìvarikanga)
III- CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI ĐỂ KHUẤT THỰC (Pindapàtikànga)
IV- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI KHẤT THỰC THEO MỖI NHÀ (Sapadànacàrikanga)
V- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỒI ĂN TRONG MỘT CHỖ (Ekàsanikanga)
VI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT (Pattapindikànga)
VII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN ATRITTABHOJANA (Khaluppacchàbhattikanga)
VIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ TRONG RỪNG (Arannikanga)
IX- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẦN CỘI CÂY (Rukkhamùlikanga)
X- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG (Abbhokasikanga).
XI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ NƠI MỘ ĐỊA (Sosànikanga)
XII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG Ở TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI (Yathàsanthatikanga)
XIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẰM (Nesajjikanga)
GIẢI VỀ SỰ ĐOÁN XÉT CHUNG TRONG 13 ĐẦU ĐÀ (Sanàsavinicchayakathà)
GIẢI VỀ PHÂN PHÁT ĐẦU ĐÀ (Byàssavinicchayakathà)
PHẦN 05
PHẨM PARIVÀRA (Trích lục trong tạng Luật)
GIẢI VỀ KATHINA (Kathina Kathà)
5 QUẢ BÁO (Ànisansa)
CÁCH THỨC THỌ KATHINA (Kathinatthàna vidhànakathà).
GIẢI VỀ THỂ THỨC THỌ KATHINA KHÔNG ĐƯỢC KẾT QUẢ (Anatthatakathinakathà)
GIẢI VỀ CÁCH THỨC THỌ KATHINA ĐƯỢC KẾT QUẢ ĐƯỢC (Atthatakathinakathà)
GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN KATHINA XẢ (Ubbhatakathinakathà).

BÓ BUỘC (Palibodha)
HÀNH TRÌNH KATHINA XẢ (Ubbhàra hay Uddhàra)
PAKINNAKAKATHÀ
GIẢI VỀ CÁCH THỨC CÁC THỨ Y CA-SA
PHÉP DÂNG Y KATHINA ĐẾN TĂNG (SANGHA)
---o0o---

LUẬT XUẤT GIA (Tứ Thanh Tịnh Giới)

TỨ THANH TỊNH GIỚI (Catupàrisuddhisila) là:

1) Biệt biệt giải thoát thu thúc giới (Pàtimokkhasamvarasila). 2) Lục căn thu thúc giới (indriyasamvarasila). 3) Chánh mạng thu thúc giới (àjìvapàrisuddhisila 4) Quán tưởng thọ vật dụng giới (paccayasannisstasila).

-ooOoo-

PHẦN 01

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI (Pàtimokkhasamvara sila).

Trong 4 giới trong sạch, xin giải về: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" là sự thu thúc theo điều học trong giới bổn trước.

Giới mà đức Thế Tôn đã tự thuyết rằng: "Tỳ-khưu trong giáo pháp này, đã thu thúc theo giới bổn, đều đủ cả acàra và gocàra, là người đã thọ trì những điều học, hay có lòng lo sợ tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít. Như thế gọi là: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới".

Tiếng Pàtimokkha (Tàu âm là Ba-la-đề-mộc-xoa) nghĩa là "Pháp mà người đã thọ trì đúng đắn rồi, nó hằng làm cho người đó được thoát khỏi sự thống khổ, nhứt là khỏi khổ trong bốn đường dữ (cầm thú, atula, ngạ quỉ, địa ngục)".

Tất cả điều học mà đức Thế Tôn đã chế định, hiệp lại gọi là Pàtimokkha ấy, có thể làm cho người thọ trì theo được nhiều điều lợi ích cao thượng, như đã có giải.

Câu nói "thu thúc" theo Pàtimokkha ấy, là nói được thu thúc điều học mà đức Thế Tôn đã truyền răn để lại.

Giải về tiếng àcàra và gocàrà: Phẩm cách người mong được điều hữu ích, phải cố gắng hành theo, gọi là àcàra, trái lại gọi là anàcàra.

Àcàra và Anàcàra

Trước hết, xin giải về tiếng anàcàra, vì hai pháp ấy có sự tương phản cùng nhau: Anàcàra về đàng dữ, àcàra về đàng lành.

Tiếng anàcàra là nói về sự hành ác, do nghiệp thân, nghiệp khẩu, hoặc luôn cả nghiệp thân và khẩu, tức là nói về sự phá giới.

Còn sự nuôi mạng không chơn chánh, là nói về Tỳ-khưu nuôi mạng nhờ:

1) Giả làm cách tề chỉnh.

2) Giả làm cách vui vẻ.
3) Nói ướm.
4) Giả bộ dọa hẩm.
5) được nơi đây đem cho nơi kia, được nơi kia đem cho nơi đây.
6) Cho tre.
7) Cho lá cây.
8) Cho bông hoa.
9) Cho trái cây.
10) Cho cây xỉa răng.
11) Cho nước rửa mặt.
12) Cho vật để tắm.
13) Cho vật thoa dồi.
14) Cho đất (của Tăng).
15) Tôn kính kẻ thế.
16) Thật ít, dối nhiều.
17) Giữ giùm con cho người
18) Làm tay sai cho người.
19) Làm thầy thuốc cho người.
20) Làm kẻ đem tin cho người.
21) Chịu cho người sai khiến.
22) đem cơm cho người rồi đi khất thực sau mà ăn.
23) Cho đi, cho lại
24) Xem thiên văn địa lý.
25) Xem ngày tháng, sao hạn cho người.
26) Xem tài tướng và xem thai đàn bà (đẻ trai hay đẻ gái).
Nếu Tỳ-khưu có lòng ham muốn mong được lợi để nuôi mạng theo 26 điều tà mạng trên đây, chẳng được gọi là Tỳ-khưu (trừ ra không có lòng ham muốn thì không kể).

Anàcàra chia ra có 2 nghiệp:

- Kàyika: hành tà do nghiệp thân. - Vàcàsika: hành tà do nghiệp khẩu.

Giải: Tỳ-khưu khi vào giữa Giáo hội không lòng cung kính, đứng, ngồi, đụng, chạm, lấn lướt vị cao hạ hơn mình; đứng hoặc ngồi trước vị cao hạ, đứng hoặc ngồi cao hơn vị cao hạ, nói múa tay trước mặt vị cao hạ; vị cao hạ đi chân mà mình mang giày hoạc vị cao hạ ở thấp mà mình ở cao; đứng hoặc ngồi không ngay thẳng; không cho phép vị thấp hạ ngồi; để củi trong nhà khói mà không cho vị cao hạ hay; đi tắm không nhường cho vị cao hạ; lúc tắm và khi tắm xong lên, đi vào xóm hoặc ra xóm cũng như thế.

Hoặc đi đến nhà nào, vào buồng của người đã khép cửa; có phụ nữ ngồi đâu lại đi vào nơi ấy; vò đầu kẻ trai hoặc gái, các sự hành động như thế gọi là anàcàra; hành tà do nghiệp thân.

Có vị Tỳ-khưu khi vào giữa Giáo hội nói những lời vô lễ, không bạch trước với vị cao hạ mà thuyết pháp, hỏi hoặc giảng giới bổn (Pàtimokkha) đứng nói, múa tay; nếu đi vào xóm thấy phụ nữ, trẻ, hoặc già, kêu nói: cô này, có cháo không? có cơm không? có bánh không? có gì ... ta ăn, uống? ... có chi dùng? các cô này! có chi dâng cho ta? v.v...

Những lời nói ấy là anàcàra, hành tà do nghiệp khẩu.

Còn về àcàra tức là thu thúc theo giới luật trái hẳn với anàcàra như đã giải trên, và cũng chia ra có 2 nghiệp: nghiệp thân và nghiệp khẩu, giống nhau.

Người học Phật nên lấy đó làm nơi xu hướng.

Tóm lại, tiếng àcàra để nói về phẩm cách vị Tỳ-khưu có lòng tôn kính và nghiêm trì giới luật, có sự hổ thẹn và gớm ghê những điều tội lỗi, ăn mặc theo điều "Ưng học pháp" sekhiyavatta, đi tới, thối lui, xem trước nhắm sau, ngồi, đứng phải phép, đáng cho người kính trọng, mắt ngó xuống, oai nghi chơn chánh, lục căn thanh tịnh, có sự tiết độ, có trí nhớ, có sự biết mình satisampajanna, ít ham muốn, có độ lượng, không hay trà trộn cùng kẻ thế, hoặc thiên vị theo đảng phái, biết đền ơn trả thảo, tôn kính người đáng tôn kính ...

Những sự hành động ấy gọi là àcàra, hành đúng luật do nghiệp thân và nghiệp khẩu.

Gocàra và Agocàra.

Cảnh vật (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) mà lục căn thường xu hướng theo gọi là Gocàra.

Giải: lục dục nếu nói cho tột lý thì có cả dữ và lành. Dữ là tư cách làm cho phát sanh tội, nhất là phạm giới. Lành là tư cách làm cho phát sanh phước, nhất là gìn giữ giới luật cho trong sạch

Giải về tiếng agocàra, đức Phật có sự thuyết rằng "Tỳ-khưu thường hay thân cận phụ nữ, bán nam, bán nữ, Tỳ-khưu ni, hàng rượu hoặc lưu luyến theo vua chúa, quan lại, người cao sang, phú hộ, kẻ dữ, người không tín ngưỡng tam bảo, hạng khinh rẽ Phật pháp, hay gây gổ cùng tín đồ và tăng chúng. Xu hướng theo những điều ấy gọi là agocàra, trái lại là gocàra".

Gocàra chia ra có 3 điều:

1. Upanissayagocàra: Nơi nương nhờ có thể làm cho đức hạnh phát sanh, như thân cận cùng bậc thiện trí thức.

2. Àrakkhagocàra: Cái có thể gìn giữ lục căn thanh tịnh, như trí nhớ.

3. Upanipandhagocàra: phương pháp trau dồi có thể buộc chặt cái tâm, như phép tứ niện xứ.

Giải: những bậc thiện trí thức có đủ 10 lời nói trong sạch1 hoặc cao minh, hằng tế độ người nương theo Phật pháp, cho được nghe chơn lý chưa từng nghe, nghe được rồi càng thêm ngưỡng mộ, làm cho người hết sự hoài nghi, phát sanh chánh kiến.

Những bậc có đủ các pháp: tín, giới, văn, thí, tuệ, mà người nào đã nương theo rồi hằng được hưởng điều hạnh phúc, như thế gọi là Upanissayagocàra.

Giải về tiếng Àrakkhagocàra đức Phật có tự thuyết rằng: Tỳ-khưu khi đi vào xóm hoặc đi ngoài lộ, mắt thường ngó xuống, xa lối 1 sải, đi đứng cẩn thận, nghiêm trang không xem xe cộ, ngựa, voi, ... nhất là không để ý đến kẻ bộ hành (trai, gái) không ngó phía trên, nhìn phía dưới ... như thế gọi là Àrakkhagocàra.

Còn về Upanipandhagocàra, đức Thế Tôn chỉ ngay về pháp tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp) dạy người tu Phật phải dùng pháp ấy phải buộc chặt cái tâm như sau này:

Yathàdhambhe nibandheyya vaccham damannaro idha bandheyyevam sakkam cittam satiyàrammane dalham.

Nghĩa là: trong vũ trụ này, những người khi tập luyện bò con, cần phải buộc chặt nó đứng yên nơi cây trụ, ví như hành giả, khi tu tâm cũng phải dùng pháp tứ niệm xứ để buộc chặt cái tâm, mới có thể gìn giữ tâm được yên tịnh, đó gọi là Upanipandhagocàra.

Đức Như Lai kể Àcàra và Gocàra vào trong giới bổn vì là: Giới của Tỳ-khưu được trong sạch là nhờ có hành thêm àcàra và gocàra. Nhơn đó, đức Phật mới để pháp àcàra chung với giới bổn.

---o0o---

GIẢI VỀ TIẾNG "LO SỢ NHỎ NHEN CHÚT ÍT"

Trong điều Ưng học pháp sekkhiyavatta và khandhakavatta v.v... điều học nào thuộc về vô ý mà phạm thì cũng bị tội cho nên gọi là tội nhỏ nhen chút ít.

Đối với bậc trí tuệ, dầu là tội nhỏ nhen chút ít, các ngài cũng chẳng dám dễ duôi phạm đến. Sự lo sợ của các ngài làm cho các ngài thấy những tội ấy lớn bằng núi Tu-di, cao đến 84.000 do tuần. Bằng không, với tội nhẹ hơn hết,

như tội ác khẩu, các ngài cũng rất lo sợ, xem như đại tội "Bất cộng trụ". Chẳng phải cũng chỉ thế thôi, cho đến những nghiệp nhỏ nhen mà đức Phật nói "Không phải là tội, không phải là sự dễ duôi", các ngài cũng chẳng phạm. Phẩm cách của bậc trí tuệ lo sợ tội lỗi nhỏ nhen chút ít là như thế ấy.

Thọ trì một việc nào là phụ thuộc của những điều học "9 điều của đức Phật đã chế định"2 và gìn giữ hành theo cho đều đủ, như thế gọi là đều đủ theo tất cả điều học.

---O0O---

KẾT LUẬN TRONG BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÚC GIỚI

Thật vậy, "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" mà được trong sạch là nhờ có đức tin . Điều học mà đức Phật đã chế định ấy, vượt qua khỏi tuệ lực của chư thinh văn, nên chính mình đức Phật mới có thể chế định được. Nhân đó, các Tỳ-khưu phải thọ trì điều học, chẳng nên tiếc sự sống mà phạm giới, phải hành theo bài kệ sau đây.

Pàtimokkham visodhento appevajìvitam jahepannattam lokanàthena na bhinde sìlasam varam.

Nghĩa là: người có đức tin, khi đã thọ trì giới bổn, nên liều thác, chẳng nên phạm giới của đức Phật đã chế định.

Giải rằng: Chim tê hoạch liều chết ráng gìn giữ trứng của nó thế nào, thú càramì liều chết ráng giữ lông nó thế nào, người bá hộ có một trai, rất trìu mến, ráng gìn giữ đứa con đó thế nào, kẻ nào hư 1 mắt ráng gìn giữ mắt lành kia thế nào, thì người ráng thọ trì giới của mình như thế ấy, hãy lấy nó làm nơi chí thiết, làm cho giới được trong sạch hoàn toàn cũng như mấy điều kể trên đây.

-ooOoo-

LỤC CĂN THU THÚC GIỚI (Indriyasamvarasìla).

Đức Thế Tôn đã tự thuyết rằng "Tỳ-khưu đã thọ trì giới bổn rồi, nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi hưởi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, tâm biết các pháp mà chẳng cảm xúc, tinh tấn gìn giữ lục căn, không cho ác pháp (tham, sân, si) đè nén được, như thế gọi là Lục căn thu thúc giới".

GIẢI VỀ TIẾNG "CẢM XÚC"

Chẳng cảm xúc là chẳng vì sự tiếp xúc mà cảm động, phân biệt rằng đây là phụ nữ, đây là nam giới, đây đẹp, đây không đẹp, đây ngon, đây không ngon, v.v... chỉ phải trong phạm vi ấy nghe mà thôi.

---o0o---

GIẢI VỀ TIẾNG "TINH TẤN GÌN GIỮ LỤC CĂN"

Phải tinh tấn cẩn thận, chăng chỉ không cho lục trần thâm nhập lục căn, ngăn ngừa không cho cảnh nghịch làm cho phát sanh sự thương ghét vào nhiễu loạn tâm linh. Nếu có cảnh nghịch tiếp xúc, phải dùng trí nhớ cản ngăn, nghĩa là, đừng hờ hững để cho tâm duyên theo hoàn cảnh. Phải tinh tấn hành theo pháp àcàra và gocàra cho đều đủ (như đã giải trong đề: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới").

Sự tinh tấn như thế chỉ để ngăn ngừa lục căn không cho ác pháp (tham, sân, si) vào làm hại thiện pháp trong tâm. Bởi vì ác pháp vào được rồi, thì nó làm tiêu hoại các điều lành trong tâm, ví như đạo tặc vào nhà vậy.

---o0o---

THU THÚC VÀ KHÔNG THU THÚC

Trong Lục căn thu thúc giới có những điều để phân biệt pháp thu thúc với pháp không thu thúc: khi những điều ấy chưa phát sanh thì không thể gọi là thu thúc hoặc không thu thúc được.

Thế nào gọi là pháp thu thúc (samvaradharma), thế nào gọi là pháp không thu thúc (asamvaradharma)?

5 pháp để phân biệt thu thúc là:

Sìlasamvara: Pháp thu thúc, tức là giới.
Satisamvara: Pháp thu thúc, tức là trí nhớ.
Nànasamvara: Pháp thu thúc, tức là trí tuệ
Khantisamvara: Pháp thu thúc, tức là nhịn nhục.
Viriyasamvara: Pháp thu thúc, tức là tinh tấn.
5 pháp để phân biệt không thu thúc:

Dussìlya: phá giới.
Mutthasacca: hay quên.
Annàna: không trí tuệ.
Akkhanti: không nhịn nhục.
Kosajja: lười biếng.
Giải: Khi 1 trong 6 trần tiếp xúc với 1 căn nào mà có 1 trong 5 pháp thu thúc phát sanh thì phải biết rằng căn ấy Tỳ-khưu đã thu thúc trong sạch rồi. Trái lại, nếu có 1 trong 5 pháp không thu thúc phát sanh, thì nên biết rằng căn ấy, Tỳ-khưu không thu thúc. Sự thu thúc và không thu thúc chẳng phải chỉ phát sanh trong 1 căn thôi đâu (chúng nó có thể phát sanh trong tất cả lục căn).

Muốn biết những sự thu thúc và không thu thúc phát sanh, cần phải biết con đường đi từng bậc của tâm.

Đây xin giải: con đường đi của tâm trong nhãn căn.

Khi sắc trần tiếp xúc mắt thì những hiện tượng biết động tiếp xúc phát sanh, trước hết.

1- Bhavanga: tâm thường tịnh phát sanh 2 "sát-na" (khana: thời gian rất ngắn của tốc lực tâm), nghĩa là rung động tâm thường tịnh 2 sát-na rồi diệt.

2- Kiriyàmanodhàtu: là cái tâm tìm kiếm sắc trần làm cho sự tìm kiếm (àvajjanakicca) sắc trần ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

3- Cakkhuvinnàna: nhãn thức, nghĩa là sự biết sắc trong nhãn căn, làm cho sự thấy (dassanakicca) sắc trần ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

4- Vipàkamanodhàtu: Tâm dung nạp sắc trần làm cho sự dung nạp ấy phát sanh lên 1 sát-na rồi diệt.

5- Vipàkahetuka manovinnànadhàtu: Tâm xem xét chu đáo làm cho sự xem xét chu đáo (santìranakicca) ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt

6- Kiriyàhetuka manovinnànadhàtu: Tâm ghi chép sắc trần làm cho sự ghi chép (votthapanakicca) ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

7- Javana: Tâm tốc lực3 tùy theo trạng thái của cảnh giới, làm cho phát sanh pháp thu thúc hoặc không thu thúc.

Khi tâm thường tịnh (Bhavanga) mới phát sanh thì chưa được gọi rằng thu thúc hoặc không thu thúc. Chỉ đến khi sát-na (javana) phát sanh mới có thể nhất định được. Bởi tất cả các pháp để phân biện cho biết có thu thúc cùng không thu thúc đều chỉ phát sanh trong sát-na cuối cùng là (javana) thôi.

Chỗ nói "Phải cẩn thận trí nhớ và ráng gìn giữ 6 căn không cho các pháp là tham, sân đè nén được" là chỉ rõ rằng: khi tham, sân không đè nén được thì gọi là thu thúc. Nếu để chúng nó đè nén được thì gọi là không thu thúc.

Xin ví dụ cả thân thể như nhà, 6 căn của cửa là ngoài nhà, đường đi của tâm ví như buồng trong nhà, trí nhớ như người giữ cửa.

Tất cả 5 pháp thu thúc ví như cửa cái, 1 trong 6 trần ví như kẻ dắt đường, tham và sân ví như kẻ cướp; cả 5 pháp không thu thúc ví như bọn tùy tùng của kẻ cướp. Khi người gác cửa tức là trí nhớ quên phận sự mình, thì tất nhiên kẻ dắt đường, chính là 1 trong 6 trần, sẽ thừa dịp ấy dẫn kẻ cướp tất là tham và sân vào nhà. Kẻ cướp ấy tức là tham, sân, ắt đem theo bọn tùy tùng, tức là 5 pháp không thu thúc xông vào phá buồng trong nhà, tức là đường đi của tâm để cướp lấy tài sản, tức là thiện pháp (Pháp thu thúc).

Vì vậy, cho nên cần phải tinh tấn giữ gìn 6 căn cho cẩn thận, chớ nên hờ hững để cho giác quan phóng túng như mắt hay xem sắc, tai hay nghe tiếng vân vân... Những lời đã giải gọi là: "lục căn thu thúc giới"

KẾT LUẬN "LỤC CĂN THU THÚC GIỚI"

Nhờ có trí nhớ mà Tỳ-khưu gìn giữ 6 căn được thanh tịnh, làm cho các ác pháp, nhất là tham, sân, không thể đè nén cái tâm trong sạch được.

Có lời khen rằng "Thu thúc lục căn giới mà được kết quả mỹ mãn rồi, có thể bảo tồn giới bổn được lâu dài, ví như cây lúa mà người gìn giữ tốt tươi, là nhờ có hàng rào kín đáo, ví như Tỳ-khưu không thể bị đạo tặc phá quấy, tức là các phiền nãovào làm hại, hoặc giả ví như 1 xứ kia được quan quân canh giữ các cửa thành rất cẩn thận làm cho bọn tặc không sao xâm nhập được". Hiệp theo Phật ngôn rằng:

Rupesu saddesu adhorasesu gandhesu, phassesu, ca rakkhatindriyam ete hidvàrà pidahità susamvutà na haranti gàmamva parassa hàrino.

Nghĩa là: Con người phải gìn giữ lục căn không cho điều nguy hiểm tai hại phát sanh, vì sắc, thinh, hương, vị, xúc, bởi khi các cửa nhất là nhãn căn, mà

người đã đóng khít khao rồi, thì chẳng bị cái chi là hại được, ví như trong xứ mà người đã đóng kín cửa thành chắc chắn, thì đạo tặc cũng không sao vào phá hại dân chúng được.

Lại nữa, nếu Tỳ-khưu nào đã thu thúc lục căn rồi, vì lòng tham dục không sao phá hại tâm của vị đó được, ví như giọt mưa không thể xoi thủng mái nhà đã lợp khít khao vậy.

Đúng theo Phật ngôn rằng:

Yathà agàram succhannam vutthi na samatividjhati evam subhàvitam cittam rago na samatividjhati.

Nghĩa là: Giọt mưa không thể xoi thủng mái nhà mà người đã lợp khít khao thế nào mà lòng tham dục cũng không sao xâm nhập vào tâm của người đã trau dồi đúng đắn được.

Những hành giả nào khi đã thấy rõ các đức của sự thu thúc và những tội của sự không thu thúc thì chẳng nên dãi đãi, phải hết lòng tinh tấn gìn giữ lục căn theo lời chú giải sau này:

Makkato và yàvajivika arannamhi vane bhanto migoviya bàlo viya ca uttàsito na chavelolalocanoadhe khipeyya cakkhùni yugamattadasso siyàvanamakkatalolassa nacittassavasam vaje.

Nghĩa là: những người nào mong được sự lợi ích, thì mắt chẳng nên láol iên như khỉ trên cây, như thú nhút nhát trong rừng4, như trẻ con sợ hãi vì xa thân quyến. Theo giới luật thì trong khi đi đứng phải ngó xuống, xem chung quanh mình lối 2 thước, chẳng nể chìu theo vọng tâm, xét cái này, suy cái khác như khỉ trong rừng vậy.

-ooOoo-

CHÁNH MẠNG THANH TỊNH GIỚI (Àjìvapàrisuddhi sìla).

Cách nuôi mạng theo lẽ chánh của Tỳ-khưu, không phạm 6 điều học mà đức Phật đã chế định vì nguyên nhân tà mạng, hoặc chẳng phạm nhất là 5 ác pháp, như thế gọi là giới nuôi mạng trong sạch.

Giải về 6 điều học: Sáu điều học này mà đức Phật đã chế định là:

1) Tỳ-khưu chỉ vì nguyên nhân nuôi sanh mạng, có sự ham muốn xấu xa, bị lòng tham đè nén, rồi khoe pháp của bậc cao nhơn (pháp đại định hoặc là pháp thánh) mà mình chưa đắc, phạm tội Bất cộng trụ.

2) Tỳ-khưu chỉ vì nuôi sanh mạng, làm mai dong, nói cho trai vừa lòng gái, gái đẹp lòng trai phạm tội Tăng tàn.

3) Tỳ-khưu khoe pháp của bậc cao nhơn, nói không ngay, chỉ nói mí rằng "Các ngài hãy xem Tỳ-khưu nào ở trong tịnh xá của các ngài, chính vị Tỳ- khưu ấy là bậc A la hán vậy". Cách khoe mình như thế, chỉ vì sự nuôi sanh mạng, phạm tội Trọng tội.

4) Tỳ-khưu vô bịnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật cao lương để dùng, phạm Ưng đối trị.

5) Tỳ-khưu ni vô bịnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật thực để dùng, phạm Ưng phát lộ.

6) Tỳ-khưu vô bịnh xin vật thực để dùng phạm Tác ác.

---o0o---

GIẢI VỀ 5 ÁC PHÁP:

Năm ác pháp là pháp đê hèn, tội lỗi mà bậc tu hành phải xa lánh là:

- Kuhanà
- Lapanà
- Nemittikatà
- Nippesikatà
- Làbhenalabham nijjigimsanatà

1) Trong ác pháp thứ nhất Kuhanà giải rằng: Tỳ-khưu dục lợi muốn được người tôn kính và khen tặng, nói dối để khoe đạo đức cao thượng mà mình không có và tìm nói dối như mấy cách sau này:

a. Paccayapatisevana: Phương pháp nói dối về sự thọ lãnh vật dụng.

Giải: có hạng Tỳ-khưu được thí chủ thỉnh đến dâng cúng 4 vật dụng, duy tâm mong mỏi được mấy món ấy, nhưng giả bộ từ chối, làm cho người tưởng mình là kẻ ít tham, không cầnvật quí giá, chỉ dùng vật thấp hèn thôi

(như dùng y dơ của người bỏ). Vì lẽ ấy nên thí chủ thật lòng tín ngưỡng mình. Lần sau họ đem nhiều vật đến dâng cúng mới chịu thọ lãnh và kiếm thế chữa mình rằng: Ta chẳng phải tham dùng các món ấy, nhưng muốn cho quí ngài vui lòng được phước, nên phải buộc mình thọ lãnh. Chẳng phải chỉ giả dối trong những nơi ấy, mà còn làm ra dáng cao thượng nữa, cho người càng thêm tôn trọng mình.

Các cách hành động như thế gọi là dối trá về sự thọ lãnh vật thực.

b. Sàmantajappana: Tỳ-khưu dục lợi, muốn được người khen ngợi, giả trá bằng cách nói mí rằng: Các ngài nên xem Tỳ-khưu nào mặc y như vầy, thầy tế độ và thầy giáo thọ của vị Tỳ-khưu ấy như vầy, Tỳ-khưu ở trong tịnh xá như vầy v.v... Tỳ-khưu như thế là bậc Sa-môn cao thượng, bởi ngài có đạo đức thanh cao. Hoặc nói nhiều cách khác nữa, hoặc tự khoe mình để cho người khác tán tụng. như thế gọi là Sàmantajappana

c. Iriyapathasanisita: hoặc sự dối giả xấu xa bằng cách oai nghi đi đứng.

Giải: Có hạng Tỳ-khưu dục lợi bằng cách đê hèn, muốn được danh lợi nên khoe rằng mình có đạo đức cao thượng, thu thúc oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) theo dáng bậc cao nhơn, làm cho người lầm tưởng rằng mình có đầy đủ trí tuệ, hoặc đã đắc đại định. Như thế gọi là dối trá bằng cách giả bộ thu thúc oai nghi.

2) Trong ác pháp thứ nhì (Lapanà) giải rằng: Tỳ-khưu tham muốn xấu xa, mong được tài vật và danh tiếng, khi thấy người đến chùa thì niềm nở hỏi han. nếu người nói đến thỉnh chư tăng thì tự mình đi thỉnh thế cho, hoặc tự khoe rằng: ta được từ vua, chí các quan lớn, nhỏ đều kính mến. Hoặc nói lời này tiếng nọ làm cho thí chủ phải dâng cúng vật dụng cho mình. Như thế gọi là Lapanà.

3) Trong ác pháp thứ ba (Nemittikatà) giải rằng: tham muốn xấu xa mong được vật dụng và danh dự, hành động nói để cho người phải bố thí tài vật đến mình. Như Tỳ-khưu thấy, người có vật thực ngon, làm tuồng như không thấy giả bộ hỏi thăm bằng thế này thế kia, cho người biết rằng mình cần dùng vật ấy, khiến người phải buộc lòng

đem dâng cho mình. Các cử chỉ như thế gọi là "Nemittikatà".

4) Trong ác pháp thứ tư (Nippesikatà) giải rằng: Tỳ-khưu dục lợi cách đê hèn, mong được tài vật và danh vọng, ỷ quyền chửi mắng5 thí chủ, dùng lời này tiếng kia, trách người không biết điều, không tín ngưỡng Phật pháp; nói

lén hoặc nói xấu người, hoặc đem đến chuyện xấu nhà này nói nhà kia... như thế gọi là "Nippesikatà".

5) Trong ác pháp thứ năm (Làbhenalàbham nijigimsanatà) giải rằng: Tỳ- khưu dục lợi cách đê hèn, muốn được tài vật danh tiếng, lấy vật được nơi đây đem cho nơi kia, như thế gọi là làbhenalàbham ijigimsanatà.

Những lẽ giải trên đây gọi là sự tà mạng do 5 ác pháp.

---o0o---

GIẢI VỀ SỰ BIẾT VÔ ÍCH

Sự biết vô ích, là tư cách hiểu biết thấp hèn, không có ích lợi chi. Tư cách có nhiều thể thức khác nhau,nhưng đây chỉ lược thuật 8 thể thức:

- Biết sách giải về thân thể học (angam). - Biết sách giải về các nguyên nhân khác (nimittam). - Biết sách giải về thiên văn học (uppàtam). - Biết sách giải về pháp đoán điềm mộng (supinam - mộng là những triệu chứng mà người thường cảm giác trong lúc ngủ). - Biết sách giải về thần tướng học (làkkhanam). - Biết sách giải về y phục bị chuột cắn 6 (musikacchinnam). - Biết sách giải về sự cúng dường lửa (aggihomam). - Biết phương pháp cúng dường vá7 (dobbihonam).

Tỳ-khưu thọ dụng những vật thực của thí chủ có lòng tín thành dâng cúng cho, chẳng nên học hỏi sách tướng để tìm cách nuôi mạng bằng sự biết không hữu ích như giải trên.

Tư cách của Tỳ-khưu, nhất là sự xa lánh 5 ác pháp và 8 điều biết không hữu ích để tìm thế nuôi mạng chơn chánh, gọi là hành theo chánh mạng vậy.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG PHÁP CHÁNH MẠNG

Tỳ-khưu chánh mạng do sự tinh tấn, thu thúc theo giới luật, nghĩa là nhờ có sự cố gắng, thì pháp chánh mạng mới được trong sạch.

Sự trì giới này chỉ nhờ đức tinh tấn chơn chánh, hằng xa lánh các ác pháp và sự biết vô ích như đã giải trên, mới có thể tìm vật dụng một cách trong sạch được.

Theo lẽ ấy, Tỳ-khưu mong được điều lợi ích, chẳng nên thọ lãnh vật dụng nhơ nhớp đê hèn, trái lẽ đạo.

--- o0o ---

PHẦN 02 THỌ VẬT DỤNG GIỚI

PHẢI BIẾT VẬT DỤNG THẾ NÀO LÀ TRONG SẠCH THẾ NÀO LÀ KHÔNG TRONG SẠCH

Đối với các hạng Tỳ-khưu không tu hạnh đầu đà, những vật dụng của thiện tín thông luật pháp bố thí đến chư tăng hoặc đến 1, 2, 3 vị Tỳ-khưu, đều gọi là vật trong sạch.

Tuy nhiên vật dụng được do sự hành khuất, lượm lặt của người thí chủ có tâm thỏa thích trong pháp đầu đà dâng cúng, mới đáng gọi là vật dụng trong sạch. Hoặc vật dụng quí giá hay thấp hèn đã được trong một thời kỳ, Tỳ- khưu không dùng vật quí, đem dâng cho vị khác và để vật hèn lại cho mình, như thế mới đáng gọi là vật trong sạch cao thượng.

Vật dụng không trong sạch là vật dụng được do sự tà mạng như đã giải trong "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới", trong anàcàra, trong 6 điều học, trong 5 ác pháp và trong 8 điều biết vô ích, hoặc vật dụng do sự bôm dỗ, làm thầy thuốc mà có hay tự mình mua, đổi. Những vật ấy gọi là vật không trong sạch.

Có lời khen rằng: Tỳ-khưu nào, dầu có sự tai hại đến sanh mạng mình, cũng chẳng thối chuyển trong sự hành theo chánh mạng, thà chết chớ chẳng chịu dùng vật thực không trong sạch, mới đáng gọi là bậc chơn chánh.

Như đại đức Xá Lợi Phất, một thuở nọ, ngài đau bụng gió, tôn giả Mục kiền Liên hỏi rằng: Thường khi sư huynh mang bịnh ấy, vậy chớ sư huynh dùng thuốc chi để chuyên trị? Đức Xá Lợi Phất đáp "Khi còn ở thế, bị bịnh này, tôi dùng cơm nấu với sữa tươi không có lộn nước thì bịnh hết".

Trong lúc ấy có 1 vị Tỳ-khưu nghe được, bèn bảo người nấu cơm y như lời đức Xá Lợi Phất đã nói khi nảy. Ông ta đi khất thực rồi đem về dâng cho đức Xá Lợi Phất, nhưng ngài chẳng chịu dùng, vì cho rằng cơm này phát sanh do lời nói của mình. Ngài bèn thuyết rằng:

Vacìvannatti vipphàrà
Uppannam madhupàyasam
Sace Bhutto Bhoveyyàham
Sàjìvo garahito mama
Yadipi me antagunam
Nikkhamitvà bahì care
Nevabhindeyyamàhìvam
Cajamànopi jìvitam
Àràdhemi sakam cittam
Vivajjemi anesanam
Nàham buddhapatikkuttham
Kàhàmi ca annesanam
Nghĩa là: Nếu tôi dùng cơm sữa phát sanh do lời nói của tôi, thì ắt bậc trí tuệ khinh bỉ được. Dầu ruột phải lòi ra ngoài, tôi cũng cam chịu chết, chớ không thối chuyển, để làm hư hại pháp chánh mạng của tôi. Tôi làm cho tâm tôi phải theo tôi, tôi phải xa lánh vật thực tìm được do tà mạng và không khi nào dám phạm tà mạng mà đức Phật đã răn

cấm đâu.

Có lời kệ rằng:.

Anesanàya cittampi ajanetvà vicakkhano àjìvam parisodheyya saddhàpabbajito yati.

Nghĩa là: Những hành giả có trí tuệ, đã xuất gia theo Phật pháp do lòng tính ngưỡng chơn chánh, phải làm cho sự nuôi mạng được trong sạch, không nên chìu theo vọng tâm, thọ lãnh vật dụng thuộc về tà mạng.

---o0o---

QUÁN TƯỞNG VỀ THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Paccaya sannissita sìla).

Giới nương theo 4 vật dụng là nói về tư cách dùng 4 món ấy được trong sạch, nhờ phép quán tưởng.

Tiếng vật dụng là nói về vật phải dùng mới có thể sống được. Vật dụng ấy có 4 loại là.

- Cìvara: Vật để mặc, đắp, trùm cho kín thân thể.
- Pindapàta: Vật để duy trì thân thể.
- Senàsana: Chỗ ngồi, chỗ nằm để cho thân thể an nghỉ.
- Gilànabhesajja: Thuốc chữa bịnh để hộ thân thể.

Tất cả chúng sanh trong thế gian đều phải dùng 4 vật ấy dầu thế nào cũng phải nhờ 1 trong 4 món ấy mới có thể sống còn được, nên gọi là vật dụng.

---o0o---

CÁCH THỨC QUÁN TƯỞNG

Về Dhàtupaccavekkhana, phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy chỉ là nguyên chất "dhàtu", để dứt bỏ sự cố chấp là "ta hay là của ta".

Về patikùlapaccavekkhana, phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy là vật không trong sạch, đáng nhờm gớm, để dứt bỏ sự phân biệt sai lầm, cho là đẹp là sạch. Nếu trong pindapàtapaccaya thì kể vào trong phép thiền định aharapatikùla manasikàra.

Về tamkhanikapaccavekkhana phải quán tưởng trong khi dùng.

Còn về atìtapaccavekkhana thì phải quán tưởng thêm khi đã dùng rồi, nội ngày ấy để ngừa, e quên không được quán tưởng trong khi dùng, hầu ngăn lắp lòng ái dục không cho tâm khắn khít trong vật dụng, nhất là để phá huỷ tình dục, sân hận, si mê và ngã chấp không cho phát sanh vì sự thọ dụng ấy.

Nếu Tỳ-khưu dùng vật dụng mà không quán tưởng, thì sự thọ dụng đó nó chỉ đem lại những thống khổ trong đường dữ, như có Phật ngôn rằng:

Ayasàva malam samutthàyataddutthàya, tamava khàdati evam atidhonacàrinam sànikammàni nayanti duggatim.

Nghĩa là: Vật dơ sanh từ nơi sắt (rỉ sét), ra từ nơi sắt, trở lại ăn sắt thế nào, thì các điều tạo tác phát khởi trong tâm, hằng dắt dẫn người làm sái, không cho quán tưởng vật dụng rồi dùng, nên phải chịu sa vào cảnh khổ, cũng như thế ấy.

---o0o--- GIẢI VỀ 4 PHẦN THỌ DỤNG

Sự dùng vật dụng chia ra có 4 phần:

1) Theyyaparibhoga, dùng như kẻ trộm là: sự dùng của Tỳ-khưu phá giới 2) Inaparibhoga, dùng như kẻ mắc nợ: là sự dùng của Tỳ-khưu có giới, nhưng không được quán tưởng. 3) Dàyajjaparibhoga, dùng như của di sản phải được: là sự dùng của bậc hữu học (từ Tu đà hườn đến A-na-hàm). 4) Sàmiparibhoga, dùng như của chủ: là sự dùng của hàng vô học (A-la- hán).

1) Trong sự dùng thứ nhất Theyyaparibhoga giải rằng: Tỳ-khưu phá giới, rồi ẩn mình nú lén thọ vật dụng của thí chủ chung với tăng gọi là trộm vật dụng của thí chủ đem dùng, vì thí chủ chỉ tìm dâng cúng đến Tỳ-khưu có giới để mong hưởng được nhiều quả phước.

Chẳng phải họ tìm dâng đến Tỳ-khưu phá giới đâu, Tỳ-khưu phá giới cố che mắt người, thọ lãnh và dùng vật dụng, cho nên gọi là trộm của thí chủ. Chẳng những chỉ thế thôicũng còn gọi là cướp của các Tỳ-khưu có giới trong sạch nữa. Vì các vật họ dâng cho sự tín ngưỡng ấy, đức Thế Tôn chỉ cho phép các bậc Tỳ-khưu, có giới được thọ hưởng, mà Tỳ-khưu phá giới lại ẩn mình, che mắt thí chủ, nhận lãnh để dùng. Cho nên gọi là cướp đoạt vật dụng của Tỳ-khưu có giới.

2) Trong Inaparibhoga giải rằng: Tỳ-khưu có giới trong sạch, nhưng dùng vật mà không được quán tưởng trong 3 thời, theo 1 trong 4 phép quán tưởng, như thế gọi là dùng vật như kẻ mắc nợ. Tỳ-khưu mắc nợ của thí chủ không có thể vẫy vùng cho khỏi chỗ sanh tử được, ví như người thiếu nợ không sao đi đến xứ nào theo sở thích được. Bởi cớ ấy Tỳ-khưu có giới trong sạch nên quán tưởng trong ý mỗi lần mặc, trong mỗi miếng cơm, trong mỗi chỗ ở, mỗi khi đi vào ngủ. Lúc dùng thuốc, phải quán tưởng luôn trong khi thọ lãnh và trong khi uống.

3) Trong Dàyajjaparibhoga giải rằng: Bậc thánh nhơn hữu học như con của đức Thế Tôn được phép thọ lãnh di sản của ngài. Bốn món vật dụng mà thí chủ hằng bố thí bằng đức tin, ví như di sản của ngài để lại cho các con. Bởi cớ ấy, sự dùng 4 món vật dụng của bậc hữu học, có quyền giải được. Sự dùng của Tỳ-khưu có giới và được quán tưởng gọi là không mắc nợ (ànanaparibhoga). Như thế cũng được, vì trái hẳn với inaparibhoga hoặc gọi

là dàyajjaparibhoga cũng được, vì Tỳ-khưu có giới ví cũng như bậc hữu học vậy.

4) Trong Sàmiparibhoga giải rằng: Các bậc vô học đã thoát khỏi vòng nô lệ của sự ham muốn. Các ngài được danh hiệu là chủ của vật dụng, vì các ngài dùng vật của người nào, hằng làm cho người ấy được mãn nguyện.

Trong 4 phần thọ dụng ấy có sàmiparibhoga là cao thượng hơn tất cả, dàyajjaparibhoga cao thượng bực trung. Còn theyyaparibhoga và inaparibhoga thì không gọpi là cao thượng được.

Như thế, paccayasannissitasìla, chưa hư hoại vì giới ấy trong sạch do sự quán tưởng. Miễn là được quán tưởng rồi, dầu chỉ quán tưởng 1 phép trong vật dụng nào 1 lần, hoặc 2 lần cũng được gọi là chưa hư hoại. Trừ ra đến mặt trời mọc lên mà không được quán tưởng lần nào, mới gọi là hư hoại, và Tỳ- khưu ấy phải bị ở trong vòng inaparibhoga nữa. Ấy là nói về 3 vật dụng trên.

Còn về thuốc men, phải quán tưởng trong khi thọ và khi dùng mới nên, nếu không được quán tưởng trong khi thọ, chỉ phải quán tưởng trong khi dùng cũng được. Nếu không được quán tưởng khi dùng, dầu có quán tưởng trong khi thọ cũng phạm Tác ác. Pàtimokkha samvarasìla cũng hư hoại nữa, nhưng paccayasannissitasìla chưa sao, chỉ khi giới hạn của atìtapaccavekkhana đã qua rồi, mới hư hoại vì tamkhanikapaccavekkhana, trong gilànapaccava gìn giữ được cả Pàtimokkha samvarasìla và paccayasannissitasìla, còn atìtapaccavekkhana không cần quán tưởng cũng được. Cả 2 giới cũng không hư hoại, nếu không được quán tưởng tamkhanikapaccavekkhana, dầu có quán tưởng atìtapaccavekkhana, thì chỉ được có paccayasannissitasìla, còn Pàtimokkha samvarasìlaphải hư hoại vì Tỳ-khưu ấy đã phạm Tác ác rồi.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Avasàna kathà paccayasannissita sìla)

Thật vậy, thọ vật dụng giới này, hành giả được kết quả nhờ thế lực của trí tuệ, nghĩa là trí tuệ là pháp hỗ trợ cho được kết quả. Giới ấy chỉ có người trí tuệ thấy rõ tội và phước trong cách thọ 4 vật dụng, mới có thể thành tựu được.

Bởi cớ ấy, hành giả nên dừt sự say mê theo 4 vật dụng và nên dùng trí tuệ để quán tưởng theo cách thức như đã giải trước, rồi mới nên dùng.

Có lời khen rằng: nếu Tỳ-khưu hành theo cách thức như thế, Tỳ-khưu ấy được gọi là người vừa theo lời nguyện đầu tiên8 của mình đúng theo kệ ngôn như vầy.

Pindam vihàram sayanàsananca
Sutvàna sanghàtirajùpavàhanam
Sankhàya seve varapannàsàvako
Tasmàhi pinde sayanàsane ca
Àpe ca-sanghàtirajùpavàhane
Etesu dhammesu anùpalitto
Bhikkhu yathà pokkhare vàrivindu
Kàlena laddhà parato anuggahà
Khajjesu bhojjesu ca sàyanesu ca
Mattam sojanna satatam upatthito

Vanassa àlepanarùhane yathà
Kantàre puttamamsamva akkhassabbhanja nam yathà.
Evam àhati àhàram yàpanàya amucchito.
Nghĩa là: Hàng thinh văn, người có trí tuệ thanh cao, khi được nghe pháp mà bậc thiện thệ đã giảng giải rồi, cần phảiquán tưởng trước rồi mới nên dùng: vật ăn, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bịnh, nước để giặt, y 2 lớp. Bởi cớ ấy, không nên say mê trong vật thực, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bịnh, nước để giặt, y 2 lớp ấy đâu, phải có tư cách trơn tru không dính mắc, như giọt mưa rớt trên lá sen vậy. Tỳ-khưu là người có trí nhớ luôn luôn, cần phải tiết độ trong vật ngọt, vật mặc và các vật thực mà mình đã được theo thời, để tiếp độ thí chủ cũng như dè dặt trong sự rờ rẫm mụt ghẻ do sự thoa thuốc vậy.

Người đi đường xa, cực chẳng đã phải ăn thịt con để gìn giữ sinh mạng trong khoảng đường nguy hiểm, người xa phu bất đắc dĩ mới ăn dầu thoa ốc xe thế nào, thì hành giả buộc lòng thọ thực để duy trì sanh mạng của mình cũng như thế ấy, chẳng nên vì lẽ gì, mà say mê trong vật thực.

---o0o---

PHÉP QUÁN TƯỞNG (Paccayavekkhana)

Những người xuất gia tu Phật phải biết phép quán tưởng ầy hằng ngày, phải học nó cho thông thuộc nằm lòng, cả tiếng phạn và nghĩa lý.

Các phép quán tưởng ấy có 4 là:

- Y phục để cho người xuất gia dùng nhất là y ca-sa. - Vật thực để cho người xuất gia được phép ăn từ mặt trời mọc đến đứng bóng, nhất là cơm và bánh. - Chỗ ngụ để cho người xuất gia an nghỉ. - Thuốc để cho người xuất gia dùng ngừa bịnh.

Trong mỗi phép ấy đều có cách quán tưởng khác nhau là:

- Quán tưởng về nguyên chất y phục.
- Quán tưởng về nguyên chất vật thực.
- Quán tưởng về nguyên chất chỗ ở
- Quán tưởng về nguyên chất thuốc men.

---o0o---

I- PHÉP QUÁN TƯỞNG VỀ NGUYÊN CHẤT Y PHỤC (Dhàtipaccavekkhana)

Phép quán tưởng này dạy phải thẩm xét trong khi thọ lãnh 4 món vật dùng ấy cho thấy rõ nguyên chất của nó.

1) Khi thọ lãnh y phục phải quán tưởng bằng các này:

Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam cìvaram tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno.

Y phục này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

2) Khi thọ lãnh món ăn phải quán tưởng bằng các này:

Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam piindapàto tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno.

Món ăn này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

3) Khi thọ lãnh chỗ ở phải quán tưởng bằng các này:

Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam senàsanam tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno

Chỗ ở này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

4) Khi thọ lãnh thuốc men phải quán tưởng bằng các này:

Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam gilànappaccaya bhesajja parikkhàro tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno

Thuốc men để cho người bịnh dùng đây hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

---o0o---

II- PHÉP QUÁN TƯỞNG VỀ VẬT ĐÁNG GHÊ GỚM (Patikùlapaccavekkhàna)

Phép này dạy phải quàn tưởng trong khi sắp dùng 4 vật dụng ấy cho thấy rõ là vật đáng nhờm gớm.

1) Khi sắp mặc y phục, phải quán tưởng bằng cách này.

Sabbànipanimànicìvaràni ajigucchanìyàni imampùtikàyam patvàativiyajiguechanìyànijàyanti

Những y phục này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

2) Khi sắp mặc vật thực, phải quán tưởng bằng cách này.

Sabbopanàyam pindapàto ajigucchanìyàni imampùtikàyam patvàativiyajiguechanìyànijàyanti

Những món ăn này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

3) Khi sắp vào chỗ ở, phải quán tưởng bằng cách này.

Sabbànipanimànisenàni ajigucchanìyàni imampùtikàyam patvàativiyajiguechanìyànijàyanti

Những chỗ ở này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

4) Khi sắpdùng thuốc men, phải quán tưởng bằng cách này.

Sabbopanàyam gilànappacceyabhesajjaparikkhàro ajigucchanìyàni imampùtikàyam patvàativiyajiguechanìyànijàyanti

Những vật để bảo dưỡng thân thể tức là thuốc men dành riêng cho người bịnh dùng, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gớm lắm.

---o0o---

III- PHÉP QUÁN TƯỞNG TRONG KHI DÙNG CÁC VẬT DỤNG (Tamkhanikapaccavekkhana)

Phép này dạy phải quán tưởng trong khi dùng 4 vật dụng:

1) Khi thọ mặc y phục phải quán tưởng bằng các này:

Patisamkhàyoniso cìvarampatisevàmiyàva devasìtassapatighàtàya unhassapatighàtàya damsamakasavàtatapasirimsapa samphassà nampatighàtàya yàvadevahirikopinappaticchàdanattham.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta mặc y phục đây để ngừa sự lạnh, nóng, muỗi,mòng, nắng, gió, rắn nhỏ, rắn lớn và để che thân thể cho khỏi hỗ thẹn (lõa thể) vậy thôi.

2) Khi ăn phải quán tưởng bằng các này:

Patisamkhàyoniso pindàpàtampatisevàminevadavàyana madàya namandanàyanavibhùsanàya yàvadeya imassa kàyassathitiyà yàpanàyavihimsu paratiyà brahmacariyànuggahàya itipuràànancavedanam patihamkhàmina vancavedanamnauppàdessàmi yàtràcamebhavissati anavajjatàcaphàsuvi hàrocàti.

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta thọ thực đây chẳng phải để chơi như trẻ con ở thế, cũng chẳng phải dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, chẳng phải để điểm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm.

Ta thọ thực chỉ để cho thân tâm được mạnh khỏe, đặng chánh sự khó nhọc, hầu tu hành theo đạo cao thượng, cho ta diệt trừ cái khổ đã qua là sự đói khát và ngừa sự ăn quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi sẽ phát sanh đến cho ta nhờ sự thọ thực này.

3) Khi vào chỗ cư ngụ, trong thất, nhà, phải quán tưởng bằng các này:

Patisamkhàyoniso senàpanampati sevàmiyà vadevasìtassapati ghàtàyanuhassapatighàtàyassànam patighàtàya yàvadeva utuparissayavinodanam patisalànaràmattham

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta dùng chỗ ở đây để tránh sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn, tránh sự khó chịu bởi thời tiếc và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

4) Khi dùng thuốc để ngừa bịnh, phải quán tưởng bằng các này:

Patisamkhàyoniso gilànappaccayabhesajjaparikkhàrampatise vàmi yàva devauppannànam veyyàbàdhikànam vedanànam patighàtàya abyàpajjhaparamatàvàti

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta dùng thuốc để dưỡng thân đây là thuốc mà người bịnh dùng để ngừa những bịnh hoạn đã phát khởi lên rồi, cho đặng tránh khỏi khổ não, nặng nề thường có.

---o0o---

IV- PHÉP QUÁN TƯỞNG CÁC VẬT DỤNG ĐÃ DÙNG RỒI (Atìtapaccavekkhana)

Phép này dạy phải quán tưởng 4 vật dụng khi đã dùng rồi trong ngày ấy, nghĩa là vật dụng đã dùng qua 1 ngày, 1 đêm, phải hồi tưởng trước khi mặt trời mọc. Trong mỗi món dùng phải quán tưởng 1 hoặc 2 lần, 3 lần cũng được.

1) Khi quán tưởng y phục phải quán tưởng bằng cách này:

Ajjamayà apaccavekkhitvàyam cìvaram paribhuttam tamyàvadevasìtassapatighàtàya unhassapatighàtàya damsamakassavàtà tapasirimsappasamphassànampatighàtàya yàvadeva hirikopinappaticchàdanattham

Y phục nào mà ta chưa quán tưởng mà mặc trong ngày nay rồi, y phục ấy ta mặc để ngừa sự lạnh, sự nóng, muỗi, mòng, nắng, gió, rắn nhỏ, rắn, lớn, cho đặng che thân thể và tránh điều hỗ thẹn (lõa thể).

2) Khi quán tưởng vật thực phải quán tưởng bằng cách này:

Ajjamayà apaccavekkhitvàyo pindapàto paribhutto sonevadavàyanamadànanam danàyanavibhùsanàya yàvadeva imassakàyassathittiyà yàpanàyavihimsuparatiyàbrahma cariyà nuggahayà itipùrànancavedanam patihamkhàmi navancavadanamna upppàdessàmi yàtràcamebhavissatiana vajjatàca phàsuvihàrocàti.

Vật thực nào ta chưa quán tưởng mà ta dùng trong ngày nay rồi, Ta thọ thực đây chẳng phải để chơi như trẻ con ở thế, cũng chẳng phải dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, chẳng phải để điểm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm.

Ta thọ thực chỉ để cho thân tâm được mạnh khỏe, đặng chánh sự khó nhọc, hầu tu hành theo đạo cao thượng, cho ta diệt trừ cái khổ đã qua là sự đói khát và ngừa sự ăn

quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi, sự vô tội nhất là thân tâm không biếng nhác và sự an lạc trong 4 oai nghi, chỗ phát sanh đến ta là do nhờ sự thọ thực này.

3) Khi quán tưởng chỗ ở phải quán tưởng bằng cách này:

Ajjamayà apaccavekkhitvàyam senàsanam paribhuttam tamyàvedevasìtassapatiighàhàtàya unhassapatighàtàya damsamakasavàtàta pasirimsapasamphasànam patighàtàya yàvadevautuparissayavino danam patisallànàràmattham.

Chỗ ở nào mà ta chưa quán tưởng mà ta đã vào cư ngụ trong ngày nay rồi, là để tránh sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn tránh sự khó chịu bở thời tiếc và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

4) Khi quán tưởng thuốc uống phải quán tưởng bằng cách này:

Ajjamayà apaccavekkhitvàyo gilànappaccayabhesajjaparikkhàro paribhutto soyàvadevauppannànam veyyàbàdhikànam vedanànampatighàtàya abyàpajjhaparamatàyàti.

Thuốc uống để dưỡng thân là thuốc để cho người bịnh dùng, ta đã dùng cho ngày nay mà ta chưa được quán tưởng. Thuốc ấy tadùng để ngừa những bịnh hoạn đã phát khởi lên rồi, cho đặng tránh khỏi khổ não, nặng ne àthường có.

---o0o---

LÀM CHO GIỚI TRONG SẠCH

TỘI BÁO TRONG SỰ PHÁ GIỚI (Sìlavipatyàdìnavakathà)

Nói tóm lại, pháp làm cho giới được trong sạch chỉ do 2 điều là:

- Thấy tội trong sự phá giới. - Thấy phước trong sự trì giới.

Đây xin giải về sự phá giới trước.

Trong phẩm Anguttaranikàya pancakanipàta. Đức Phật có giảng 5 điều như vầy.

1. Người phá giới, người không có giới hằng bị tiêu hủy của cải mau lẹ, và vì nguyên nhân sự dễ duôi.

2. Danh xấu của người phá giới, người không có giới hằng bị đồn xa đến các hướng. 3. Người không có giới, khi vào chỗ đô hội, không được tươi tỉnh, hằng ái ngại hỗ thẹn, gục mày.

4. Người không có giới, hằng mê loạn tinh thần trong khi hấp hối. 5. Người không có giới, khi ta rã ngũ uẩn hằng thọ sanh trong cảnh khổ .

Lại nữa, kẻ phá giới không được vừa lòng chư thiên và không đáng cho bậc phạm hạnh dạy bảo, phải chịu điều khổ não và lo ngại, vì bị người đời chê trách. Kẻ phá giới hằng hối hận, vì được nghe người đời ngợi khen bậc có giới, thường có màu da xấu xa dường như vải làm bằng vỏ cây và phải chịu sự khổ lâu dài trong đường dữ.

Người không có giới, nếu thọ lãnh vật dụng, thì làm cho kẻ tín thí ít phước, là người khó trau dồi cho mình trở nên trong sạch được, ví như hầm phẩn chất chứa đã lâu năm, là người tiêu hoại, đã xa lìa các đức tánh của hàng Sa- môn và tài sản của cư sĩ, ví như đống tro tàn thiêu tử thi còn sót lại. Dầu có xưng mình là Tỳ-khưu cũng vẫn không-phải là Tỳ-khưu. Ví như các con lừa theo dính bầy bò, hằng ngày làm cho bò giựt mình luôn. Kẻ ấy bị cho là cừu thù với tất cả loài người, không đáng cho người khác chung chạ, dường như tử thi, dầu có văn đức9(suta) cũng không đáng cho hàng phạm hạnh dâng cúng, dường như lữa trong rừng mộ địa không đáng cho bậc Bà-la-môn chiêm bái, là người abhabba trong sự giác ngộ các đức cao thượng, dường như người mù không thể xem thấy sắc, là người không còn trông cậy nơi Phật pháp, dường như trẻ con thấp hèn10 không còn mong mỏi thọ hưởng ngôi vua, dầu tưởng rằng: ta có sự vui cũng chẳng khác chi được khổ.

Có kệ ngôn rằng:

Abhivàdanàsàdiyane kim nàma sukham vipannasìlassa dalhavàlarajjughamsanadukkha dhikadukkha bhàgissa

Nghĩa là: Vui trong ngũ dục mang quả khổ, bứt rứt nóng nảy nhiều hơn điều khổ phát sanh do sự ôm đống lửa. Khi người phá giới không chịu bỏ tánh xấu ấy ra, thì sự vui chánh thức không sao phát sanh được.

Saddhànam anjalìkammasàdane kim sukham asìlassa sattippahàradukkhàdhimattadukkhassayam hetu.

Nghĩa là: Tư cách nhận lãnh lễ bái của người có đức tin, là nguyên nhân chịu sự khổ rất lớn hơn sự khổ phát sinh do cách bị sát hại bằng gươm đao, sự vui không thể nào có đến cho kẻ phá giới, vì nguyên nhân chịu sự lễ bái của những người có đức tin ấy được.

Cìvaraparìbhogasukham kim nàma asannàtassa yena ciram anubhàvitabbà niraye jalita ayopattasasamphassà

Nghĩa là: Người không thu thúc phải chịu khổ lâu ngày, vì bị lửa của các miếng sắt cháy hỏa hào trong địa ngục thiêu đốt. Sự vui trong cách thọ dụng các thứ y ca-sa như thế không sao có đến người không thu thúc ấy được.

Madhuropi pindapàto halàhalavisupamo asìlassa àdittà gìlitabbà ayoyulà yena ciramrattam.

Nghĩa là: Hột cơm mà người không có giới dùng, dầu là ngon miệng đến đâu, cũng ví như chất thuốc độc mạnh, vì kẻ dùng cơm ấy sẽ bị ăn những cục sắt mà lửa địa ngục đốt cháy đã lâu ngày.

Sukhasammatopidukkho asìlino mancapìthaparibhogo yam bàdhissanti vciram jalita ayomancapìthàni dukkhàni.

Nghĩa là: cách dùng giường và chõng của người không có giới, dầu là nói được vui, cũng phải chịu khổ, vì người ấy sẽ bị giường và chõng mà lửa địa ngục đốt cháy đỏ, làm hại lâu ngày, bởi sự dùng giường và chõng ấy.

Dussìlassa vihàre sadhadeyyamhi kànivàsaratì jalitesu nivasitabbam yena ayokumbhìmajjhesu.

Nghĩa là: sự vui thích do cách nương ngụ trong tịnh thất của người bố thí bằng đức tin, không sao có đến người phá giới được, vì người ấy bị vào ở trong giữa chão sắt mà lửa địa ngục đã đốt cháy hảo hào.

Sabbabhayehiamutto mutto sabbehi adhikamasukhehi supitahitasaggadàro apàyamaggam samàrulho.

Nghĩa là: kẻ phá giới không sao tránh khỏi sự kính sợ đâu. Sự vui trong các cõi đã dứt hẳn rồi, cửa vào cõi trời cũng đã đóng chặt rồi, kẻ ấy chỉ còn có đi trên con đường cảnh khổ thôi.

---o0o---

GIẢI VỀ PHƯƠNG PHÁP LÀM CHO GIỚI TRỞ NÊN TRONG SẠCH (Suddhi kathà)

Nơi cuối cùng đây, xin giải về 4 Suddhi:

Bốn thanh tịnh giới như đã giải, nếu gọi theo Suddhi là sự phải làm cho trở nên trong sạch, mỗi khi đã phá giới ấy, có 4 tên khác nhau như:

1) Desanà suddhi: Giới trong sạch vì phẩm cách "sám hối", là nói về "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" - Pàtimokkha samvarasìla.

2) Samvara suddhi: Giới trong sạch vì phẩm cách "thu thúc", là nói về "Lục căn thu thúc giới" - Indriyasamvarasìla.

3) Pariyetthi suddhi: Giới trong sạch vì phẩm cách "tìm kiếm", là nói về "Nuôi mạng thanh tịnh giới" - Àjìvarisuddhisìla.

4) Paccavekkhana suddhi: Giới trong sạch vì phẩm cách "quán tưởng", là nói về "Thọ vật dụng giới" - Paccayasannissitasìla.

"Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" được trong sạch do phẩm cách "sám hối", là khi phạm rồi, cần phải sám hối giữa Tăng, hoặc 1, 2, 3 vị Tỳ-khưu mới có thể trở nên trong sạch được.

"Lục căn thu thúc giới" được trong sạch do phẩm cách "thu thúc", là khi phạm rồi, cần phải nguyện rằng "Ta không nên làm như thế nữa", rồi dè dặt thu thúc thêm, mới có thể trở nên trong sạch được.

"Nuôi mạng thanh tịnh giới" được trong sạch do phẩm cách "tìm kiếm", là khi phạm rồi phải dứt bỏ anesana, là nguyên nhân phá giới, rồi tìm vật dụng phát sanh đúng theo điều luật mà dùng, mới có thể trở nên trong sạch được.

"Thọ vật dụng giới" được trong sạch do phẩm cách "quán tưởng", là muốn cho giới ấy trở nên trong sạch, thì cần phải quán tưởng theo cách thức quán tưởng như đã có giải.

Cho nên hành giả có 1 trong 4 giới nào không được trong sạch, nên trau dồi theo cách đã giải trên, chẳng nên điềm nhiên giữ lấy vật "ô nhiễm" ấy để trong mình.

Những điều đã giải trên đây, chỉ là phương pháp để sửa mình cho hành giả phá giới xu hướng theo.

Hành giả là người thành tâm thương giới, cần phải gìn giữ giới cho trong sạch luôn luôn, chẳng nên vì lẽ gì mà phá giới. Phải hành cho đúng theo kệ ngôn, đã có ghi chép rằng:

Dhanam caje angavarssa hetu angam acjejìvitam rakkha màno angam dhanam jìvitancàpi sabbam caje naro dhamma manussaranto.

Nghĩa là: - Chỉ phải dứt bỏ tài sản và tứ chi thân thiết là "Nếu thương yêu tứ chi, thì phải bỏ của cải ra đổi, khi muốn gìn giữ sanh mạng thì phải bỏ tứ chi ra đổi. Khi nhớ thấy chánh pháp thì phải bỏ cả tứ chi, của cải và luôn cả sanh mạng đem ra đổi".

---o0o---

GIẢI VỀ VẬT Ô NHIỄM CỦA GIỚI (Sìlassasankilesakathà)

Điều ô nhiễm của giới là:

- Trạng thái giới đứt.
- Trạng thái giới lũng.
- Trạng thái giới vá.
- Trạng thái giới rỗ. 11

Cả 4 trạng thái ấy gọi là ô nhiễm của giới, nhất là trạng thái giới đứt, là nói về trạng thái làm cho đứt giới vì 5 nguyên nhân và 7 điều methunasamyoga (hành vi vừa với sự giao hợp).

Trạng thái làm cho đứt giới vì 5 nguyên nhân ấy là: Trong 7 phần tội nếu Tỳ-khưu đứt điều học thứ nhất hoặc điều học cuối cùng vì theo lợi, tham danh gọi là "giới đứt" như y ca-sa đứt bìa. Nếu đã đứt điều học giữa, gọi là "giới lũng", như y ca-sa lũng khoảng giữa. Nếu đứt 2 hoặc 5 điều học liên tiếp nhau, gọi là "giới vá", như bò đen hoặc vàng, có màu sắc khác nhau nơi lưng, nơi bụng. Nếu đứt điều học từ khoảng, gọi là "giới rỗ", như bò có nhiều đúm trắng hồng, đen, nhiều chỗ. Trạng thái giới đứt có 5 nguyên nhân vì theo lợi, tham danh như thế .

Phá giới do 7 điều methunasamyoga là:

1) Thầy Bà-la-môn đã tự nguyện rằng hành đạo phạm hạnh rồi lại ưa thích trong sự vuốt ve, rờ rẫm vật dụng của phụ nữ, rồi ưa thích theo.

2) Không làm đến thế, chỉ vui cười giỡn hớt với phụ nữ, rồi ưa thích theo.

3) Không làm đến thế, chỉ liếc mắt trừng mày, với phụ nữ, rồi ưa thích theo.

4) Không làm đến thế, chỉ nghe tiếng hát của phụ nữ, rồi ráng lóng tai nghe ưa thích theo.

5) Không làm đến thế, chỉ nhớ đến cách cười, tiếng nói, hoặc thói quen đã tiếp xúc với phụ nữ từ trước, rồi ưa thích theo.

6) Không làm đến thế, chỉ thấy thí chủ, hoặc con cháu thí chủ rồi say mê theo ngũ trần và ưa thích giùm, hoặc muốn cho được như họ.

7) Không làm đến thế, chỉ muốn cho được thành hạng chư thiên, rồi tu phạm hạnh, cố ý rằng "Ta sẽ làm được vị trời như vầy, do sự trì giới này, rồi ưa thích làm theo".

Cả 7 điều ấy gọi là methunasamyoga, xấp xỉ với sự hành dâm. Nếu hạng Bà- la-môn hành theo thể thức ấy, thì giới hoặc pháp phạm hạnh của Bà-la-môn đó bị gọi là: đứt, lũng, vá, rỗ như đã giải.

---o0o---

GIẢI VỀ ĐIỀU TRONG SẠCH CỦA GIỚI (Sìlassavo dànakathà)

Điều trong sạch của giới là:

- trạng thái của giới không dứt.
- trạng thái của giới không lũng.
- trạng thái của giới không vá.
- trạng thái của giới không rỗ.

Những hành giả giữ giới không dứt, lũng, vá, rỗ được thì cần phải dè dặt không dám phạm 1 điều học nào, hoặc nếu đã phạm 1 giới nào phải mau hối hả tu bổ lại cho trong sạch và phải ráng ngăn ngừa không cho 7 điều là methunasamyoga và 14 ác pháp làm hại đến tâm tánh.

Phải nên trau dồi 9 đức tính, mới có thể làm cho giới trong sạch được.

---o0o---

MƯỜI BỐN ÁC PHÁP

Đó là:

1) Kodho: Giận.
2) Upanàho: Cố giận.
3) Makkho: Quên ơn người.
4) Palàso: Tự cao đem mình so sánh với bậc có tài đức.
5) Issà: Ganh gổ.
6) Macchariyam: Bón rít, giấu không cho ai thấy của mình.
7) Mayà: Giấu lỗi mình.
8) Sàtheyyam: Khoe tài đức mà mình không có.
9) Thambho: Cương nghạnh, cứng đầu.
10) Sàrambho: Tranh đua, dành phần hơn.
11) Màno: Tự kiêu.
12) Atimàno: Khinh người.
13) Mado: Say mê.
14) Pamàdo: Cẩu thả, dễ duôi, buông lung theo ngũ trần (sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, đụng chạm nơi êm ái.).

---o0o---

CHÍN ĐỨC TÁNH

1) Appicchatà: Không ham muốn hoặc ham muốn ít. 2) Santutthità: Vui thích bình đẳng đối với vật đã được, hoặc với vật dụng của mình. 3) Sallekkhatà: tu hành cho giảm lần phiền não. 4) Pavivekatà: ưa thích nơi thanh vắng. 5) Apacayatà: Không cho phiền não đông đặc hoặc phát sanh lên được. 6) Viriyàrambhatà: Tiến hành không cho ác pháp phát sanh. 7) Subharatà: Làm người dễ duôi. 8) Appakiccatà: Làm người ít bận việc. 9) Sallahukavuttità: Người nhẹ nhàng như loài chim chỉ có cặp cánh và đuôi bay đi đến nơi nào cũng được dễ dàng.

---o0o---

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ TRÌ GIỚI

Những người vâng giữ các điều học trong sạch được thọ hưởng 5 quả phước là.

1) Người có giới hằng được nhiều tài sản vì không có sự dễ duôi lười biếng. 2) Danh dự của người có giới hằng bay khắp hướng.

3) Người có giới hằng đi đến nơi nào đô hội hằng được tươi tỉnh, không hỗ thẹn gục mày. 4) Người có giới hằng không tán loạn trong khi hấp hối. 5) Người có giới sau khi mạng chung hằng được thọ sanh trong nhàn cảnh.

Chẳng phải có thế thôi, người có giới hằng là nơi yêu mến sùng bái vừa lòng của bậc phạm hạnh. Chỉ đến khi chứng quả Niết Bàn thì mới diệt tận những lậu phiền não, y theo kệ ngôn sau này:

1. Nagangà yamunà vàpi sarabhùvà sarassati ninnagà mahì vàpi mahà nadì sakkunanti visodhetum tam malam idha pàninam visodhayati sattànam yam vesìlajalam malam

Nước của các sông lớn (ở Ấn Độ) là sông Gangà, Yamunà, Sarabhù, Sarassati, Àcivarati, Mahi cũng không có thể rửa sạch điều nhơ nhớp của tất cả chúng sanh trong thế gian, chỉ có nước tức là giới này mới mong rữa sạch điều nhơ nhớp của tất cả chúng sanh được.

2. Na tam sajaladà vàtà na càpi haricandanam nevahàrà na manayo na candaki ranakkurà samayantìdha sattànam parilaham surakkhitam yam sametìdam ariyam sìlam accantasìtalam

Các ngọn gió có nước, hoặc có mùi thị đỏ, hoặc các thứ ngọc xích châu mã não, hay là ánh sáng mặt trăng cũng không sao dứt trừ sự bực tức nóng nảy của tất cả chúng sanh trong thế gian này được. Chỉ có giới thanh cao mà người đã vâng giữ chơn chánh rồi là phước đức rất mát mẻ, mới có thể dứt trừ được.

3. Sobhantevanna ràyàno muttàmanvi bhùsità yathà sobhanti yatino sìlabhùsanabhùsità

Các bậc đế vương trang điểm bằng ngọc xích châu, mã não thường cho là tốt đẹp rồi, nhưng cũng không bằng hành giả đã trau dồi bằng vật trang sức, tức là trì giới đâu.

4. Attànuvàdàdibhayam viddhamsayati sabbaso janeti hàsanca sìlam sìlavatemsadà

Giới của các bậc thiện trí thức hằng diệt trừ được những điều kinh sợ, nhất là sự bực bội, không còn thương xót và thường làm cho danh dự và điều ưa thích đước phát sanh.

5. Appakàpi katàkarà sìlavante mahapphàlahontiti sìlavà hoti pùjàsakkàrahàjanam

Lễ vật mà thí chủ đã cúng dường đến người có giới, dầu là chút ít cũng được nhiều phước báo, vì người có giới đáng gọi là đồ đựng lễ vật cúng dường.

6. Sìlavantam nabàdhenti àsavà ditthadhammikà samparàyikakkhànam mùlam khanati sìlavà.

Các pháp phiền não có tánh các giết hại và buộc trói người trong kiếp hiện tại. Nhưng không sao làm hại những bậc có giới hạnh được. Chẳng phải chỉ có thế thôi, những người hằng đào bứng gốc rễ các thống khổ trong ngày vị lai không cho phát sanh lên được.

7. Yà manussesu sampatti yà cadevesu sampadà na sà sampannasìlassa icchato hoti dullabhà.

Những người có giới hạnh đầy đủ, muốn được tài sản trong cõi người và trời cũng không khó.

8. Accantasantà pana yà ayam nibbànasampadà sampannasìlassa mano tameva anudhàvati nibbànasampatti.

Đức tính tuyệt vời không xót xa vì phiền não, vì người có giới đầy đủ hằng lướt tới, để đạt tài sản Niết bàn tức là nơi tịch tịnh.

Những hành giả khi đã niệm tưởng quả báu sự trì giới rồi, có thể gớm ghê xa lánh sự phá giới, làm cho giới được trong sạch đầy đủ, không sai. Cớ ấy, bậc thiện trí thức nên niệm tưởng đến tội trong sự phá giới và phước trong sự trì giới như đã có giải rồi, nên tinh tấn cho giới mình được trong sạch đầy đủ.

--- o0o ---

PHẦN 03 NHỮNG ĐIỀU CẤM RỜI RẠC

Những Tỳ-khưu vô bịnh không nên đi xe, nếu có bịnh được phép đi xe bò, ngựa xa phu dầu là nam hoặc nữ cũng được.

Khi vô bịnh không nên mang dép vào xóm.

Không nên ngồi, nằm trên các thứ da: khỉ (matadho), sư tử (kalasìho)... (sarabho), bò, ngựa, trâu và các thú dữ, trừ ra của Giáo hội thì không cấm hoặc dùng để làm dép đi cũng được.

Không nên mang dép toàn màu đỏ, xanh, vàng, vàng lợt (như màu rơm), đen, đen sậm (như lưng rít), đỏ như màu lá cây chín, như màu hoa sen. Nếu được những vật như thế, nên làm cho ra khác màu đã cấm, thì dùng được.

Lại nữa, không nên mang guốc, các thứ dép giống như của kẻ thế, dép bít mắt cá, bít lưng chân, có giày buột đến mắt cá, góc có dồn bông gòn, dép thêu, có dây buộc treo thắt kết, mũi quớt lên như đuôi con bò cạp, như đuôi con công.

Tỳ-khưu cao hơn 5 hạ, đáng làm Àcàriya đi chơn không, vị nhỏ hạ mang dép, phạm Tác ác.

Không nên thọ và ăn thịt, cá sống. Người xuất gia được kẻ thí chủ sát sanh cầm thú dâng cho, cũng chẳng nên ăn.

Không biết rồi dùng thịt thú mà đức Phật cấm (akappiyamamsa) cũng phạm tội. Sau khi ăn, nếu rõ là thịt (akappiya) thì phải sám hối. Như thế Tỳ-khưu cần xem xét hỏi lại cho rõ rồi mới nên dùng. Vì khó phân biệt thịt cấm (thịt gấu giống thịt heo, thịt beo, cọp giống thịt thú rừng có 4 chân).

Nếu có mặt vị trưởng lão, thiện tín thỉnh vị nhỏ hạ thuyết pháp, tụng kinh, nên chờ lịnh của vị cả hoặc bạch cho vị cả hay.

Nếu vị cả nín thinh thì thuyết pháp, tụng kinh, không lỗi. Bằng vị cả không cho, không nên cãi. Nếu đã lên pháp tọa rồi, vị cả mới đến thì không chờ lịnh.

Không có vải lọt nước, chẳng nên đi đường xa.

Nên cho thực phẩm anàmattha pindapàta đến cha mẹ, người hộ cha mẹ, hộ tăng và giới sắp xuất gia (trong khi đang nhuộm y, đốt bát). Với giới tử, dầu đồ đựng của mình đem cho, cũng vô tội. Với cha mẹ, thiện tín thì không nên.

Nên cho anàmattha pindapàta đến kẻ cướp và các quan đến chùa (vì e có sự tai hại đến Phật giáo và mình). Có người đi lỡ đường đến nhà chùa nên tuỳ tiện cho cơm, cháo, cho nước uống, chỗ nghỉ, song đừng mong được sự lễ

vật trả ơn). Với kẻ cướp, dầu là tài sản thuộc của tăng cũng nên cho để ngừa tai hại.

Đem tin cho cha, mẹ người sắp xuất gia, không phạm tội. Hỏi thăm tin, mình nói cũng vô tội. Đem tin cho kẻ khác phạm Tác ác.

Cho bông đến cha, mẹ và thiện tín để cúng Tam bảo không phạm tội.

Trồng cây để dùng bông trái, bóng mát, hoặc tưới nước bằng lời kappiyavohàra vô tội.

Nhuộm y không nên ngồi quỳ 2 đầu gối xuống đất.

Không dùng tăm xỉa răng có 5 tội:

- Mất sự lợi ích cho mắt.
- Miệng hôi.
- Bộ thần kinh thọ chất bổ dưỡng không sạch sẽ.
- Mật và đàm hằng bao trùm thực phẩm.

- Thọ thực không biết ngon.
Người, trước khi tu có làm thợ cạo, hớt tóc, xin xuất gia không nên đem dao cạo theo.

Không nên nhỗ tóc bạc, song, nếu có lông mọc trên mày, mí mắt, làm cho khó chịu, nhổ vô tội.

Không nên hớt tóc, nếu có ghẻ trên đầu, hớt tóc thoa thuốc cũng được. Không nên chải tóc, xức dầu, đánh sáp, vuốt tóc, trừ ra tóc có bụi vuốt cũng được.

Không bị chẳng nên che dù đi vào xóm. Có bịnh là; chóng mặt, nhức đầu, choá mắt hoặc có bịnh cần phải che dù, thì không cấm.

Nếu có mưa sợ ướt y, hoặc sợ kẻ dữ mà che dù, thì không tội, dù bằng lá cây che nơi nào cũng được, nếu muốn khỏi tội, chỉ được phéep che dù trong chùa, trong đất chùa mà thôi.

Không nên vẽ, hoặc bảo kẻ khác vẽ hình người và thú để chơi. Nếu vẽ làm cho sanh lòng chán nản, thì vô tội (như vẽ các tích đức Bồ tát).

Không nên máng, treo bát. trong nơi nào cả.

Để bát trên chỗ bén, cứng (đá, sắt...) cũng phạm tội.

Không nên để dành đồ ăn trong bát, rữa tay trong bát dùng bát đựng đồ dơ (lá, vỏ rác...) đem đi đổ. dùng tay dơ cầm bát không nên, vật thực ăn vào miệng rồi nhả ra để trong bát không nên. chẳng nên ăn vật chi mà không có kẻ dâng. Những vật dính trong tử thi chưa rã là da thịt còn nguyên chưa bị thú ăn, không được phép lấy mà dùng, bát còn ướt không nên đem phơi hoặc cất.

Không nên ngồi và nằm chung với phụ nữ, bộ nấp và người có cả 2 bộ sanh thực khí.

Không nên ngồi và nằm trên chỗ họ trãi lót mà mình chưa xem xét trước (hoặc lấy tay rờ, lật qua lại). Khi họ trải mình thấy, hoặc lót bằng vải mỏng thì không cần phải xem xét. Chẳng nên ngồi nằm trên chỗ có rải bông, hoặc vật thơm.

Không nên dùng gối thêu, gối dài quá nửa thân mình, gối may 2 mặt bằng vải đỏ sậm, đỏ lợt.

Những vật chi để cho Giáo hội dùng trong 1 nơi nào, không nên lấy đem dùng riêng cho mình.

Nếu thí chủ thỉnh đi thọ thực, họ chưa mời, không nên ngồi, phải đứng xa nơi ấy chờ họ thỉnh sẽ ngồi.

Tỳ-khưu không nuôi bịnh cho nhau, dầu vị cả không nuôi cũng phạm Tác ác. Nếu chia phiên nuôi bịnh thì vô tội.

Đức Phật cho phép người nuôi bịnh, nếu người bịnh chết được thọ lãnh phần y bát, ngoài ra vật trong garubhanda thì nhập vào của Tăng dùng chung, không được phép chia. Những vật tầm thường thì phải chia với nhau, cho tất cả người xuất gia có mặt trong chùa (Tỳ-khưu, Sa-di).

Không nên rờ đụng hình tượng phụ nữ và 7 thứ lúa, dầu trồng ngoài ruộng cũng vậy. Nếu không có đường đi thì nguyện là "đường đi" rồi mới đi, không phạm, nhưng không nên đạp nhằm lúa. Nếu thí chủ thỉnh ăn tại trên đống lúa, gạo, thì không được phép ngồi, phải nói với họ trải trong nơi khác. Nếu không có nơi nào trống thì vô tội.

Không nên rờ đụng trái cây chưa dâng, trái cây rụng trong rừng. Nếu tính lượm về cho anupasampanna thì được phép. Không nên đụng nhằm 10 thứ ngọc thạch và vàng bạc. Ngọc Mutta nếu chưa giồi, đụng không sao. Ngoài ra, đều là vật anàmàsa cũng chẳng nên thọ. Nếu thọ lễ làm thuốc chữa bịnh thì vô tội.

Các thứ khí giới đều là vật không nên rờ, đụng nhằm. Khí giới bỏ nơi chiến trường, bỏ cán ra, lấy lưỡi về làm vật dụng không tội.

Nếu có bụi bay vào bát cơm nên bảo anupasampanna (Sa-di hoặc cư sĩ) dâng lại, hoặc rửa cho sạch mới nên dùng.

Không nên có ý hát múa, bảo kẻ khác hát múa, hoặc nghe đờn kèn trong chùa. Trong nhà ăn, có bọn hát múa, đờn kèn đến cũng không tội. Nếu cố ý dòm, xem, nghe thì phạm.

Không nên nằm chung trên giường, chiếu đã trải lót, đắm mùng. Nếu nằm chung trên đồ trải lót, lấy vật chi (y, gậy...) để ngăn ngừa ở giữa không phạm.

Không nên ăn chung đồ đựng, uống chung đồ múc nước. Nếu đồ khô để trong 1 dĩa, tô, vị lấy ra ăn, vị khác dùng vật còn lại trong dĩa, tô ấy cũng khỏi phạm tội.

Xin thực phẩm và y bằng miệng không nên. Xin chỗ ở bằng cách nói rằng "Trong lúc này, cất tịnh thất được chăng?" Hoặc hỏi cư sĩ rằng: Ông ở đâu? Đáp: - Tôi ở trong dinh. Hoặc hỏi Tỳ-khưu có thể trong dinh được chăng? Xin như thế vô tội.

Đức Phật giải rằng:

"Này các Tỳ-khưu! Có đường đi không có lương thực, ít nước, ít thực phẩm, nếu không đự trữ đồ ăn thì khó đi được. Như Lai cho phép kiếm, trữ lương thực đi đường, được phép xin gạo, đường, muối, khô. Cần dùng vật chi, xin vật ấy.

Này các Tỳ-khưu! Có người tín ngưỡng bố thí nói với kẻ hộ tùng rằng: "Nếu đại đức dùng vật chi, người nên dâng vật ấy, Như Lai cho phép vật do vàng bạc mà phát sanh, các ngươi nên ưa thích vật ấy".

Như Lai không nói rằng: "Nên ưa thích vàng bạc trong nơi nào cả". Chẳng nên tìm vàng bạc đâu. Cần xin lương thực cho vừa để đi đường. đến nơi rồi, nếu còn dư, phải đem cho kẻ khác."

Trái cây có người trồng giữ, họ hứa sẽ dâng cúng mới nên thọ. Hứa dâng trái cây để sắm 4 vật dụng, nếu Tỳ-khưu ăn lén, phải xử theo giá trái cây: nhằm cơn đói kém đem ra đổi mua thực phẩm cũng được. Gặp mùa không sao kiếm thực phẩm được, nếu có thể, nên bán đổi chỗ ở cũ, hư, của Giáo hội, để nuôi sanh mạng, song phải nên tu bổ mấy chỗ còn chắc.

Nếu có kẻ đến trộm, cướp vật chi của chùa, Tỳ-khưu phải cho quan hay để tìm vật ấy lại. Nếu quan toà hỏi ai trộm cướp? Dầu Tỳ-khưu biết cũng chẳng nên nói tên kẻ ác ấy. Cần nói như vầy: Ông nên biết lấy, tôi chỉ xin tìm các vật ấy lại thôi. Nếu thưa kiện, quan xử phạt đến 0$60, Tỳ-khưu phạm tội Bất cộng trụ. Bằng chẳng thưa kiện, không chỉ tên kẻ dữ, dầu quan toà có xử phạt cũng vô tội.

Nếu chân không rửa hoặc đã rửa mà còn ướt, hoặc mang dép đạp lên chỗ ngồi, nằm (giường, chõng, hoặc chỗ có sơn phết), phạm Tác ác. Không nên dựa vào chỗ có sơn phết, (vách cột, cánh cửa) nếu để giường, chõng trên chỗ ấy phải lấy đổ lót, kê chân giường, chõng. Nếu vị cả không kê chân giường, mình để vậy cũng vô tội.

Không nên liệng hoặc bảo kẻ khác liệng đồ dơ (phẩn, nước tiểu, đồ ăn dư, rác) ngoài vách tường, ngoài hàng rào. Dầu liệng bỏ vật ấy, và cây tăm (xỉa răng) trên ruộng rẫy của người cũng phạm tội. Liệng trong ruộng rẫy, chưa gieo trồng chi hết thì không sao.

Chẳng nên ngủ ngày không đóng cửa. Nếu không đóng cửa mà tin rằng có người vào sau họ đóng hoặc có vị khác coi chừng dùm thì ngủ không phạm. Ngủ đến mặt trời mọc thức dậy cửa không đóng không phạm. Nhưng đã thức dậy mà không đóng cửa mà ngủ lại nữa thì phạm tội.

Không nên mướn ai làm công việc hoặc xin tài chánh để mướn người làm công việc cho mình, được phép xin họ làm thí công. Nếu họ không rãnh và nói: Ngài kiếm người làm rồi tôi trả tiền thì vô tội.

Muốn cần dùng vật chi chẳng nên xin ngay bằng lời nói. Ví dụ như đốt bát mà không có đồ thoa bát, khi đi khất thực thí chủ đem cơm dâng, lấy tay đậy bát lại, họ hỏi tại sao? Nên đáp: Đốt bát rồi không có dầu thoa. Họ xin bát đem thoa rồi để vật thực trong bát, mang đến dâng cúng được.

Nếu đi đường hoặc đi bát mệt, họ trãi chiếu hoặc đem ghế cho ngồi, khi đi phải cho chủ hay. Bằng không mất đồ phải thường.

Không nên dùng gối dài nữa thân mình, gối may 2 mặt đỏ để trên 2 đầu giường, (phía đầu và phía chân) và gối thêu, trừ ra gối vừa kê đầu thì không cấm.

Tỳ-khưu cao hoặc thấp hơn 2 hạ chỉ được phép ngồi chung trên giường hoặc chõng vừa ngồi được 3 người.

Được phép ngồi trên ghế của cư sĩ có dùng bông gòn mà không nên nằm, nếu nệm không dính với ghế thì không nên.

Chẳng nên ngồi, nằm trên chỗ cao quá hơn 8 ngón tay của đức Phật, trên chỗ cao quí (ghế có chạm trỗ) và có chạm trổ hình thú dữ.

Không nên nằm trên chỗ có sơn hình thú dữ, trên đồ trải bằng lông dài hơn 4 ngón tay, đồ trải bằng tơ, thêu hình thú dữ, đồ trảitrắng làm bằng lông thú, đồ trải làm bằng lông có chùm, đồ trải có dồn gòn, đồ trải có vẻ hình thú dữ, đồ trải có làm lông dững lên 2 bên, đồ trải có làm lông dững lên 1 bên, đồ trải có chạy kim tuyến, bằng tơ, hoặc đương bằng đồ quý, đồ trải bằng lông thú vửa cho 16 người khiêu vũ nhảy múa, đồ trải trên

lưng voi, ngựa xe, bằng da cọp, đồ ngủ có trần đỏ lên trên lưng, gối có 2 mặc đồ phết và lót, đồ sạch sẽ của tăng. Nếu chưa lót ngọa cụ của mình hoặc đã trải rồi mà ngủ quên, đồ trải cuống vào, thân thể đụng nhằm nơi ấy phạm tội. Lông chạm nhằm nơi nào, phạm tội, đếm theo số lông. Bàn tay và đụng nhằm vô tội.

-ooOoo-

GIẢI VỀ CÁCH CHO VÀ THỌ

Về sự thọ bằng cách thân thiết theo 5 chi:

- Của bạn đã thường thấy nhau.
- Của bạn thường hay ăn chung cùng nhau.
- Của bạn đã nói trước rằng: ngài muốn vật nào của tôi hãy lấy vậy ấy đi.
- Của người bạn còn sống.
- Của bạn biết rằng mình đã lấy rồi và ưa thích.

Tỳ-khưu gởi y trong tay vị khác, nhắn rằng: ngài đưa giùm y này đến giùm y tên đó. Người nhận lãnh, đi đến nữa đường, lấy y bằng cách thân thiết vời

Tỳ-khưu gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khưu chẳng chịu gởi cho gọi là không chơn chánh.

Người đi đến nữa đường, nghe tin chủ gởi y chết, nếu nguyện là di sản của vị chết ấy, gọi là nguyện lấy không chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin rằng gởi y đến vị nào, mà vị ấy đã chết rồi, nguyện là di sản của vị ấy chết, gọi là nguyện lấy không chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin cả 2 đều chết hết rồi nếu nguyện là di sản của Tỳ-khưu đã gởi ấy gọi là nguyện lấy bằng cách chơn chánh.

Nguyện lấy của Tỳ-khưu mà chủ chịu gởi cho gọi là nguyện lấy không chơn chánh.

Lạinữa, Tỳ-khưu gởi y trong tay của vị khác rằng: Tôi cho y này đến Tỳ- khưu tên này, Tỳ-khưu nhận lãnh, đi đến nữa đường, lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khưu, mà chủ gởi cho, gọi là lấy không chơn chánh. Lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khưu gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin rằng Tỳ-khưu gởi, hoặc Tỳ-khưu phải được đều chết cả, nếu lấy bằng cách thân thiết với vị phải được như thế là lấy bằng cách chơn chánh.

Nếu lấy bằng cách thân thiết với vị gởi, hoặc lấy mà nguyện là di sản của vị gởi, như thế gọi là lấy không chơn chánh.

---o0o---

VỀ CÁCH THỌ THEO "5 CHI MỚI NÊN" LÀ

- Vật vừa cho người có sức lực bậc trung dở lên nổi. - Ở xa trong 1 hắc, 1 gang rõ rệt. - Ý định dâng cho rõ rệt. - Chư thiên hoặc người hay thú, dâng bằng thân hay bằngvật dính với thân, hoặc thầy cho. - Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy bằng thân, hoặc bằng vật dính với thân.

Nếu thí chủ lấy đồ đựng thực phẩm đội chồng lên đầu, đến đứng gần Tỳ- khưu, xin Tỳ-khưu thọ lãnh, không có ý định dâng trước, thì không nên thọ.

Nếu họ có ý kính dâng, Tỳ-khưu đưa tay lấy đồ đựng phía dưới, thì đồ đựng phía trên cũng gọi là thọ rồi, hoặc giả muốn vật nào thọ vật ấy cũng được.

Về đồ đựng, nếu thí chủ gánh dâng gánh đồ trong hatthapàsa, Tỳ-khưu thọ cũng được. Dầu là tre dài 30 hatthapàsa, 1 đầu buộc nước mía, 1 đầu sữa, nếu đã thọ đòn gánh cũng gọi là thọ cả 2 món thuốc ấy. Ở trong hatthapàsarồi dùng vật dính theo mình mà thọ gọi là thọ chơn chánh, trừ ra dùng vật phát sanh ra trong nơi ấy, như dùng lá sen để bợ, thọ thì không nên, vì vật ấy không phải là vật dính theo mình. Nếu thí chủ đứng xa hatthapàsa rồi dâng, thì nên bảo họ lại gần. Nếu họ không nghe, phải thọ mới lại (thọ rồi đưa cho anupasampanna dâng lại nữa).

Đi khuất thực có bụi bay vô trong bát, phải nhờ người dâng bát lại rồi mới nên thọ đồ ăn, nếu không có ai dâng mà dùng bát ấy đi thọ nữa, phạm Tác ác. Nếu nói mà họ không nghe, hoặc không để ý, thọ không phạm. Nhưng khi xong, phải nhờ kẻ khác dâng bát lại, rồi mới nên đi khất thực nữa.

Có gió thổi bay vào bát không thể thọ thực được, nhưng nên chú ý rằng thọ để đem về cho anupasampanna, thì vô tội.

Về đến chỗ ngụ, cho dứt đồ ăn ấy đến anupasampanna, rồi anupasampanna dâng lại, hoặc mình lấy bằng cách thân thiết rồi ăn cũng được. Nếu mình cho bát và cơm đó dính bụi ấy đến Tỳ-khưu trong bọn, nên nói với Tỳ-khưu ấy cần phải thọ mới lại dùng đi. Nếu bụi rớt trên mặt đồ ăn thì nên rửa, hoặc lấy bỏ ra, ăn vật cón dư ấy cũng được. Nếu bụi dính phía dưới, phải thọ mới lại. Nếu không có anupasampanna, không nên rời bát khỏi tay, phải đi tìm anupasampanna để thọ lại. Bụi vào cơm và bánh thì lấy bụi ra rồi ăn cũng được. Nếu bụi nhỏ lắm bay vào cơm phía trên, nên lấy cơm phía trên ra, hoặc thọ lại rồi sẽ ăn cũng được.

Thí chủ đem cháo hoặc canh để trước mặt mình, văng bọt rớt trong bát, nên thọ bát lại. Nếu họ để bát, bọt trong cơm rớt vào bát trước, gọi là rớt vào chơn chánh, vì họ đã có ý định dâng cúng rồi. Nếu họ dâng có cơm và cà ràn có tro, than bay rớt vào không tội, vì họ đã kính dâng đến rồi. Nếu họ dâng theo thứ tự Tỳ-khưu ngồi liên tiếp nhau, cơm rớt vào bát Tỳ-khưu khác, gọi là rớt vào chơn chánh. Nếu cắt, chặt, xẻ (vật ăn) dâng đến 1 vị Tỳ-khưu mà làm văng vào bát 1 vị khác nên thọ bát lại. Họ cắt xẻ xẻ vật ăn trên bát vị nào, văng vào bát vị ấy vô tội, vì họ đã chú tâm dâng cúng rồi. Họ dâng mà mình không hay biết và không cố ý thọ, không gọi là thọ. Đồ ăn nóng hoặc mình nằm chung trong 1 chỗ có cuộc để bát, nếu họ dâng thực phẩm, mà

mình lấy tay, hoặc chân vịn chân bát để thọ cũng được. Vật chi họ dâng mà rơi rớt được phép được dùng. Nếu vật rơi văng gần Tỳ-khưu khác, vị này lượm dùng cũng được, hoặc mình nói cho Tỳ-khưu ấy dùng cũng vô tội. Nếu Tỳ-khưu chủ vật không nói lời chi, thì Tỳ-khưu kia không nên lượm. Nhưng nếu cố ý lượm giùm thì không phạm.

Nếu dao có sét, róc dính mía, hoặc lấy chày đâm thuốc, thấy thuốc dính sét, nên thọ lại mới dùng được. Bụi sét dính không rõ rệt, dùng không phạm. Đi bát có mưa trên mình hoặc trên y rớt vào bát nên thọ bát lại, dầu ngồi ăn dưới bóng cây có mưa rớt vào bát cũng vậy. Nếu trời mưa 7 ngày, nước mưa trong mình hoặc mưa rớt từ trên thinh không, dùng khỏi phạm.

Khi cho cơm đến Sa-di, không nên rờ đụngvật trong bát của Sa-di hoặc phải thọ bát của Sa-di đã, vì đụng nhằm vật trong bát của Sa-di, rồi trở lại lấy cơm của mình, cơm dính theo ấy thuộc về uggahita. Nếu muốn cho, nên bảo Sa-di: Ngươi lấy bát hốt cơm đi. Sa-di bạch: Tôi có đủ dùng rồi. Dầu Tỳ- khưu có nói nữa rằng: Vật ấy ta đã bố thí cho ngươi rồi, mà Sa-di bạch lại rằng: Tôi không cần dùng. Như thế dầu có nói đến 100 lần thì của ấy vẫn còn lại của mình (của Tỳ-khưu). Cơm của Tỳ-khưu đã cho đến Sa-di rồi, nếu cơm ấy rơi vào bát của mình thì Tỳ-khưu nên thọ bát lại.

Thí chủ nấu cháo rồi họ đi, có Sa-di còn nhỏ không sao nhắc nồi cháo xuống được, Tỳ-khưu nên nghiên bát vào, Sa-di nên nghiên nồi đổ cháo ra ngay miệng bát . Cháo rớt vào bát gọi là vật dâng chơn chánh, với thúng bánh, thng cơm hoặc bó mía cũng vậy, như bó mía nặng vừa cho sức người bậc trung dở lên dâng mà được 2, 3 Sa-di giúp nhau dở lên dâng, dầu 2, 3 vị Tỳ- khưu tiếp nhau để thọ cũng được.

Về đựng dầu hoặc đường treo máng dưới chân giường, Tỳ-khưu ngồi trên giường thọ cũng được, vì không phải là vật uggahita. Hai cái nồi chồng nhau, thọ nồi trên, không thọ nồi dưới, cầm lấy nồi phía trên cũng được. Nồi phía dưới thọ rồi, nồi trên chưa thọ, khi dở nồi trên lên, cầm lấy nồi dưới, nồi trên là uggahita.

Nồi dầu chưa dâng để dưới giường, khi quét dọn đụng nhằm không gọi là uggahita.

Tính lấy vật đã thọ mà lấy lộn vật chưa dâng, biết rồi đem để lại chỗ cũ, không phải là uggahita.. Đã đem vật ra, ngồi thì mới hay thì không nên để phía ngoài, phải đem cất lại chỗ cũ. Làm vậy không tội, song chẳng nên

đụng nhằm nữa. Nếu vật mà thí chủ không đậy nắp rồi cất, Tỳ-khưu không nên đậy nắp, phải để như thường cho họ.

Người leo lên cây thốt nốt hoặc cây dừa, lấy dây buộc quày thòng xuống rồi kêu bảo thọ thì không nên thọ. Nếu có người đứng trên đất họ cầm mối dây buộc quày thốt nốt hoặc dừa họ dâng, thì thọ được. Nên bảo làm kappiya nhánh cây lớn có trái rồi sẽ thọ, thì các trái cây trên nhánh đều là vật đã thọ rồi cả.

Tỳ-khưu cầm nhánh có trái làmdù che đi, rồi muốn ăn trái cây ấy, phải người dâng mới nên dùng.

Sa-di muốn nấu cơm song dỡ nồi không nổi, Tỳ-khưu nên thọ gạo và rồi đổ gạo và bắt nồi lên cà ràn, nhưng đừng nổi lửa, khi dở nắp xem chừng. Nếu thấy chưa chín đập nắp lại cho chín thì không nên, bằng đậy không cho bụi tro rớt vào thì được. Đến khi chín, nhắc nồi xuống ăn cũng được.

Sa-di có thể nấu được nhưng không rảnh, Tỳ-khưu nên nói: Ngươi phải dâng gạo nồi và nước lã, rồi bắt nồi lên cà ràn nhúm lửa cho cháy rồi đi đi. Như thế tiếp theo Tỳ-khưu làm các công việc như trên cũng được. Tỳ-khưu muốn dùng cháo, để nồi sạch trên cà ràn nấu nước cho sôi cũng được, khi nước sôi, Sa-di đổ gạo vào nồi, từ đó Tỳ-khưu không được chụm lửa thêm nữa. Lúc cháo chín thọ lãnh rồi ăn cũng được. Sa-di đang nấu cháo, Tỳ-khưu lại rờ nồi đụng nhằm dỡ nắp đụng thì không được phép ăn cháo.

Tỳ-khưu đi khất thực về, để bát trên chân bát vật ấy, không cần phải dâng nửa. Nếu Tỳ-khưu rờ rẫm bát, nấp bát mà chơi, cơm đã được trong bát, không nên đến Tỳ-khưu ấy. Nếu Tỳ-khưu dỡ bát lên rồi để bát xuống, cơm ấy không nên đến tất cả Tỳ-khưu.

Tỳ-khưu nấu nước sôi uống cũng được, song nếu có tro bụi bay rớt vào, nên thọ mới lại. Tỳ-khưu đang dùng mía, Sa-di xin ăn, Tỳ-khưu dạy cho Sa-di bao nhiêu, Sa-di lấy theo lời cho, vật còn dư lại không cần phải dâng, dầu với đường cũng vậy.

Thực phẩm ợ ra khỏi miệng nuốt vào khỏi cổ, ngoài buổi ăn, phạm tội, dầu vật ăn dính kẻ răng cũng vậy. Gần đúng ngọ dùng cơm trong nơi không có nước, nên khạc nhổ 2, 3 cục rồi đi đến nơi có nước sẽ súc miệng cũng được.

Nếu không muối, lấy nước biển dùng cũng được, nước mặn đã thọ rồi để dành trở thành muối, hoặc muối tan ra nước, hoặc nước mía trở thành đường hay là đường tan ra nước, nên thọ lại.

Nước múc trong sông, giếng, dầu đục cũng không cần phải dâng. Về nước đục nơi đồng ruộng, nếu nước bưng, bàu, có bông, lá cây rụng vào, làm cho nước có mùi vị, thì nên thọ rồi sẽ uống, nếu không có mùi vị rõ rệt, không cần phải dâng. Nước trong ao sen có nhụy sen trên mặt nước, nhận đồ đựng xuống trong nước múc cũng được.

Tỳ-khưu bảo người làm tăm xỉa răng, nên cho họ dâng. Tâm không thọ để dành, dầu không biết vị nuốt vào cổ cũng phạm tội, vì điều học ấy về acittaka.

Vật thực có mùi khó ăn, được phép để vào chút rượu cho bán mùi, song không nên để nhiều, có hơi rượu. Thuốc có mùi vị rượu, không phép uống, nhưng thoa xức được.

Khi dùng bijagàma (trái cây còn gieo trồng được) nên bảo anupasamoanna rằng: Ngươi nên làm cho ra vật nên dùng (kappiyam karohi), rồi mới nên ăn, là phải làm theo 5 điều:

- Dùng lửa đốt.
- Dùng dao xắt, gọt, xẻ.
- Dùng ngón tay bấm, gạch.
- Trái không bija.
- Trái có bija mà lấy hột ra được.

Ớt còn tươi sống, nên làm kappiya lấy hột ra hoặc làm cho chín, hoặc bấm hột cho nát đều đủ. Nếu làm sai 1 điều nào trên đây gọi là phạm Tác ác.

I- Tỳ-khưu trộm vật đáng giá là vatthu pàràjika gọi là ekabhanda; cắp nhiều vatthu song mỗi vật chưa đến giá, phạm Bất cộng trụ, gọi là nànàbhanda.

II- Sự cầm lấy vissasa phải có đủ 3 chi:

- Là người đã từng quen thấy, gặp nhau hoặc đã có nói trước với nhau. - Biết rằng đã cầm lấy rồi, tài chủ vừa lòng. - Người chủ còn sống, mới gọi là cầm lấy chơn chánh.

III- Nếu saddhimvihàrika hoặc antèvàsika ở chung với upajjhàya, àcàriya rồi, 2 vị này phải:

- Chia làbhaphala, dạy pháp có tâm metà. - Có giới tinh nghiêm. - Có sự tôn trọng: tam bảo, upajjhàya, àcàraya hoặc tôn trọng mahàtthera khác, là bậc cao hạ ưa hơn mình. - Không nên làm cho trò buồn lòng, cần cho đệ tử bỏ dữ về lành, khiến cho trò được tiến hoá và càng được ưa thích thầy.

IV- Tỳ-khưu chưa đủ 5 hạ, thông hoặc không thông luật pháp, gọi là navabhikkhu, cần phải, cần phải có nissaya luôn khi. Từ 5 hạ trở lên đến 10 hạ và thông hiểu luật pháp là angaguna đang đến nissaya muttaka12 được gọi là majjhimabhikkhu. Được trên 10 hạ và thông thuộc luật pháp có đủ angagunagọi là Thera.

V- Tỳ-khưu nhập hạ đầu đứt rồi, qua hạ sau nhập không được, chỉ khi hữu sự, nhập hạ trước không kịp, mới được phép nhập hạ sau.

VI- Làm Uposatha cần có đủ 4 anga:

1) Nhằm ngày 14, 15 hoặc là ngàysàmaggì. 2) Tỳ-khưu từ 4 vị trở lên và nếu là pakatàttabhikku không phạm pàràjika, hoặc bị Tăng phạt ukkhepanìyakamma (song 2 hạng đò, có trong vị thứ thứ tư mới là không được). Các ngài ngự trong hatthapasa, như thế mới làm Uposatha được. 3) Các ngài không phạmsabhàgàpatti. 4) Tránh hạng người không được phép ngồi trong hatthapasa, như thế mới làm Uposatha được.

VII- Trong 1 chùa có 5 Tỳ-khưu nhập hạ trước, qua kỳ sau có 5 vị khác đến nhập hạ, tới kỳ Pavàranà, cả 10 vị phải hội nhau trong chánh điện làm đủ pubbakicca, rồi 5 vị trước nên natti rồi làm Pavàranà, 5 vị sau phải tỏ parisudhi. Đến kỳ Pavàranà sau, 5 vị sau cần natti, pavàrana, 5 vị trước tỏ parisuddhi.

VIII- Vào đến cetiyathàna không nên mang giày, trùm y, tỏ ý dễ duôi nơi khàc, nói lới tiếng, ngồi khoanh tay, nhổ khạc, ngồi ngay trước gần kim thân.

VIII.b-Tỳ-khưu nghi hoặc nhớ không chắc không nên sám hối.

IX- Về sikkhàpada thứ 8 của kosiyavatta nói rằng: "Ưa thích vàng bạc mà người cất giữ cho mình, gọi là nissaggìya pàcittiya. Nghĩa là khi thí chủ yêu cầu rằng: vàng bạc mà họ cất giữ đó để cho mình là của mình. Rồi Tỳ-khưu không ngăn bằng thân, hoặc bằng khẩu, có tâm ưa thích, thì phạm nissaggìya pàcittiya. Nếu họ không tỏ cho biết, dầu có ưa thích cũng không phạm.

X- Tỳ-khưu mà thí chủ không thỉnh, đi chung theo với Tỳ-khưu được thỉnh, thí chủ cũng dâng cúng đến vị đó nữa, Tỳ-khưu ấy phạm về àjìvavipatti, cần cho hoàn tục.

XI- Phải tụng Bhikkhu Pàtimokkha cho đến dứt (thuộc nằm lòng). Nếu không có antaràya, 1, 2, vị tụng Pàtimokkha không được. Tụng thuộc lòng phân nửa, tụng xem trong Pàtimokkha phân nửa không nên.

XII- Sìla có 2 thứ: pannatti và àcàra. Tất cả sikkhàpada có trong Pàtimokkha đều là pannatti. Các hạnh kiểm tốt nên hành, không có trong Pàtimokkha gọi là àcàra.

XIII- Đức Phật thuyết 4 nissaya để trong anusàsana (Pindapada cìvara pasukùla). Ngụ dưới bóng cây, dùng thuốc ngâm nước tiểu đó.

Ngài là bậc đế vương ra khỏi dòng Sakya, có đủ sự sang cả, là điều mà mọi người mong mỏi. Tuy nhiên muốn được vui cũng lắm khi làm quấy, khiến cho quyến luyến các cảnh giới, lầm lạc say mê trong ngũ dục, phải nóng nảy bận bịu, buộc ràng, thương thiếc, lúc các vật mến yêu đó hư hao, tiêu hoại. Cho nên ngài chánh nản, xuất gia tìm sự vui yên lặng, không quyến luyến trong các vật đó. Trong thời đi tầm đạo giải thoát gặp àcàraya mà phần đông sùng bái rằng là ông thầy đệ nhất. Ngài cũng vào thọ giáo, đến khi học thuần thục, thấy rằng chưa dứt bỏ những điều quyến luyến, xấu xa (là còn ham mê ngũ dục, còn mắc trong pháp thế gian). Ngài liền đi trong nơi khác. Dầu chính mình ngài chưa dứt được điều nhơ nhớp, tâm chưa yên lặng, là còn say mê ưa thích, ngài cũng chưa vừa lòng. Ngài chỉ nhất tâm hành theo chơn lý, cho đến giác ngộ mới thôi.

Thưở độ sanh, ngài hay tùy tiện chỉ bảo, nhất là pháp tri túc (sandosa), lánh xa khỏisự ham muốn xấu xa mà ngài đã từng gặp rồi, không phải là trung đạo, để giác ngộ. Cớ đó, ngài mới ban hành 4 nissaya cho bậc xuất gia dùng, vì hạng người lánh ngũ dục, tìm xuất gia để làm bực thu thúc thân, khẩu, ý cho chơn chánh, chỉ cần tu phạm hạnh pháp (brahmàcariyadhamma) có giới là điều trọng yếu, là phải trong sạch đầy đủ trước hết, rồi sẽ tu định, tu tuệ tiếp theo.

Nếu bậc xuất gia hành trọn nghĩa vụ như thế mới không có sự khổ trong chánh mạng, như bắt cá 2 tay. Lẽ đó, ngài dạy bậc xuất gia cần phải tìm thực phẩm mà thí chủ tuỳ sức cúng dâng. Bốn nissaya đó là vật dễ tìm kiếm hơn hết. Ngài cho phép dùng để ngăn ngừa cái tâm không cho lay chuyển, vì là người nương nơi kẻ khác, họ cho chi dùng nấy, mới gọi là bậc xuất gia, có tâm tri túc, ưa thích vật dụng tuỳ được tuỳ có, là người dễ nuôi tức nhiên trì giới cũng dễ, để tu thiền định và trí tuệ nối tiếp là nấc thang cao thượng, được dễ dàng.

XIV- Tỳ-khưu chưa có nissaya muttaka, khi vào xóm cần bạch cho upajjhàya, àcàriya mới nên đi.

XV- Trong 6 samutthana phạm àpati đều alajjità, phạm mà không biết thẹn, là tội xấu xa nặng nề hơn hết, vì không biết hỗ thì điều nào cũng phạm được cả.

XVI- Khoe lokiyanaddhà, calassaddhà thì phạm pàcittiya, khoe lokuttarasaddhà, acalasaddhà thì phạm pàràjika.

XVII- tiếng "cìvara" chẳng phải kể chung tất cả y từ 4 + 8 ngón. Chỉ nói về sikkhàpada 1, 5, 6 của cìvaragga, trong sikkhàpada thứ 5, 6 của pattavagga, trong sikkhàpada thứ 5 của ovàdavagga, trong sikkhàpada thứ 10 của suràpanavagga, trong sikkhàpada thứ 11 của sahadhammikavagga.

XVIII- Nếu làm vinayakamma để dùng vật đã ngăn đó cho ra vật ăn được theo sikkhàpada thứ 5 của bhojanavagga, phải làm vinayakamma như vầy: lấy bhojana đem để có nơi, đi thỉnh vị khác không ngăn bhojana đến thọ thực, làm cho có phép, rồi cho vị kia dùng được.

XIX- Tỳ-khưu tính hoàn tục, mặc thứ y kẻ thế, phạm dukkata.

XX- Từ mặt trời mọc đến đứng bóng gọi là purebhattakala. Từ quá ngọ đền gần sáng gọi là pacchàbhattakàla.

XXI- Phạm bhedanaka pàcittiya, phải phá bỏ vật sanh àpatti trước, rồi sám hối sau (như sikkhàpada thứ tư của ràjavagga) mới nên.

Phạm chedanaka pàcittiya cần cắt bỏi vật sanh àpatti cho trúng theo luật, rồi mới nên sám hối (như sikkhàpada thứ 6 của ràjavagga).

XXII- Vật che thân có 3: y, nhà tắm trong nước.

Sàpattikassa bhikkhave niràyam vadàmi tiracchànayonimvà

Này các Tỳ-khưu! Như Lai nhất định nói: địa ngục và cầm thú để cho các Tỳ-khưu phạm tội13.

-ooOoo-

GIẢI VỀ CÁCH THỨC SÁM HỐI

Các tội mà Tỳ-khưu đã cố ý phạm rồi thì làm cho hư hoại đường trời đạo quả và Niết Bàn, vì là phạm điều răn của đức Phật.

Cho nên Tỳ-khưu khi đã phạm điều học Bất cộng trụ phải xin xả giới hoàn tục, phạm Tăng tàn nên khai giới ấy cho tăng xử tội theo luật định, phạm các tội nhẹ cầm phải đối với Tăng hoặc 2, 3 hay 1 vị Tỳ-khưu mà sám hối, mới trở nên trong sạch được.

Tỳ-khưu phạm tội mặc y chừa 1 bên rồi đi tìm vị khác, ngồi chồm hổm chắp tay đọc bài sám hối.

Nếu phạm một tội đọc:

Aham àvuso / bhante ekam thullaccayam / pàcittiyam / dukkatam/ dubbhàsitam Àpattim àpannotam patidesemi

Nghĩa là:

Bạch Ông / Đại đức , tôi phạm Trọng tội / Tội Ưng đối trị / Tội Tác ác / Tội Ác khẩu Nay tôi xin sám hối tội lỗi ấy.

Người chứng nhận đọc:

Passatha bhante - (nghĩa: Bạch đại đức đã thấy rồi chăng?) Passàsi àvuso - (ông đã thấy rồi chăng?).

Người sám hối đọc:

Àma àvuso / bhante passàmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi đã thấy.

Người chứng nhận đọc:

Àyatim bhante samvarareyyàtha

Nghĩa là: Bạch, từ đây Đại đức nên thu thúc lấy.

Àyatim àvuso samvareyyàsi

Nghĩa là: Bạch từ đây ông nên thu thúc lấy.

Người sám hối đọc:

Sàdhu sutthu àvuso / bhante samvarissàmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, phải rồi tôi xin thu thúc chơn chánh

Nếu phạm 2 tội đọc:

Aham àvuso / bhante dve thullaccayàyo / àcittiyàyo / dukkatàyo/ dubbhàsitàyo Àpattiyo àpannotà pàtidesemi

Nếu phạm 3 tội đọc:

Aham àvuso / bhante sambahulà thullaccayàyo / àcittiyàyo / dukkatàyo/ dubbhàsitàyo Àpattiyo àpannotà pàtidesemi

Nếu phạm nhiều tội Ưng xả đối trị nên xả bỏ vật (y, bát) trước rồi mới nên sám hối tội Ưng xả đối trị sau. Xả y đọc:

Idamme àvuso /bhante cìvaram dasàhàtikkantam nissaggiyam imàhàm àyasmato nissajjàmi

Nghĩa là:

Bạch Ông / Đại đức, y này của tôi đã quá 10 ngày, là vật phải xả, tôi xin xả y ấy của tôi đến Ông / Đại đức.

Xả như thế, rồi sám hối tội Ưng đối trị (pàcittiya) như đã giải trên.

Người chứng nhận đọc câu này để trả y ấy lại.

Iman cìvaram àyasmato dammi

Nghĩa là: Tôi cho y này đến ngài.

Nếu phải xả y ca-sa thì đọc:

Ayamme àvuso /bhante sanghàti uttaràsango antaravàsako ekarattim Vippavuttho annatrabhikkhusammatiyà nissaggiyà imàham àyasmato nissajjàmi

Nếu xả bát giữa quá 10 ngày, đọc:

Ayamme àvuso /bhante patto dasàhàtikkhanto nissaggiyo imàham àyasmato nissajjàmi

Nếu xả nhiều đọc:

Imme àvuso /bhante pattà dasàhàtikkhanà nissaggiyà imàham àyasmato nissajjàmi

Về Rpiya, vật mua, đổi bằng rùpiya, và bát nứt bể chưa đủ 5 chỗ, phạm 3 điều học ấy, phải xả vật ở giữa Tng.

Nếu có nghi phải tỏ sự nghi ấy trước rồi sau mới nên xả y dư, nghi rằng chưa adhitthàna trước 10 ngày nên nói: "Nếu y này thiệt chưa adhitthàna, khi đã xả như thế sẽ trở thành vật cho tôi dùng được".

Nói như thế nên xả y như đã có giải trên. Khi đã nói cho biết như vậy rồi làm vinayakamma, không phạm tội nói dối.

Lại nữa trong ngày Uposatha Pavàranà mình nghi phạm tội, nên tỏ hay sự nghi ấy trước rồi mới nên làm Uposatha Pavàranà và nghe giới bổn (Pàtimokkha). Chẳng nên làm hại đến Uposatha và Pavàrana vì sự nín thinh không sám hối, tìm vị Tỳ-khưu rồi ngồi chồm hỗm chấp tay.

Nếu nghi 1 tội đọc:

Aham àvuso / bhante ekissà thullaccayàya / pacittiỳaya / dukkatàya / dubbhàsitàya Àpattiyà vematiko yadànibbematiko bhavissàmi tadàtamàpattim patikarissàmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi nghi trong Trọng tội / Tội Ưng đối trị / Tội Tác ác / Tội ác khẩu, Khi hết nghi tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu nghi 2 tội, đọc:

Aham Àvuso / bhante dvìsu thullaccayàsu / pacittiyàsu Àpattisu vematiko yadànibbematiko bhavissàmi tadàtamàpattiyo patikarissàmi

Nghi nhiều tội đọc:

Aham Àvuso / bhante sambahulàsu thullaccayàsu / pacittiyàsu

Nghi phạm nhiều tội mà điều học khác nhau:

Aham Àvuso / bhante sambahulàsunànàvatthukàsu thullaccayàsu / pacittiyàsu / ukkatàsu / dubbhàsitàsu

Không nghi bày, tên tội mà sám hối cũng nên, sám hối như vầy:

Như mặt trời bị mây che áng, nghi là buổi sáng hoặc buổi chiều, rồi dùng vật yàvakàlika, tôi đã nghi rồi mà dùng vật yàvakàlika.

Nếu buổi sáng thì phạm Tác ác, đọc:

Aham àvuso / bhante yàtamin vatthusmim sambahulà dukkatàyo / pacittiyàyo àpattiyoàpannotà patidesemi

Người chứng nhận đọc như đã giải trên:

Lại nữa, Tỳ-khưu sám hối hoặc chứng nhận tội phạm đồng nhau sabhàgàpatti, phạm tội Tác ác, vì đức Phật có dạy: Na bhikhave sabhàgà àpatti desetabbà... patiggahetabbà.

Nghĩa là: Tội đồng nhau, Tỳ-khưu không nên sám hối, nếu sám hối phạm Tác ác. Tội đồng nhau, Tỳ-khưu không nên chứng nhận, nếu chứng nhận phạm Tác ác.

Hai Tỳ-khưu phạm tội đồng nhau (chung 1 điều học) như ăn sái giờ cùng nhau không nên sám hối, không nên chứng nhận lời sám hối với nhau.

Nếu 1 vị phạm tội ăn sái giờ, sám hối với vị phạm tội ăn vật thực không phải của dư, của Tỳ-khưu bịnh, cũng được.

Nhưng tội nào, có phạm điều học giống nhau mà Tỳ-khưu sám hối rồi, cũng gọi là sám hối chơn chánh. Người sám hối phạm thêm Tác ác khác (vì sám hối), còn người chứng nhận cũng phạm thêm Tác ác khác (vì chứng nhận), tội ấy gọi là tội có điều học khác nhau. Cho nên chờ sám hối cùng nhau nữa cũng được.

Trong khi nghe tụng giới bổn hoặc Pavàranà, nếu nhớ tội được, nên cho Tỳ- khưu ngồi gần hay tên tội như vầy:

Nếu nhớ đến 1 tội đọc:

Aham àvuso / bhante ekam thullaccayam / pacittiyam / dukkatam / dubbhàsitam Àpattim àpanno ito vutthahitvà tam àpattim patikarissàmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi phạm 1 Trọng tội / 1 Tội Ưng đối trị / 1 Tội ác / 1 Tội ác khẩu, Khi đứng dậy khỏi nơi đây tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu phạm nhiều tội nên khai tiếng khác vào như đã có giải trên.

Phải tỏ với Tỳ-khưu sabhàga, không nên nói đến Tỳ-khưu visabhàga vì e có sự cãi lẽ. Nếu không có Tỳ-khưu sabhàga, thì cần ghi nhớ trong tâm rằng: Khi ra khỏi nơi, ta sẽ sám hối. Rồi làm Uposatha, Pavàranà được.

Nếu tất cả chư Tỳ-khưu trong chùa đều phạm điều học giống nhau, nên cho 1 vị đến chùa khác sám hối rồi trở về cho Tỳ-khưu trong chùa sám hối lại.

Nếu không có thể được thì vị Tỳ-khưu thông hiểu nên đọc tuyên ngôn giữa Tăng rằng:

Sunàtume bhante sangho ayam sabbo sangho sabhàgam àpattim àpanno yadà annam bhikkhum suddham anàpatti tam apattim patikarissati.

Rồi làm Uposatha Pavàranà. Nếu nghi, nên tụng tuyên ngôn giữa Tăng:

Sunàtume bhante sangho ayam sabbo sangho sabhàgà àpattiyà vematiko yadànibbe matiko bhavissati tadàtam apattim patikarissati.

Rồi làm Uposatha Pavàranà.

Nếu có Tỳ-khưu cho rằng: nến sám hối sabhàgàpatti ấy, rồi 2 vị sám hối cùng nhau. Đã sám hối gọi là sám hối chơn chánh, cả 2 Tỳ-khưu ấy phạm tội khác điều học nhau như đã có giải trước. Cho nên phải sám hối cũng nhau thêm nữa. Cả 2 vị ấy đều trong sạch. Chư Tỳ-khưu khác nên sám hối với 2 vị ấy. Tỳ-khưu phạm tội chưa sám hối nghe giới bổn hoặc Pavàranà, thì phạm Tác ác.

- PHẠM BẤT CỘNG TRỤ, TĂNG TÀN, KHÔNG NÊN SÁM HỐI
- KHÔNG TỘI, KHÔNG NÊN SÁM HỐI
- TỘI ĐÃ SÁM HỐI, KHÔNG NÊN SÁM HỐI NỮA
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỲ-KHƯU KHÔNG ĐỒNG ĐẲNG
NHAU
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI MỘT LƯỢT VỚI NHAU
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI TRONG TÂM
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỲ-KHƯU MÀ "TĂNG" ĐÃ PHẠT CẤM
PHÒNG (KHÔNG CHO Ở CHUNG), KHÔNG CHO LÀM "UPOSATHA
PAVÀRANÀ" CHUNG

Lại nữa, nhiều tội khác nhau, không nên sám hối chung lại 1 tội, phạm 1 tội, sám hối nhiều tội gọi là sám hối chơn chánh.

Phạm tội Bất cộng trụ rồi hườn tục theo phép, gọi là sám hối Bất cộng trụ.

--- o0o ---

PHẦN 04 GIẢI VỀ PHÉP ĐẦU ĐÀ (DHUTANGAKATHÀ)

Tiếng đầu đà - DHUTANGAKATHA nghĩa là: Chi14 của người dứt phiền não, hoặc tư cách có trí tuện để dứt trừ phiền não, là điều kiện và là sự tu hành để phá huỷ nghịch pháp. Nói tóm tắt là tác ý để thọ trì chi ấy.

ĐẦU ĐÀ CÓ 13 PHÉP

1) Pamsukùkanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách, thường mặc y ca-sa có trạng thái đáng gớm như phẩn đất.

2) Tecìvarikànga: chi của Tỳ-khưu là người chỉ thường mặc tam y (y 2 lớp, y vai trái và y nội).

3) Pindapàtikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách, thường đi để khất thực.

4) Sapadànacàrikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách để đi khất thực theo mỗi nhà.

5) Ekàsanikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong 1 chỗ ngồi

6) Pattapindikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong 1 bát

7) Khalupacchàbhattikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn, sau rồi mới được lại

8) Àrannikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong rừng.

9) Rukkhamùlikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách trú ngụ gần cội cây

10) Abbhokàsikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong nơi khoảng trống.

11) Sosànikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong rừng mộ địa.

12) Yathàsanthatikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ ngụ trong chỗ mà Tăng đã cho đầu tiên, không dời đổi.

13) Nesajjikanga: chi của Tỳ-khưu là người thường có phẩm cách ngăn oai nghi nằm, chỉ đứng và ngồi.

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ (Dhutangasamàdàna vidhànàdikathà)

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, phải đối với Ngài mà thọ phép đầu đà. Sau khi Ngài nhập Niết bàn rồi phải thọ với chư đại Thinh văn. Sau khi không còn chư đại Thinh văn, nên xin giữ với bậc A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hườn, với bậc thông hiểu Tam tạng hoặc 2 tăng, hoặc 1 tăng. Sau nữa nên xin với bậc đã hành phép đầu đà trước. Nếu không có, nên quét dọn tháp, chùa cho sạch, hết lòng thành kính lễ bái cúng dường như thưở đức Chánh Biến Tri còn tại tiền, rồi ngồi chồm hổm chấp tay xin thọ, bằng không thì thọ nơi mình cũng được.

---o0o---

I- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG MẶC Y CA-SA ĐÁNG GỚM NHƯ PHẨM ĐẤT(Pamasukùlikanga)

Có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn15 y ca-sa mà thí chủ dâng cúng (gahapati dànacìvaram patikkhipàmi).
2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường mặc y ca- sa đáng gớm như phẩn đất (pamsukùlikàngam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Hành giả khi đã thọ trì đầu đà này rồi, phải tìm 1 trong 23 thứ vải, kể dưới đây, kiếm thứ nào còn chắc, đem vá cắt, may làm ca-sa, rồi đổi bộ y mà thí chủ đã dâng cho mình đang dùng, mặc y đáng gớm ấy.

23 thứ vải đáng gớm ấy là:

Vải bỏ nơi mồ mả (sosànika).
Vải bỏ nơi quán hàng chợ (àpanika).

Vải dơ mà kẻ tín thí muốn bố thí đem bỏ giữa đường đi (rathiyacola).
Vải dơ bỏ nơi đống rác (sankàracola).
Vải chùi mình dơ rồi bỏ (sotthiya).
Vải dơ mà người bịnh mặc để cho thầy làm phép tắm rồi bỏ (nànacola).
Vải bỏ tại bến nước (titthacola).
Vải dơ bó tử thi rồi bỏ (gatapaccàgata).
Vải đã bị cháy 1, 2 chỗ rồi bỏ (aggidaddha).
Vải bị dò xé rồi bỏ (gokhàyita).
Vải bị mối ăn rồi bỏ (upacikàkhàyota).
Vải bị chuột cắn rồi bỏ (undìrakhàyita).
Vải rách bìa rồi bỏ (antacchinna).
Vải rách biên rồi bỏ (dasacchinna).
Vải làm cờ và phướng rồi bỏ (dhajàhata).
Vải rịt ghẻ rồi bỏ (thùpacìvara).
Vải mà Sa-môn bỏ (samanacìvara).
Vải dùng trong việc tôn vương rồi bỏ (àbhisokika).
Vải của Tỳ-khưu Ehibhikkhu16 cho (oddhimaya).
Vải rơi rớt giữa đường đi (panthika)17
Vải bị gió thổi bay, chủ bỏ (vàtàhata).
Vải chư thiên đem bố thí, bỏ 1 nơi nào (devadattiya).
Vải bị sóng biển đáng tắp vào bờ (sàmuddiya).
Trong 23 thứ vải đã kể trên, Tỳ-khưu đã nguyện giữ đầu đà rồi, kiếm được và may đủ, thì phải bỏ y cũ (y đã mặc lúc còn chùa hay là của thí chủ dâng cúng).

Không phép dùng y của thí chủ dâng đến tay,nếu Tỳ-khưu với nhau cho thì mặc được.

Tỳ-khưu giữ đầu đà này có 3 bực:

- Bực thượng: Chỉ mặc tam y làm bằng vải dơ lượm nơi mộ địa. - Bực trung: Làm bằng vải dơ của người bỏ. - Bực hạ: Mặc tam y làm bằng vải dơ của thí cố ý làm phước, đem gần bỏ gần bên chân

Ba bậc Tỳ-khưu này nếu thọ lãnh y nơi tay thí chủ dâng cúng, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giũ.

Cho nên chẳng phải chỉ có đầu đà này đâu, đầu đà là 12 đầu đà sẽ giải ra phía sau, nếu Tỳ-khưu đã nguyện giữ rồi mà phá hư, nhưng cố ý hành nữa, cần phải thọ mới lại.

Đầu đà này có 12 quả báu.

1. Nissaỳanurùpapatipattisabbhàvo: người có tư cách hành vừa theo phép nương18 mà vị hoà thượng dạy bảo khi mới thọ cụ túc giới. 2. Pathame ariyavamse patitthànam: tư cách ở trong vòng thánh thứ nhất.19

3. Àrakkhadukkhàbhàvo: không có khổ vì sự gìn giữ y. 4. Aparàvattavuttità: không có sự quyến luyến vì kẻ khác. 5. Corabhayana abhayatà: không lo sợ vì kẻ cướp. 6. Paribhogatanhàya abhàvo: không ham muốn trong sự thọ dụng. 7. Samanasàrupparikkhàratà: người có vật phụ tùng vừa theo phận Sa-môn. 8. Bhagavata samvannitapaccayatà: người có vật dụng mà đức Thế Tôn khen ngợi. 9. Pàsàdikatà: người đem đức tin đến kẻ khác. 10. Appicchatà dìnam phalanipphatti: tư cách thành tựu các thứ quả, nhất là không tham hoặc ít tham. 11. Sammàpatipattiyà anubrùhanam: tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng. 12. Pacchimàya janatàya ditthànuggati àpàdanam: tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ MẶC TAM Y ĐÁNG GỚM

Màrasenam vighàtàya pamsukùladharo yatisannadhakavaco yudhekhattiyo viyasobhati pahàya kàsikàdini varavatthàni dhàritam yam lokagarunà ko tam pamsukulam na dhàraye tasmà hiattano bhikkhu patinnam samanussaram yogàcàrànukùlamhi pamsukule rato siuyà

Nghĩa là: "Bậc đế vương mang thiết giáp bền chắc trong nơi chiến trường thế nào, hành giả là người hành đầu đà mặc tam y đáng gớm, bền chắc trong tư cách sát nhân hại quân ma cũng như thế ấy".

Đức Thế Tôn là tổ sư của chúng sanh trong tam giới mà ngài cũng bỏ các y đáng quí giá, nhứt là y xứ Kàsi, trở lại mặc y phục quí giá, nhất là được ở xứ Kàsi, trở lại mặc y đáng nhờm gớm. Vậy Tỳ-khưu nào dám không mặc y ca- sa đáng gớm ấy được. Cho nên khi hành giả khi đã nhớ đến lời nguyện của mình nên ưa thích trong y ca-sa đáng gớm, vừa theo sự tinh tấn.

---o0o---

II- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y (Tecìvarikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn y thứ 4 (catutthaka cìvarampatikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu, người chỉ dùng tam y (tecìvarikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý. Tỳ-khưu hành đầu đà này, khi đã thọ trì nếu được vải để làm y (ngoài tam y cũ) mà chưa làm xong hoặc còn thiếu vải, thiếu kim, chỉ, được phép cất giữ vải ấy không có tội trong sự ưa thích y thứ tư, vì nguyện nhận cất giữ vải ấy. Nhưng khi đã nhuộm rồi, không nên để dành. Nếu còn tích trữ, gọi là kẻ cướp lớn về phần đầu đà.

Tỳ-khưu giữa đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: trong khi nhuộm y, nếu nhuộm y nội trước thì mặc y vai trái, y nội khô, lấy mặc vào rồi nhuộm y khác. Muốn nhuộm y nội và y vai trái một lượt cũng được, nhưng phải ngồi gần chỗ phơi y, như có kẻ ngoài đi đến, nên lấy mặc vào, chẳng nên để thân trần truồng và mặc y 2 lớp.

- Bậc trung: nếu muốn nhuộm y 1 lượt, thì được phép mặc đỡ y để nơi nhà nhuộm.

- Bậc hạ: trong khi nhuộm y, được phép mặc đỡ y của vị khác (trong bọn) hoặc dùng ngoạ y cũng được.

Ba bậc Tỳ-khưu này, nếu dùng đến tứ y, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ20.

Phép đầu đà này có 11 quả báo:

1. Santuttho: được gọi là người có tri túc trong số y vừa đủ mặc. 2. Samàdàyevagamanam: tư cách chỉ có tam y thôi, dường như loài chim 21 (bay đến nơi nào chỉ có cặp cánh). 3. Appasamàrambhatà: người ít bận việc gì lo khỏi hong phơi hoặc xếp cất các y dư. 4. Vatthasannidhiparivajjanam: tư cách tu hành, không có sự gom thu để dành y. 5. Sallahuka vuttità: người hành vi nhẹ nhàng mau mắn. 6. Atirekacìvaralolupappahànam: tư cách dứt bỏ sự dứt bỏ xấu sa thái hoá trong y dư. 7. Kappiyemattakàritâ: trạng thái có tiếp độ trong y vừa (đủ dùng)22. 8. Sallekhavuttità: người tu hành làm cho phiền não trở nên nhẹ nhàng.

9. Appicchapàdìnam phalanipphatti: tư cách thành tựu các thứ quả, nhất là không tham hoặc ít tham. 10. Sammàpatipattiỳa anubrùhanam: tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng. 11. Pacchimàia janatàya ditthanugavìapàdanam: tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

Ấy là 11 quả báo trong đầu đà chỉ mặc tam y, mà Tỳ-khưu đã được thọ trì chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y.

Atirekavatthatanham pahàya sannidhivivajjito dhìro santosa sukharasannu ticìvaradharo bhavati yogì tasmà sapattacararano pakhìva sacìvarova yogivaro sukkha manuvicaritukàmo cìvaraniyam ratim kayirà.

Nghĩa là: Hành giả là người có trí tuệ, biết lương vị của điều an vui phát sanh do sự tri túc, hằng dứt bỏ lòng ham muốn y dư quá số, các ngài năng lánh xa tư cách gom thu y dư để dành, chỉ dùng tam y thôi. Cho nên hành giả cao thượng (trong Phật pháp), khi muốn đi đâu được an vui, chỉ nên có 3 mang y dính theo mình, dường như loài chim bay, chỉ có cặp cánh dính theo mình mà thôi. Phải nên vui thích trong y có hạn định ấy.

---o0o---

III- CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI ĐỂ KHUẤT THỰC (Pindapàtikànga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1- Tôi xin ngăn lễ vật ngoài phẩm thực mà tôi đi xin được23 (atirekalàbham patikkhipàmi).

2- Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách đi để khất thực (pindapàtikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào cũng được.

Hành giả đã nguyện thọ phép thọ đầu đà này rồi không nên ưa thích trong 14 thực phẩm dư nữa (atirekalàbha).

14 thực phẩm dư là:

1. Sanghabhatta: thực phẩm mà thí chủ dâng đến tất cả chư tăng. 2. Uddesabhatta: thực phẩm mà họ dâng đến 1 hoặc 2 vị Tỳ-khưu thế mặt cho tăng. 3. Nimantanabhatta: thực phẩm họ thỉnh Tỳ-khưu đến rồi dâng. 4. Salàkabhatta: thực phẩm họ dâng theo cách rút thăm. 5. Pakkhikabhatta: thực phẩm họ dâng trong 1 tuần, hoặc mỗi tháng chỉ có 1 ngày. 6. Uposathikabhatta: thực phẩm họ dâng trong mỗi ngày lễ bát quan trai. 7. Pàtipadikabhatta: thực phẩm họ chỉ dâng trong ngày mùng 1 hoặc 16. 8. Àgamtukabhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khưu ở xa mới đến. 9. Gamikabhatta: thực phẩm họ dâng Tỳ-khưu sắp ra đi đường xa. 10. Gilànabhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khưu bịnh. 11. Gilànupatthàkabhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khưu nuôi bịnh. 12. Vihàrabhatta: thực phẩm họ dâng đến chùa, đến thất. 13. Dhurabhatta: thực phẩm họ để dành trong nhà có việc, rồi họ dâng24 14. Varabhatta: thực phẩm họ chia phần nhau dâng.

Trong cả 14 thực phẩm ấy, Tỳ-khưu hành đầu đà đi khất thực không nên thọ. Nhưng nếu thí chủ thông hiểu, không thỉnh rằng: Ngài thọ trai tăng mà nói "Xin đại đức thọ thực trong nhà chúng tôi, ngài cũng vậy." Như thế, Tỳ- khưu ấy thọ được, hoặc họ rút thăm để dâng các món thuốc không phải là vật ăn buổi sáng để phát sanh đến Tăng, hoặc vật thọ thực nấu trong chùa, Tỳ-khưu ấy thọ cũng được.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bực.

- Bậc thượng: Trong khi khất thực, nếu có tín thí do phía trước, hay là phía sau mà đến, hoặc lúc trở về thí chủ đem vật thực dâng cúng, thì được phép lãnh, trừ ra ngồi xuống rồi thì không phép thọ.

- Bậc trung: Dầu ngồi xuống rồi cũng còn thọ lãnh được.

- Bậc hạ: Nếu có thiện tín thỉnh trước để dâng cơm cũng được.

Ba bậc Tỳ-khưu này, nếu thọ lãnh 14 thứ vật thực kể trên, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 15 quả báo:

1. Nissayànurùpapatipattisabbhàvo: người hành vừa theo phép nương25. 2. Dutiye ariyavamse patitthànam: tư cách ở trong vòng thánh thứ nhì 26. 3. Apparàyattàvuttità: người có sự không dính dấp vì nuôi kẻ khác. 4. Bhagavatà samvannita paccayatà: người có vật dụng mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen. 5. Kosajjanimmathanatà: người có sự dứt bỏ tánh lười biếng. 6. Parisuddhàjività: người có sự tinh tấn trong cách nuôi mạng trong sạch. 7. Sekhiyapatipattipùranam: phương pháp tư tập phép ưng học pháp. 8. Aparaposità: người không cần phải nuôi ke ûkhác, vì biết tiết độ trong sự thọ lãnh.27 9. Pàranuggahakiriyà: phương pháp tiếp độ kẻ khác vì sự thọ lãnh mỗi nhà mỗi chút.

10. Mànappahànam: phương pháp dứt trừ tâm kiêu hãnh nghĩa là không chọn lựa vì trông cậy có vật thực khác. 11. Rasatanhàya nivàranam: phương pháp ngăn sự mong mỏi trong vị ngon của vật thực khác. 12. Ganabhojanaparampabho janacàritta sikkhapadehianàpattità: người không phạm tội vì thọ ganabhojana, parampabhojana và càritta (xem trong điều học Ưng học pháp) do không chịu mời thọ thực. 13. Appicchatàdìnam anulomavuttità: người có tư cách hành vừa theo các đức tánh, nhất là không hoặc ít tham (Appicchata). 14. Sammàpatipattibrùhanam: phương pháp làm cho chánh đạo được tăng trưởng. 15. Pacchimàjanatànukampanam: phương pháp tiếp độ kẻ hậu lai.

Ấy là 15 quả báo trong đầu đà để đi khất thực mà Tỳ-khưu hành được chơn chánh.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĐI ĐỂ KHẤT THỰC

Pindiyàlopasantuttho aparàyattajìviko pahìnàhàrololuppo hoticàtuddiso yativinodayati kosajjam àjìvassa visujjhati tasmà himàtimanneyya bhikkhàcàram sumedhaso.

Nghĩa là: hành giả có sự vui thích bình đẳng trong hột cơm mà người cho từng vá, có tư cách không nuôi kẻ khác, đã dứt bỏ lòng ham muốn xấu xa

trong vật thực, là người có thể đi đến bốn phương được dễ dàng, dứt trừ sự lười biếng, cách nuôi mạng của Tỳ-khưu ấy được trong sạch.

Cho nên người có trí tuệ cao thượng không nên khinh rẻ sự khất thực ấy. Thật vậy, Tỳ-khưu hành đầu đà "đi để khất thực" là người chỉ nuôi một thân mạng không phải nuôi kẻ khác. Như thế chư thiên hằng yêu mến, trọng đãi và hộ trì, vì sự không mong được lễ vật và ngợi khen.

---o0o---

IV- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI KHẤT THỰC THEO MỖI NHÀ (Sapadànacàrikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn tư cách để đi khất thực theo ý muốn (loluppacàrampatikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường đi khất thực theo mỗi nhà (sapadànacàrikangamsamàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khưu thọ phép đầu đà này, khi vào đến xóm nên đứng xem, e có điều rủi ro, nếu có sự biến cố nào, nên bỏ qua, đi đến nhà khác cũng được. Nơi nào quen chừng không được vật chi chút ít cả, nên cho rằng không phải là nhà thí rồi đi đến xóm khác. Song nếu được chút ít trong nơi nào, không nên bỏ qua và khất thực cho sớm, đặng phòng ngừa sự bỏ qua những nơi có điều rủi ro, để đi đến nơi khác không cho quá giờ, nếu có người bố thí trong chùa, hoặc gặp giữa đường, họ xin bát để vật thực đem đến dâng

cũng được.

Tỳ-khưu hành đầu đà này, trong lúc đi theo đường, nếu đến buổi ăn, không nên đi trớt, dầu không được vật thực hoặc được chút ít, cũng phải đi khất thực mỗi nhà.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: Nếu có thí chủ đến do phía trước hoặc phía sau, hoặc lúc trở về, họ đem vật thực dâng cúng thì chẳng nên thọ, chỉ được phép lãnh khi đứng trước nhà.

- Bậc trung: được phép thọ, trừ ra khi đã ngồi xuống.

- Bậc hạ: ngồi xuống rồi cũng còn lãnh được.

Ba bậc này, nếu đi khất thực theo ý muốn gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ

Đầu đà này có 8 quả báo:

1. Kulesu niccanavakatà: Người thường đi xin trong các khoảng nhà. 2. Cantupamatà: người lành ví như mặt trăng, vì không dính dấp trong nhà nào cả. 3. Kulamaccherappahànam: tư cách dứt bỏ sự bòn rít trong các nhà. 4. Samànukampità: người có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà. 5. Kulupàkìdenavàbhàvo: người không có tội trong sự đi vào xóm. 6. Avhananabhinandana: tư cách không vui thích lời kêu gọi thỉnh mời. 7. Abhihàrena anatthikatà: người không có sự cần dùng vật thực mà họ đem đến dâng. 8. Appicchatàdìnam anulomavuttità: người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 8 quả báo trong sự thọ đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà mà Tỳ-khưu được thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĐI KHẤT THỰC THEO MỖI NHÀ

Candùpamo niccanavo kulesu amaccharì sabbasamànukampo kulùpakàdìnavavippamutto hotìdhabhikkhu sapadànacàrì loluppacàram pajahàya tasmà okkhittacakkhu yugamattadassì àkankhamàno bhuvisericàram careyya dhìro sapadànacàram.

Nghĩa là: Tỳ-khưu hành đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà, trong Phật pháp này,là người lành ví như mặt trăng, là người thường đi xin ăn, là người không bón rít trong các nhà, có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà, là người đã thoát khỏi tội, phát sanh do sự đi vào xóm.

Cho nên bậc trí tuệ, nếu muốn đi trên mặt đất theo sở thích, cũng phải dứt bỏ các đi khất thực theo ý muốn, phải có cặp mắt ngó xuống, chỉ nên liếc xem ra 1 ách (2 sải) rồi nên hành đầu đà đi khất thực theo mỗi nhà.

---o0o---

V- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỒI ĂN TRONG MỘT CHỖ (Ekàsanikanga)

Trong đầu đà này có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn tư cách ngồi ăn trong nhiều chỗ (nàsàsanabhojanam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ ngồi ăn trong 1 chỗ (akàsanikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu thọ phép đầu đà này, trong nhà ăn, không nên ngồi chỗ của vị trưởng lão. Phải phân biện trước chỗ ngồi vừa thoe địa vị mình, rồi mới nên ngồi. Khi đương ăn, nếu có ông thầy dạy đạo, hoặc vị hoà thượng đi đến nên đứng dậy làm lễ, nhưng không được trở lại ăn nữa.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: dầu có vật thực nhiều hay ít, nếu có thò tay vào thì chẳng nên ăn vật nào khác thêm nữa.

- Bậc trung: nếu vật thực trong bát còn được phép thọ thêm.

- Bậc hạ: nếu chưa ra khỏi chỗ ngồi ăn, được phép lãnh thêm.

Ba bậc này nếu ngồi ăn nhiều chỗ gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 8 quả báo:

1. Appàbàdhatà: Trạng thái người ít có bịnh. 2. Appàtankatà: trạng thái người sống không kho,ả là khỏi bị khổ trong thân thể. 3. Lahutthànam: cách chỗi dậy lẹ làng. 4. Balam: Có thân thể khỏe mạnh. 5. Phasuvihàro: cách ở được an vui. 6. Anatirittapaccayà anàpatti: không phạm tội vì thọ vật thực anatirittabhojana 28. 7. Rasatanhàyavinodanam: cách không mong được vị ngon.

8. Appicchatàdìnam anulomavuttità: trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 8 quả báo trong đầu đà ăn trong 1 chỗ ngồi mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĂN TRONG MỘT CHỖ NGỒI

Ekàsanabhojane ratam nayatim bhojana paccayà rujà visahantirase aloluppo parihàpeti na kammamattano iti phàsuvihàra kàrane suvisallekharatupasevite janaye thavisuddha mànaso ratimekàsanabhojaneati.

Nghĩa là: các thứ bịnh phát sanh phát sanh do dùng vật thực, hằng không làm hại đến hành giả vui thích trong cách thường thọ thực trong 1 chỗ ngồi. Sự chẳng lựa chọn vị ngon không làm cho tiêu hoại nghiệp tinh tấn của hành giả.

Cho nên Tỳ-khưu, là người có tâm trong sạch nên làm cho sự vui thích phát sanh trong đầu đà, chỉ nên ngồi ăn trong 1 chỗ là nguyên nhân làm cho cách ở được an vui.

---o0o---

VI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT (Pattapindikànga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn đồ đựng thứ nhì (dutiyabhàjanam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu, là người có phẩm cách chỉ thường thọ thực trong 1 bát 29 (pattapindikàngamsamàdiyàmi).

Trong 1 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu thọ phép đầu đà này, khi dùng cháo phải để cháo trong đồ đựng, nếu được đồ an khô (khô, mắn) nên ăn đồ khô trước cũng được, húp cháo trước cũng được, để đồ khô trong cháo, e có mùi hôi tanh, ăn rồi mửa ra, nhưng nếu ăn được cũng tốt. Về mật ong, hoặc đường thì phải chung vào ăn

với cháo. Các vật ấy Tỳ-khưu phải thọ cho có tiết độ. Trong khi ăn nếu có nước chấm và củ, trái, rau, phải cầm ăn không tiện phải nên để vào bát.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: ăn vào miệng rồi dầu gặp xương, gặp rác cũng chẳng nên nhả ra (trừ ra ăn mía, được phép nhả rác.

- Bậc trung: ăn nhằm xương hoặc rác được phép nhả bỏ, nhưng không nên bóp, trộn vật thực trong bát rồi mới ăn.

- Bậc hạ: dầu trộn vật thực trong bát rồi mới ăn cũng được.

Ba bậc này, nếu ăn ngoài bát thì gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

1. Nànàrasatanhàvinodanam: cách dứt bỏ sự mong mỏi trong vật thực có vị ngon 2. Atricchatayapahànam: cách dứt bỏ trạng thái có sự ham muốn trong món ăn. 3. Àhàrepayojanamatta dassità: trạng thái người thấy điều hữu ích về sự tiết độ trong vật thực. 4. Thàlakàdipariharanakhedàbhàvo: không có sự cực nhọc nhất là cất giữ vật thực. 5. Avikkhittabhojità: trạng thái người không có tâm thay đổi vật thực khác. 6. Appicchatàdinam anulomavuttità: trạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà chỉ thường ăn trong một bát mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT.

Nànàbhàjanavikkhepam hitvà okkhittalocano khananto viya mùlàni rasatanhàya sumànaso paribhunjeyya àhàram koanno pattapindiko.

Nghĩa là: hành giả là người dứt sự thay đổi trong nhiều món ăn khác, có cặp mắt ngó xuống, có hành vi chơn chánh, để đào bứng gốc rễ của lòng tham muốn, là người có thiện tâm hành phép tri túc, như người gìn giữ thân thể mình thế nào, thì Tỳ-khưu hành đầu đà chỉ thường ăn trong một bát, lẽ nào lại thọ thực (trong đồ đựng bát khác được).

---o0o---

VII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN ATRITTABHOJANA (Khaluppacchàbhattikanga)

Khi Tỳ-khưu đương ăn có thí chủ đem vật thực đến dâng trong hắc mà không lãnh gọi là "Ngăn vật thực". Đến khi đứng dậy khỏi chỗ ấy rồi mà dùng vật thực ấy hoặc vật thực khác, phải cho người làm theo luật (vinayakamma) mới ăn được. Không làm thì phạm Ưng đối trị, vật thực nhờ người làm vinayakamma được cho phép ăn nữa ấy gọi là atiritabhojana.

Trong đầu đà này có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn cách dùng (atirittabhojanam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách không dùng vật thực đã ngăn rồi, mà sau lại được (khalupacchàbhattikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách này muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu thọ đầu đà này, khi đã ngăn vật thực rồi không nên nhờ người làm cho vật thực dùng được đâu. Đầu đà này có nghĩa giống nhau với điều học (pathama pavàranà) nhưng đây cao thượng hơn.

Nến biết đầu đà này có nghĩa cao thượng hơn điều học pathama pavàrana như thế nào? Trong điều học pathama pavàrana nói: Tỳ-khưu đã ngăn vật thực rồi, khi đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nếu nhờ người làm vinayakamma rồi thì ăn vật thực ấy được. Trong đầu đà này không phải như thế, dầu có là người làm vinayakamma cho thành vật ăn được, cũng không nên ăn, ấy là chỗ cao thượng hơn, đối với điều học pathama pavàrana.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: khi đang ăn thức ăn mà ngăn vật thực của người dâng cúng thì chẳng được phép thọ thực phẩm còn lại trong bát.

- Bậc trung: đang ăn vật thực nào chỉ được phép ăn món ấy.

- Bậc hạ: được phép ăn cho đến khi đứng dậy.

Ba bậc này, nếu đã ngăn vật thực rồi mà còn ăn nữa gọi là pháp đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 5 quả báu:

1- Anatirittabho janàpattiyà durìbhàvo: trạng thái người lánh xa khỏi sự phạm tội vì cách dùng vật thực anatirittabhojana30. 2- Odarikattàbhavo: không có cử chỉ người ăn quá no 3- Niramisasannidhita: trạng thái người không gom thu để dành vật thực. 4- Punapariye sanàya abbàvo: không có cách tìm kiếm thêm nữa 5- Appicchatàdìnam naulomavuttità: trạng thái người có tư cách, hành vừa theo các đức, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà này, mà Tỳ-khưu đã thọ trì chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN VẬT THỰC

Pariyesanàya khedam na yàti na karoti sannidhim dhiro odarikattam pajahati khahipacchabhattiko yogìtasmà sugatappasattham santosagunàdivuddhi sanjananam dose vidhu nitukàmo bhajeyya yogìdhutangamidam

Nghĩa là: Hành giả là người có trí tuệ, là người thọ trì chi của Tỳ-khưu có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn rồi khi sau ngược lại, là người không có sự khổ cực vì cách tìm vật dụng, không chất chứa vật dụng, là người bỏ tư cách thọ thực quá no.

Cho nên hành giả là người có trí tuệ, muốn dứt bỏ phiền khổ não, nên hành đầu đà này mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen và đó là phương pháp làm cho tăng trưởng các đức tánh, nhất là đức tri túc.

---o0o---

VIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ TRONG RỪNG (Arannikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn cách ngụ nơi khoảng nhà, trước khi mặt trời mọc (gàmantase nàsanam patikkhi pàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu, là người có phẩm cách thường nương ngụ trong rừng (aranni kangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu hành đầu đà này, khi đã thọ trì rồi, không nên ở trong khoảng nhà trước khi mặt trời mọc.

Cần phải ngụ nơi rừng trước khi mặt trời mọc. Chỗ ở nơi khoảng nhà là nói về chỗ ở trong xóm31. Còn gọi là rừng ấy là chỉ về chỗ ngoài xóm và ngoài chỗ gần xóm.

Chỗ nói xóm là: dầu xóm nào chỉ có 1 hoặc nhiều nhà có hàng rào hoặc vách tường, có tường xung quanh hoặc không có, có người ở hoặc buôn bán chỗ nào có bọn buôn bán đến trú ngụ nơi ấy hơn 4 tháng cũng đều gọi là xóm cả.

Chỗ ở trong rừng nên đo từ ranh xóm (chỗ có nhà chòi, trạm nghỉ) cho xa được 1.000 thước. Nếu không có ranh xóm, chòi, trạm nên đo từ chỗ cục đất mà người trai có sức lực bực trung liệng rớt ấy. Nếu gần xóm nghe tiếng người mà bị khuất núi, hoặc có sông ngăn, không thể đi ngay tới được, nên đo theo đường mà họ thường đi tới lui. Nhưng không nên rào ngăn đường đi tắt gần của họ (nếu làm như thế gọi là "kẻ cướp lớn" về phần đầu đà này).

Đầu đà này có 8 quả báo:

1. Bhabbo aladdham và samàdhim pati ladhum: người đáng đắc thiền định chưa đắc. 2. Laddham vàrakkhitum: người có thể gìn giữ thiền định đã đắc. 3. Satthàpissa attamano: đức thiên nhơn sư hằng vừa lòng đối với Tỳ-khưu ấy. 4. Asappàyarùpàdayo cittam na vikkhipanti: nhất là sắt trrần là điều không vừa lòng,không sao khấy rối tâm Tỳ-khưu ấy được. 5. Vigatasantàso: xa lánh khỏi sự kinh sợ. 6. Jìvitanikantim pajahati: có thể dứt bỏ sự vui thích trong sanh mạng được.

7. Pavivekasukharasam asàdeti: được nếm mùi vị của sự an vui nơi thanh vắng. 8. Pamsukùlikàdibhàvo: người thế có thọ trì đầu đà mặc y ca-sa đáng gớm dễ dàng được.

Ấy là 8 quả báo đầu đà thường ngụ trong rừng.

---o0o---

KẾT LUẬN ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG RỪNG.

Pavivitto asamsatto pantasenàsane rato àràdhayanto nàthassa vanavàsena mànasam eko aranne nivasam yam sukham labhate yati rasam tassana vindanti api devà sandakà. Pamsukùlanca esovakavacam viya dhàrayam arannasangà magato avasesadhutàyudho samattho nacirasseva jetum màram sahàhanam tasmà aranna vàsamhi ratim kayiràtha pandito.

Nghĩa là: Hành giả có tâm yên lặng, không lẫn lộn vì phe đảng, hằng vui thích trong nơi thanh vắng, là người có thể làm cho đức Phật được vừa lòng và khen rằng: Hành giả là người nương ngụ trong rừng 1 mình, hằng được an vui cho đến nỗi tất cả chư thiên và thiên đế cũng chẳng đặng nếm hương vị của sự an vui ấy. Như thế, nếu hành giả được hành thêm đầu đà mặc y đáng gớm làm thiết giáp rồi, xông vào chiến trường tức là rừng, dùng 11 pháp Dhuta làm quân binh, thì có thể chiến thắng Ma vương cùng bọn quân ma được dễ dàng không lâu.

Cho nên bậc trí tuệ cần phải vui thích trong phương pháp nương ngụ trong rừng.

---o0o---

IX- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẦN CỘI CÂY (Rukkhamùlikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn chỗ ở có che lợp (channam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường nương ngụ gần cội cây (rukkhasmuỳlikangam

samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu hành đầu đà này, khi đã thọ rồi nên tìm nương ngụ gần cội cây, cây nào ở xa chùa, nhà, trừ ra cây chỗ ranh xóm, cây mà họ hay đến cúng vái, cây có dầu, cây có trái, có bông mà họ cần dùng, có dơi chim, cò ở.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: chẳng nên lựa bông cây theo ý mình, phải tránh các thứ cây đã kể trên, lấy chân đùa lá cây, để làm chỗ ở.

- Bậc trung: nếu có người nào ở gần, nhờ họ quét dùm cũng được.

- Bậc hạ: được phép cậy người ở chùa quét dùm cũng được và làm hàng rào cho. Bữa nào có nhiều người hội hiệp nơi ấy, phải tìm nơi khuất tịch khác.

Ba bậc này, nếu ở nơi nào có che lợp đến mặt trời mọc gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

1-Nissayànurùpapatipattisabbhàvo: người tu hành vừa theo phép nương mà vị hoà thượng đã dạy khi mới thọ cụ túc giới rằng: Người xuất gia nên nương ngụ nơi cội cây. 2- Bhagavatà samvannitapaccayatà: người có vật dụng mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen là vật dụng ít, dễ kiếm và không tội. 3- Anicca-sannàsamutthapanatà: trạng thái có thể làm cho phép vô thường tưởng (anicca-sanna) phát sanh vì được thấy thường thường cái hiện tượng32 của cây và lá. 4- Senàsanamaccherakammàràmatànam abhàvo: không bón rít trong chỗ ở và là người vui thích trong phận sự mình. 5- Devatàhi sahavàsità: trạng thái mà người được ở chung cùng với chư thiên. 6- Appicchatàdìnam anulomavuttità: trạng thái mà người có phẩm cách tu hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà này mà Tỳ-khưu đã thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẦN CỘI CÂY.

Vannito buddhasaetthena nissayoti cabhàsito nivàso pavivittassa rukkhamùlasamo kutoàvàsamaccheraharedevatà paripàlite pavivitte vasanto hi rukkhamùlamhi subbato abhirattàni nìlàni pandùni patìani ca passanto tarupannàni nicca-sannam panùdati tasamà hi buddhadàyajjam bhàvanàbhiratàlayam vivittam nàti manneyyà rukkhamùlam vicakkhano.

Nghĩa là: chỗ ở của Tỳ-khưu, là người có tâm yên lặng mà đức Phật hằng ngợi khen và giảng rằng: Chỗ ở trong rừng là nơi nương náu của bậc xuất gia, chẳngcó chi sánh bằng "Tỳ-khưu ngụ trong rừng là nơi thanh vắng, có thể dứt bỏ được sự bón rít trong thất, có chư thiên nương theo rừng hộ trì nữa. Chẳng phải có thế thôi, Tỳ-khưu là người ở gần cội cây, khi thấy lá mới trổ xanh tươi hoặc lá cây chín có màu vàng đã rụng, có thể dứt

trừ phép thường tưởng33 (nicca-sanna). Bởi cớ ấy, bậc có trí tuệ không nên khinh rẻ chỗ yên lặng gần cội cây, là chỗ của đức Chánh Biến Tri đã ngự, là nơi cư trú của các hành giả ưa thích trong phép thiền định.

---o0o---

X- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG (Abbhokasikanga).

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

1) Tôi xin ngăn chỗ ở che lợp và chỗ ở gần cội cây (channanca rukkhamùlanca patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có tư cách thường nương ngụ trong khoảng trống (abbhokàsikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu hành đầu đà này,nếu vào tịnh xá để nghe pháp, hoặc làm lễ Uposatha mà có mưa đến không nên cội ra đi, chờ cho mưa tạnh sẽ đi, hoặc đã vào nhà ăn, nhà khói đã làm Phật sự (giúp việc cho vị trưởng lão, cho tăng cũng nên). Nếu đi theo đường có cầm vật phụ tùng của vị trưởng lão mà mắc mưa nên vào đụt mưa trong các phước xá (nhà trạm) cắt giữa đường cũng được, dầu không có cầm vật chi của vị trưởng lão, vào nơi ấy đụt mưa cũng nên, song phải đi chậm rãi, hoặc không nên tính ở nghỉ trong phước xá ấy.

Tỳ-khưu hành đầu đà có ba bậc:

- Bậc thượng: Chẳng nên ở dưới bóng cây, trong núi, nhà mát.

- Bậc trung: Nếu có việc phải vào nhà không lỗi.

- Bậc hạ: Vào nghỉ các nơi ấy cũng được nhưng không nên ở đến mặt trời mọc.

Ba bậc này nếu ở trong các nơi có che lợp, hoặc dưới cội cây hoặc ở chỗ che lợp đến mặt trời mọc, gọi là phá phép đầu đà mà mình nguyện giữ.

Quả báo trong abbhokàsikanga - Đầu đà này có 5 quả báo:

1. Àvàsapalibobdhupacchedo: cách dứt bỏ sự bận trong tịnh thất(chùa). 2. Thìmamiddhappanudanam: cách dứt trừ sự lường biếng trong thân tâm 3. Nissangatà: trạng thái người không bận lòng vì sự lo gìn giữ chỗ ở. 4. Catuddisatà: trạng thái người đi đến 4 phương được, không có sự trở ngại, vì khỏi lo sợ không có chỗ ngủ.

5. Appicchatàdinam anulomavuttità: Trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà này mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG.

Anagàriyabhàvassa anurùpe adullabhe tàràmani vìtanamhi candadi pappabhàsite abbhotàse vasam bhikkhu migabhutena cetasà thinamiddham vinodetvà bhanamàràmatam sito pavivekarasassàdam nacirasseva vidatiyasmà tasmàhisappanno obhokàse ratosiyà.

Nghĩa là: Hành giả không gìn giữ chỗ ở, ví như thú rừng hằng nương theo trạng thái vui thích trong phép thiền định, tìm kiếm chỗ ngụ trong khoảng trống, là nơi vừa cho hàng xuất gia, lấy các ngôi sao làm trần, có ẩn dạng ngọc mã não, lấy mặt trăng làm đèn để soi sáng, có thể dứt trừ sự lười biếng trong thân tâm và không bao lâu sẽ được hưởng điều vui thích trong hương vị của pháp yên lặng.

Cho nên hành giả là người có trí tuệ nên ưa thích khoảng trống như thế.

---o0o---

XI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ NƠI MỘ ĐỊA (Sosànikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

1) Tôi xin ngăn chỗ không có mồ mã (sasusànam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người thường có phẩm cách thường nương trong nơi mộ địa (Sosànikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Nơi thiêu người hoặc chôn tử thi đầu đà là họ còn đương thiêu hoặc chôn thường ngày hay là đã bỏ từ 12 năm rồi, cũng gọi là mộ địa. Những nơi nào họ nói là mộ địa mà chưa từng thiêu hoặc chôn tử thi, không gọi là mộ địa được.

Thật vậy, Tỳ-khưu ngụ trong mộ địa không nên bảo người làm chỗ đi kinh hành, chỗ để giường chõng, không nên chứa nước uống, tắm, rửa hoặc dạy người học kinh luật. Vì đầu đà này trọng lắm, cần phải ngừa sự rủ ro. phải trình cho vị trưởng lão trong chùa và các viên chức trong làng, tổng hay trước, rồi mới được phép vào ngụ, không nên dễ duôi. Khi đi vào, phải theo đường lộ, đến khi đi kinh hành phải iếc mắt xem chỗ thiêu hoặc chôn tử thi. Ban ngày nên phân biện cho rồi chỗ có cây, đá, gốc cây. Nếu có phi nhơn34 kêu la trong ban đêm, không nên dùng vật chi để đánh, đập, đuổi xô đâu. Cần đi đến mộ địa mỗi ngày, nếu đi vào nơi ấy lúc nữa đêm, khuya rồi trở về cũng được. Không nên ăn mè, bột trộn, với đậu rajamàsa, cá, thịt, hoặc bánh trộn với sữa tươi, dầu và đường mía, là vật vừa miệng của hành phi nhơn. Chẳng nên đi vào đình, miếu cất trong nơi ấy.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: nên ở trong nơi nào mà họ thường chôn tử thi hoặc thường đến chôn ấy mà than khóc

- Bậc trung: nơi nào thường chôn hoặc thiêu tử thi cũng ở được.

- Bậc hạ: nơi nào có chôn hoặc thiêu tử thi một đôi lần, cũng ở được

Ba bậc này nếu lúc canh 5 (là canh chót, ít hơn hết) mà chẳng vào ở nơi mồ mã gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

10 quả báo trong Sosànikanga:

1. Maranassatipatilàbho: phương pháp đắc phép niệm sự chết do được thường thấy tử thi. 2. Appamadavihàratà: trạng thái người không dễ duôi, nhờ cách đắc phép niệm về sự chết. 3. Asubhanimittàdhigamo: phương pháp tham thiền thấy cảnh tử thi, do được xem tử thi bỏ trong mộ địa 4. Kàmaràgavinodanam: cách dứt giảm tình dục về sự tham thiền thấy cảnh tử thi ấy. 5. Abhinham kàyasabhàvadassanam: cách thường thấy trạng thái của thân thể không sạch. 6. Samvegabahulatà: trạng thái người có nhiều sự cảm sợ (samvega) do đắc phép niệm về sự chết. 7. Àrogyamadàdippahànam:: cách dừt bỏ sự say mê, do được thấy người bịnh trong nơi ấy. 8. Bhayabheravasahanatà: trạng thái người kiên nhẫn trong điều kinh sợ đáng ghê gớm vì quen gặp cảnh đáng ghê tởm. 9. Amanussànam garubhàvaniyatà: trạng thái người có phẩm cách đáng cho phi nhơn tôn trọng và ngợi khen. 10. Appicchatàdinam anulomavuttità: trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay là ít tham.

Ấy là 10 quả báu trong đầu đà này mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG NƠI MỘ ĐỊA

Sosànikanhimaranànusa-dippabhàvà niddàga tampi phusanti pamàdadosà sampassato cakunapàni bahùni tassa kàmànurà gavasagampi nahoti cittam sam vegameti vipulam namadam upeti sammàatho ghatati nibbutimesamàno sosànikangamitineka gunàvahattà nibbànaninnahadayena nisevitabbam.

Nghĩa là: Tỳ-khưu là người ngụ trong mộ địa, dầu muốn ngủ trong nơi ấy cũng trái lẽ, vì không bị các sự dễ duôi tiếp xúc do thắng lực của phép thiền định về sự chết đã đắc trong nơi ấy. Chẳng phải có thế thôi, tâm của Tỳ-

khưu ấy khi đã thường thấy tử thi thì không sao bị tình dục lôi cuốn mà chỉ có nhiều Samvega (dịch là "cảm sợ") không say mê.

Cho nên hành giả mong đạt đến Niết bàn là nơi dứt khổ, phải tinh tấn hành đầu đà này, nhờ tâm chơn chánh xu hướng về phép đầu đà thường ngụ trong mộ địa là pháp đem đến rất nhiều đức tánh như đã có giải.

---o0o---

XII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG Ở TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI (Yathàsanthatikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

1) Tôi xin ngăn sự chọn lựa chỗ ở (senàsanalolupam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người thường có phẩm cách thường ở trong chỗ mà Tăng cho đầu tiên, không dời đổi (yathàsathatikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Hành giả thọ đầu đà này, nếu Tỳ-khưu thế mặt Tăng cho chỗ ở đầu tiên thế nào, thì phải vui thích chỗ ở ấy thôi, không được tìm hỏi, hoặc đi lựa chỗ ở nào khác.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: chẳng nên hỏi thăm chỗ ở của mình xa hay gần, hoặc có ma quỷ phá quấy haychăng? Giáo hội định chỗ nào phải ở nơi ấy.

- Bậc trung: được phép hỏi, nên chẳng nên đi xem chỗ ở theo ý mình.

- Bậc hạ: được phép hỏi và đi xem chỗ ở, nếu không vừa ý cũng không nên xin đổi chỗ.

Ba bậc này, nếu phát lòng ham muốn cũng chỗ ở theo mình, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

1. Ovàdakaranam: được gọi là hành theo lời dạy của đức Thế Tôn. Ngài có giải rằng: Chỗ ở mà mình đã được rồi, thì mình phải nên vui thích theo chỗ

ấy, không nên dời đổi như thế 2. Sabramacàrìhitesità: trạng thái người tìm lợi ích cho hàng phạm hạnh cùng nhau, là nhường chỗ ở khác cho vị khác. 3. Hìnapanìtavikappariccàgo: cách dứt bỏ sự phân biện, thấp hèn hay là cao sang. 4. Anurodhavirodhappahànam: phương pháp dứt bỏ sự vừa lòng và điều trái ý được. 5. Atricchatàyadvàrapidahanam: cách cấm ngăn sự ham muốn đã qua.35 6. Appicchatàdinam anulomavuttità: arạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh nhất là không tham hay là ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà thường ở chỗ mà tăng già đã cho mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắm.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHỈ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI.

Yam laddham tena santuttho yathàsan thatiko yati nibbikappo sukkham seti seti tina santhara kesupi naso rajjàti setthamhi hìnam laddhà na kuppati tasmà ariyatàcannam mun ipunga vavannitam anuyrujetha medhàvì yathàsantaràmatam.

Nghĩa là: hành giả có sự tri túc trong chỗ ở, được sao ở vậy, là người ngụ chỗ mà Tăng cho, không tìm ở chỗ cao sang, thì hằng ngủ được an vui, dầu là nằm trên chiếu cỏ. Người không vui thích trong chỗ quí trọng, dầu được chỗ thấp hèn cũng chẳng bất bình hờn giận, mới đáng gọi là người tiếp độ các hàng phạm hạnh mới xuất gia cho được điều lợi ích.

Bởi cớ ấy, bậc trí tuệ nên có lòng vui thích trong chỗ ở mà Tăng đã cho, là cổ lệ của hàng thánh nhơn, mà đức Phật đã thường khen ngợi.

---o0o---

XIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẰM (Nesajjikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

1) Tôi xin ngăn oai nghi nằm (seyyam patikkhipàmi). 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách ngăn oai nghi nằm (nesajjikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tuỳ ý.

Tỳ-khưu đã nguyện hành đầu đà này rồi ban đêm, trong canh 3 đi kinh hành trọn một canh cũng được, nhưng không nên nằm36.

Tỳ-khưu hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: dầu dựa mình vào đâu cũng chẳng được.

- Bậc trung: Được phép dựa.

- Bậc hạ: Nếu dùng giường ghế theo luật định cũng được (trừ ra không nên nằm).

Ba bậc này nếu nằm trước mặt trời mọc, gọi là phá phép đầu đà mà mình nguyện giữ.

Quả báo đầu đà Nesajjikànga (đầu tiên ngăn oai nghi nằm) - Đầu đà này có 5 quả báo:

1. Catasovinibandhassa upacchedanam: Phương pháp nhất là dứt trừ cái tâm đã quen thỏa thích trong sự mê ngủ. 2. Sabbakammatthànànayogasappàyatà: trạng thái của oai nghi được sự an vui đến phẩm cách tinh tấn trong cách thiền định . 3. Pàsadikairiyàpathatà: trạng thái người có oai nghi đem sự tín ngưỡng đến nhiều người. 4. Viriyàrambhànukulatà: trạng thái vừa đến người có chi tinh tấn. 5. Sammàpatipattiyàsamupabrùhanam: phẩm cách phát sanh sự tu hành chơn chánh.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẰM

Àbhuyitvàna pallankam panidhaya ujumtanum nisìdànto vikampeti màrassa hàdayam yati sèyyasukham middhasukham hitvà àraddhaviriyo

nisajjà bhirato bhikkhu sabhayanto tapovanam niràmisam pìtisukham yasmà samodhigacchati tasmà samanuyunjeyya dhìro nesajjikam vatam.

Nghĩa là: Hành giả ngồi bán già, thân hình cho ngay thẳng, có thể làm cho tâm của Ma Vương phải rung động. Tỳ Khưu là người có tâm tinh tấn dứt bỏ cách nằm và ngủ cho vui sướng, chỉ ưa thích trong oai nghi ngồi, làm cho rừng, tức là tapadhamma37 được soi sáng rõ ràng, hằng được phỉ dạ38 vừa lòng không có amisa39.]

Bởi cớ ấy bậc có trí tuệ nên giữ gìn phép đầu đà Nesajjika này cho được chín chắn.

---o0o---

GIẢI VỀ SỰ ĐOÁN XÉT CHUNG TRONG 13 ĐẦU ĐÀ (Sanàsavinicchayakathà)

Mười ba đầu đà này nói tóm lại chỉ có tám phần: 3 phần chánh và 5 phần không chung lộn; tóm lại nữa còn 4 phần:

1) 2 đầu đà nương theo ca-sa (cìvarapatisamyutta). 2) 5 đầu đà nương theo sự khất thực (pindapàtapatisamyutta). 3) 5 đầu đà nương theo chỗ ở (senàsanapatisamyutta). 4) 1 đầu đà nương theo sự tinh tấn (viriyapatisamyutta).

tóm lại nữa có 2 phần :

1) Đầu đà nào, hành giả đã thọ rồi, mà thiền định được tiến hóa thì phải thọ. 2) Đầu đà nào hành giả phải thọ mà thiền định không phát sanh thì không nên thọ.

Nhưng đầu đà nào mà hành giả không thọ hoặc đã thọ mà thiền định vẫn được tiến hóa không tiêu hoại, cũng gọi là thọ, là phải thọ để làm khuôn mẫu cho kẻ hậu lai; hoặc đầu đà nào mà hành giả thọ hay không thọ mà thiền định vẫn không phát sanh cũng gọi là thọ, là phải thọ như thường để làm gương đến người hậu tấn.

Tóm lại nữa, chỉ còn một, là nơi nói về tác ý thọ trì cả 13 đầu đà ấy.

Hỏi: - Chia đầu đà ra làm 3 phần chánh và 5 phần không chung lộn ấy như thế nào ?

Đáp: - 1. Sapadànacàrikanga, 2. Ekàsanikanga, 3. Abbokàsikanga, cả ba đầu đà ấy gọi là đầu đà chánh. Nghĩa là: Khi đã thọ sapadànacàrikanga rồi thọ luôn pindapàtikanga cũng được, nếu đã thọ ekàsanikanga rồi thọ luôn pattapindikanga và khalupacchàbhattikanga cũng được, nếu đã thọ khalupacchàbhattikanga cũng được, nếu đã thọ abbokàsikanga rồi không lẽ không thọ rukkhamùlikanga, yâthàsanthatikanga nữa thế nào được.

Àrannikanga, pamsukùkikanga, tecìvarikanga, nesajjikanga, sosànikanga, cả 5 đầu đà ấy gọi là 5 đầu đà không chung lộn nhau, vì không mường tượng với đầu đà khác.

Hỏi: - Chỗ nói tóm lại, còn 4 phần ấy như thế nào ?

Đáp: - Pamsukùlikanga, tecìvarikanga - cả hai đầu đà này gọi là nương theo ca-sa vì dính dấp cùng nhau trong cách dùng ca-sa.

Pindapàtikanga, sapadànacàrikanga, ekàsanikanga, pattapindikanga, khalupacchàbhattikanga, cả 5 đầu đà này gọi là nương theo thọ thực vì dính dấp cùng trong cách thọ thực.

Àrannikanga rukhamùlikanga, abbhokàsikanga, sosànikanga, yathàsanthatikanga, cả 5 đầu đà này gọi là nương theo chỗ ở vì có sự dính dấp cùng nhau trong chỗ ở.

Nesajjikanga gọi là nương theo tinh tấn vì dính dấp cùng nhau trong sự tinh tấn.

Hỏi: - Chỗ nói tóm lại, còn 2 phần ấy như thế nào ?

Đáp: - 12 đầu đà trên gọi là nương theo vật dụng. một đầu đà Nesajjikanga sau cuối cùng gọi là nương theo tinh tấn.

---o0o---

GIẢI VỀ PHÂN PHÁT ĐẦU ĐÀ (Byàssavinicchayakathà)

- Tỳ Khưu nên thọ trì cả 13 đầu đà.

- Tỳ Khưu ni chỉ nên thọ trì 8 đầu đà (vì khó giữ).

- Sa-di không có luật buộc phải adhitthàna tam y, rút tecìvatikanga ra chỉ còn 12 đầu đà.

- Sikkhamànà và Sa-di ni không bị buộc phải adhitthàna tam y như sadi và phận sự phụ nữ như Tỳ Khưu ni nên bỏ àrannikanga, khalupacchàbhattikanga, abbhokàsikanga, rukkhamùlikanga sosànikanga, tecìvarikanga ra còn lại 7 đầu đà.

Cận sự nam và cận sự nữ40 nên thọ trì 2 đầu đà là ekàsanikanga và pattapindikanga.

--- o0o ---

PHẦN 05

PHẨM PARIVÀRA (Trích lục trong tạng Luật)

I. Tỳ-khưu có 5 chi, không nên ở không có nissaya (không nương theo ông thầy)41

- Tỳ-khưu không biết ngày hành Uposatha.
- Không biết hành Uposatha.
- Không thông Pàtimokkha.
- Không thông yddesa của Pàtimokkha.
- Chưa đủ 5 hạ.

II- Tỳ-khưu có 5 chi khác nữa cũng không nên ở không có nissaya:

- Tỳ-khưu không biết ngày Pavàranà.
- Không biết hành Pavàranà.
- Không thông Pavàranà.
- Không thông uddesa của Pàtimokkha.
- Chưa đủ 5 hạ

III- Tỳ-khưu có 5 chi khác nữa, cũng không nên ở có nissaya:

- Tỳ-khưu không biết có sự phạm tội và không phạm tội.
- Không biết tội nặng hay nhẹ.
- Không biết sàvasesàpatti và anàvasesàpatti.
- Không biết dutthullàpatti và aditthullàtti.
- Chưa đủ 5 hạ

IV. Tỳ-khưu có đủ 5 chi42 được phép ở không có nissaya:

- Tỳ-khưu có đức tin
- Có sự hổ thẹn tội lỗi
- Có sự ghê sợ tội lỗi
- Có sự tinh tấn
- Có trí nhớ.

V- Tỳ-khưu cố ý phạm tội rồi, dầu tội và chiều theo pháp tây vị (thương, ghét, si mê, sợ sệt) như thế gọi là alajji.

VI- Tỳ-khưu có 5 chi hằng sa địa ngục:

- Tỳ-khưu không ngay thẳng tình thương.
- Tỳ-khưu không ngay thẳng vì ghét.
- Tỳ-khưu không ngay thẳng vì dốt nát.
- Tỳ-khưu không ngay thẳng vì sợ.
- Tỳ-khưu dùng của tăng như của mình43.

VII. Tỳ-khưu không có trí nhớ, hay quên mình, ngủ mê có 5 tội:

- Ngủ cũng khổ.
- Thức dậy cũng khổ.
- Nằm mộng thấy điều không tốt.
- Chư thiên không hộ trì.
- Di tinh.

VIII. Tỳ-khưu đi đến nhà cư sĩ, hay chung chạ với người thế trong lúc quá giờ, hằng có 5 tội:

- thường liếc xem phụ nữ. - khi đã đi xem phụ nữ, sẽ có lòng quyến luyến. - khi quyến luyến sanh sự thân thiết. - khi đã thân thiết sẽ bị tình dục đè nén. - khi đã bị tình dục đè nén, Tỳ-khưu ấy sẽ giải đãi trong phạm hạnh hoặc phạm 1 tội nào, hay là xin xả giới hoàn tục.

IX- 5 pháp hằng thành tựu đến Tỳ-khưu nhất là hành đầu đà thường đi khất thực:

- đi vào xóm không cần phải trình cho Tỳ-khưu trong xóm hay. - Thọ thực chung nhiều vị được (ganabhojana). - Thọ thực paramparabhojana được.

- Không adhitthàna y cũng được. - Không gởi y dư cũng được.

X- Người không nên hành đầu đà có 6 hạng:

- người cố ý mong việc xấu xa.
- người có tâm ganh gỗ.
- người giả dối.
- người chỉ thấy bụng mình hay là chỉ tin bụng mình.
- người muốn được lễ vật.
- người mong được kẻ khác ngợi khen.

XI- người nên hành đầu đà có 10 hạng:

- Có đức tin.
- Có trí tuệ.
- Có sự hổ thẹn tội lỗi.
- Không giả dối,phải ngay thật.
- Tinh tấn trong điều hữu ích.
- Thuần tính.
- Vui thích trong sự học hỏi.

- Làm việc chi cũng chín chắn.
- Không hay nói điều lỗi của người.
- Có vô lượng tâm là lòng tự ái.

XII- Tỳ-khưu hành đầu đà có 5 hạng:

- Vì dốt nát. - Vì ham muốn xấu xa, bị sự ham muốn đè nén. - Vì điên, cuồng tâm. - Vì nghĩ rằng đức Phật và chư thinh văn ngợi khen. - Vì ham muốn ít, nương theo sự tri túc, mong trau dồi tâm tánh, nương theo sự yên lặng, nương theo sự hành vi có sự lợi ích.

XIII- Người không nên làm lễ có 5 hạng:

- Tỳ-khưu đương khi vào xóm.
- Đương đi theo đường đi.
- Đương ở trong nơi tối.
- Tỳ-khưu đương bận việc không để ý đến sự làm lễ.
- Tỳ-khưu đương ngủ.

XIV- Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa:

- Tỳ-khưu đương ăn.
- Tỳ-khưu đương ở trong nhà ăn.
- Tỳ-khưu có sự giận hờn nhau.
- Tỳ-khưu đương toan tính việc.
- Tỳ-khưu để mình trần.

XV- Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa:

- Tỳ-khưu đương ăn vật ngọt.
- Đương ăn vật mặn.
- Đương tiểu tiện.
- Đương đại tiện.
- Tỳ-khưu đương bị tăng phạt cấm phòng.

XVI- Tỳ-khưu tiên cáo phải có 5 chi: (cáo, vì).

- Có lòng thương xót (karunà).
- Mong được điều hữu ích.
- Có sự tiếp độ.
- Muốn được khỏi tội.
- Muốn duy trì tạng Luật.

XVII- Tỳ-khưu phải có 4 chi mới đáng gọi là Tỳ-khưu:

- Phải hằng chú ý tưởng nhớ đến ân đức của Phật (buddhànussati). - Phải hằng có lòng từ bi (metta). - Phải tham thiền về 10 thứ tử thi (asubham). - Phải hằng chủ ý tưởng nhớ đến sự chết (maranasati).

XVIII- Sa-môn phải có đủ 4 chi, mới đúng gọi là Sa-môn:

- Phải có tâm nhịn nhục (khanti).
- Không dễ duôi trong việc phước đức (appamàdo).
- Phải dứt bỏ lợi danh và phiền não (ratipahànam).
- Không bận lòng lo những việc vô ích (akincanam).

XIX- Tỳ-khưu không nên cho nissaya đến Tỳ-khưu có 3 chi:

- Tỳ-khưu không biết hổ thẹn. - Tỳ-khưu dốt nát. - Tỳ-khưu không phải pakatattà.

XX- Người xôm tới, đi vào đường dữ, đi xuống địa ngục có 3 hạng:

- Người không phải hành đạo cao thượng mà tự xưng là cao thượng. - Người cáo gian bậc phạm hạnh trong sạch A la hán. - Người nói: ngũ trần không tội, rồi hằng thọ dụng ngũ trần.

XXI- Lời nói cao thượng có 4:

- Không thấy, nói không thấy.
- Không nghe, nói không nghe.
- Nói không trúng, nói rằng nói không trúng.
- Không biết rõ rệt, nói rằng không biết rõ rệt

XXII. Tỳ-khưu có giới đáng tôn trọng có 4 chi:

- Không tây vị vì thương.
- Không tây vị vì ghét.
- Không tây vị vì lầm lạc,
- Không tây vị vì sợ.

XXIII. Tỳ-khưu có 6 chi đáng làm hoà thượng (truyền cụ túc giới), đáng cho nissaya, đáng cho Sa-di hầu hạ:

- Tỳ-khưu có thể hộ hoặc cho người hộ đệ tử có bịnh.
- Có thể giải sầu hoặc cho người giải sầu đã phát sanh.
- Có thể phá nghi, hoặc cho người phá nghi đã phát sanh.
- Biết sự phạm lỗi.
- Biết cách sám hối.
- Được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

XXIV. Tỳ-khưu có 5 chi gọi là chia rẽ Tăng, hằng đi thọ sanh trong đường dữ, sa vào địa ngục trọng 1 đại kiếp, hết mong sửa mình được:

- Tỳ-khưu thuyết pháp, không phải là pháp mà nói là pháp. - Tỳ-khưu thuyết luật, không phải là luật mà nói là luật. - Tỳ-khưu thuyết pháp, mà nói không phải là pháp.

- Tỳ-khưu thuyết luật, mà nói không phải là luật. - Giả bộ không biết mà làm tăng sự khác nhau.

XXV- Tỳ-khưu có 7 chi mới gọi là luật sư.

- Biết là àpatti.

- Biết không phải là àpatti .
- Biết là tội nhẹ.
- Biết là tội nặng.
- Có giới và thu thúc trong: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới".
- Có đều đủ àcàra và gocàra.
- Có sự lo sợ trong tội lỗi dầu là nhỏ nhen chút ít.

XXVI- Trò đối với thầy có 5 điều:

- Phải hết lòng yêu thương thầy.
- Phải hết lòng tín ngưỡng thầy.
- Phải hết lòng hổ thẹn tội lỗi.
- Phải hết lòng tôn kính thầy.
- Phải hết lòng nhớ tưởng thầy.

XXVII- Ông thầy đáng cho trò nương nhờ có 7 điều:

- Ông thầy phải có lòng từ ái bình đẳng. - Ông thầy phải có giới tinh nghiêm. - Ông thầy phải đáng cho trò tôn trọng . - Ông thầy phải nhịn nhục,khi trò bất bình, thầy tùy cơ cảm hoá trò. - Ông thầy phải biết đạo lý cao siêu và biết cách giảng giải theo sức của trò . - Ông thầy phải ngăn ngừa không cho trò làm điều vô ích tội lỗi. - Ông thầy phải tìm phương pháp chỉ dẫn trò cho mau được tiến hoá.

XXVIII. Bát có 2 thứ:

- Bát làm bằng đất. - Bát làm bằng sắt.

Chỉ được dùng 2 thứ ấy thôi.

-ooOoo-

GIẢI VỀ KATHINA (Kathina Kathà)

Vấn: - tiếng gọi Kathina nghĩa như thế nào?

Đáp: - tiếng Kathina là 1 tiếng trong Phật giáo phát sanh theo lời chuẩn hành của đức Thế Tôn, để buộc chặt 5 quả báo cho thành tựu đến Tỳ-khưu, người thọ và người anumodanà, cho đến hạn kỳ quả báo y.

---o0o---

5 QUẢ BÁO (Ànisansa)

Tỳ-khưu thọ Kathina rồi được hưởng 5 quả báo là:

1) Nếu Kathina chưa xả, Tỳ-khưu không từ giả vị trong nhóm, rồi đi cũng được, nghĩa là không phạm tội trong điều học càritta.

2) Tỳ-khưu không đem tam y theo mình rồi đi cũng được, không phạm tội trong điều học asamàdànacàro.

3) Tỳ-khưu thọ thực chung nhiều vị cũng được không phạm tội trong điều học ganabhojana.

4) Cất giữ y, dầu không àdhitthàna không gởi cũng được không phạm tội trong điều học pathamakathina.

5) Y của Tỳ-khưu hoặc Sa-di tịch hoặc y thọ dâng đến Tăng, y phát sanh do tài sản của Tăng. Tỳ-khưu đã thọ Kathina được phép lãnh dùng.

Tóm lại Tỳ-khưu đã thọ Kathina được hưởng 5 quả báo ấy.

---o0o---

CÁCH THỨC THỌ KATHINA (Kathinatthàna vidhànakathà).

Vấn: - Người hạng nào mới thọ Kathina được. Người hạng nào mới thọ Kathina không được.?

Đáp: - Nếu nói về số người phải có ít lắm là 5 vị trở lên44, mới thọ Kathina được, ít hơn 5 vị không phép thọ Kathina.

Còn nói về nhập hạ, Tỳ-khưu nhập hạ trước (purimikavassà) Pavàranà trong ngày Pavàranà trước (là Pavàranà trong ngày rằm tháng 9 Việt Nam) mới thọ Kathina được. Tỳ-khưu dứt hạ hoặc nhập hạ sau (nhập hạ ngày 16 tháng 6 sau, năm nhuần) và Tỳ-khưu nhập hạ chùa khác, thọ Kathina không được.

Vấn: - người hạng nào mới nên dâng Kathina

Đáp: - Một trong mấy hạng người sau này là: chư thiên, người thiện tín, Tỳ- khưu, Sa-di dùng được cả.

Thí chủ phải vào dâng trong hắc, tăng ngồi hoặc đứng trong chùa nhập hạ rồi dâng, nói như vầy: Chúng tôi xin dâng y Kathina (kathina cìvaramdema).

Vấn: - Khi thí chủ dâng y, Tăng phải thọ bằng cách nào?

Đáp: - Không nên thọ bằng thân hoặc khẩu, phải cần thọ bằng tâm của Tăng, là phải thọ bằng cách làm thinh.

Vấn: - Tỳ-khưu nào đáng thọ Kathina?

Đáp: - Tăng giao y Kathina cho Tỳ-khưu nào, Tỳ-khưu ấy phải thọ.

Vấn: - Tăng phải giao y Kathina cho Tỳ-khưu nào?

Đáp: - Tỳ-khưu nào có y cũ thì phải giao cho Tỳ-khưu ấy.

Nếu nhiều vị có y cũ, Tăng phải giao cho vị cao hạ hơn và thông rõ 8 pháp, có thể làm phép thọ cho kịp trong ngày ấy.

Nếu Tỳ-khưu cao hạ không thông thì giao cho Tỳ-khưu thấp hạ, thông hiểu phép thọ. Nhưng Tăng nên bàn tính trước với vị trưởng lão, cầu ngài thọ rằng: bạch ngài, xin ngài thọ đi, rồi chúng tôi giúp làm với ngài.

Khi Tăng được Kathina rồi, hội họp nhau, ngồi (trong hắc) trong Sìmà, chỉ định 2 vị để tuyên ngôn trình cho Tăng rõ.

Vị thứ nhất hỏi: Bạch đại đức Tăng, y Kathina đã phát sanh đến Tăng rồi, Tăng nên giao Kathina này cho Tỳ-khưu nào thọ Kathina?

Vị thứ hai đáp: Tỳ-khưu nào có y cũ, Tăng nên giao cho vị ấy.

Vị thứ nhất nói: Tỳ-khưu có cìvaram cũ, có nhiều vị, hoặc nói trong nơi đây không có vị nào có y cũ cả.

Vị thứ hai nói: tăng nên giao Kathina cho vị trưởng lão.

Vị thứ nhất nói: Trong nơi đây Tỳ-khưu nào cao hạ?

Vị thứ hai nói: Tỳ-khưu (... để pháp danh Tỳ-khưu thọ vào đây ...).

Vị thứ nhất nói: vị trưởng lão ấy có thế làm y được và thọ kịp trong ngày nay chăng?

Vị thứ hai nói: ngài làm được (hoặc nói: Tăng nên tiếp độ đến vị trưởng lão).

Vị thứ nhất hỏi lại nữa rằng: vậy ngài trưởng lão ấy có đủ 8 chi chăng? (xem phần PAKINNAKAKATHÀ tiếp theo).

Vị thứ hai đáp: ngài trưởng lão có đủ 8 chi rồi.

Nếu vị thứ nhất bằng lòng thì nói: sàdhu, đúng rồi. Tăng nên giao cho ngài trưởng lão ấy. Phải cho Tỳ-khưu thông hiểu trình cho Tăng hay.

Vấn: - Tăng hội cần giao Kathina cho Tỳ-khưu người thọ bằng cách thức như thế nào?.

Đáp: - tăng phải giao bằng cách tụng tuyên ngôn 2 bận (nattidutiyakammavàcà).

Cách thức để tụng tuyên ngôn 2 bận để giao y ấy, theo lời Phật chuẩn hành 45 (buddhànunàtta) trong phẩm Mahàvagga rằng: phải cho Tỳ-khưu thông hiểu trình đến tăng biết như vậy:

Sunàtu me bhante sangho, idam sanghassa kathinadussam upannam, yadi sanghassa pattakallam, sangho imam kathinadussam (itthannàmassa)46 bhikkhuno dadeyya kathinam attharitum, esà natti.

Sunàtu me bhante sangho, idam sanghassa kathinadussam upannam, sangho imam kathinadussam (itthannàmassa) bhikkhuno deti kathinamattharitum, yassàyasmato khamati imassa kathinadussassa (itthannàmassa) bhikkhuno dànam kathinamattharitum, so bhàseyya, dinnam imam sanghena

kathinadussassa (itthannàmassa) bhikkhuno kathinam attharitum, khamati sanghassa, tasmà tunhi evametam dhàrayàmi

Nghĩa là:

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình y Kathina này đã phát sanh đến Tăng rồi, nếu (giờ này) vừa đến Tăng rồi, nên giao y Kathina ấy đến cho Tỳ-khưu (...) để thọ Kathina, ấy là lời trình.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình y Kathina này đã phát sanh đến Tăng rồi (nay) tăng giao y Kathina ấy đến cho Tỳ-khưu (...) để thọ Kathina, sự giao Kathina cho Tỳ-khưu (...) để thọ Kathina vừa đến ngài nào, ngài ấy phải nói lên. Y Kathina ấy, Tăng đã giao cho Tỳ-khưu (...) rồi để Kathina (sự này) vừa đến Tăng rồi. Vì lẽ ấy, Tăng nên làm thinh, tôi ghi nhớ sự này do trạng thái làm thinh ấy.

Vấn: - Nếu Tăng giao y Kathina như thế rồi Tỳ-khưu thọ Kathina phải làm như thế nào?

Đáp: - Tỳ-khưu thọ Kathina ấy phải giặt, vò, phơi, đo, cắt, may, nhuộm, làm dấu cho xong trong ngày ấy rồi thọ Kathina. Nếu thí chủ đã cắt may sẵn, Tỳ- khưu thọ chỉ phải nhuộm hoặc làm dấu (kappabindu) thôi, rồi thọ Kathina.

Nếu muốn thọ y 2 lớp (sanghati), phải (paccuddhàra) xả y 2 lớp củ, adhitthàna y 2 lớp mới rồi đọc làm lễ thọ (hoặc muốn thọ y vai trái 9 uttàràsànga), hoặc y nội (antaravàsaka) cũng nên làm như nhau.

Vấn: - Tỳ-khưu phải thọ Kathina bằng thế nào?

Đáp: - trong phẩm parivàna có nói rằng: nếu Tỳ-khưu muốn thọ y 2 lớp (sànghàti) cần (paccuddhàra) xả y 2 lớp củ của mình, rồi adhitthàna y 2 lớp mới, rồi đọc ra tiếng cho Tăng nghe rõ rằng: Imàya sanghàtiya kathinam atthàràmi (tôi thọ Kathina bằng y 2 lớp này).

Nếu thọ y bằng y vai trái uttaràsanga, phải (paccuddhàra) xả y vai trái cũ của mình adhitthàna y vai trái mới, rồi đọc ra tiếng cho Tăng nghe rõ rằng: Iminà uttaràsangena kathinam attharàmi (tôi thọ Kathina bằng y vai trái này).

Nếu thọ y antaravàsaka, phải paccuddhàra xả y nội cũ của mình, adhitthàna y mới, rồi đọc ra: tiếng cho tăng nghe rõ rằng: Iminà antaravàsakena kathinam attharàmi (tôi thọ Kathina bằng y nội này).

Khi Tỳ-khưu đã thọ Kathina theo cách thức ấy rồi47, vào gần Tăng hoặc gana hoặc pugala, mặc y vai trái chừa một bên, ngồi chồm hỗm chấp 2 tay đọc cho các vị ấy (anumodanà) rằng: "Atthatam bhante48 sanghassa kathinam dhammiko kathinatthàro anumodàna49".

(Bạch các đại đức, Kathina của Tăng tôi đã thọ rồi, sự thọ Kathina ấy đúng theo pháp, xin các đại đức anumodàna đi).

Về phần Tỳ-khưu anumodàna, phải mặc y vai trái chừa một bên, ngồi chồm hỗm chấp hai tay đọc anumodanà rằng: Atthatam àvuso50 sanghassa kathinam dhammiko kathinatthàro anumodàna51.

(Bạch các đại đức, Kathina của Tăng ngài đã thọ rồi, sự thọ Kathina ấy đúng theo pháp, chúng tôi xin anumodàna).

Trong kinh Chú giải: Evam sabbesam atthatam hoti kathinam (nếu một vị thì đọc Kathina, các vị khác anumodàna như thế gọi là Kathina đủ các vị.).

---o0o---

GIẢI VỀ THỂ THỨC THỌ KATHINA KHÔNG ĐƯỢC KẾT QUẢ (Anatthatakathinakathà)

Vấn; Tỳ-khưu thọ Kathina không kết quả do 24 cách thế nào?

đáp: Tỳ-khưu thọ Kathina không kết quả do 24 điều là:

1. ullikhitamattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới đo. 2. dhovana mattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới giặc 3. cìvaravicàrana mattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới sắp sửa theo cách cắt. 4. chedana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới cắt. 5. bandhana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới may lược. 6. ovattikakarana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới may bìa. 7. Kandùsakarana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới để rải khung đặng cột. 8. Dalhìkammakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y thường của mình, chỉ lấy vải Kathina đến may nhập với nhau. 9. Anuvàtakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y chưa may rồi, mới để

biên xuôi thôi 10. Paribhandakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y chưa may rồi, mới để biên ngang thôi. 11. Ovatteyyakarana mattena: thọ Kathina bằng y chưa làm rồi, mới để điều. 12. Kambalamadda na mattena: thọ Kathina bằng y nhuộm còn non màu (nên nhuộm như màu cây mít). 13. Nimittakatena: thọ Kathina bằng y phát sanh do Tỳ-khưu nói cách này, thế nọ (ta thọ y này được, tốt). 14. Pàrikathàkatena: thọ Kathina bằng y phát sanh vì Tỳ-khưu bảo thí chủ dâng (được phước lớn). 15. Kukku katena: thọ Kathina bằng y mượn của người hoặc tự mình, bằng y của mình đã có sẵn. 16. Sannidhi katena: thọ Kathina bằng y để dành qua ngày sau. 17. Nissaggiyena: thọ Kathina bằng y đang làm để qua ngày khác. 18. Akappakatena: thọ Kathina bằng y chưa làm dấu. 19- 21. Annatra sanghàtiyà, annatra uttaràsangena, anntra antaravàsakena: thọ Kathina ngoài y 2 lớp, y vai trái, y nội. 22. Annatra pancakena và atirepancakena và tadaheva sanchinnena samandalìkatena: thọ Kathina bằng y không cắt điều may, hoặc cắt điều không đứng phép. 23. Anntra puggalassa atthàra: thọ Kathina nhiều vị (2, 3, 4 vị trở lên). 24. Nissìmattho anumodati: Tỳ-khưu đem y ra ngoài vòng sìmà mà mình nhập hạ. Nếu chùa ấy chưa có bandhasìmà , chỉ ra tụng tuyên ngôn rồi trở vào thọ Kathina trong chùa mà mình nhập hạ cũng được.

Kathina mà Tỳ-khưu làm phép thọ phạm 1 trong 24 điều ấy không thành Kathina đâu.

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC THỌ KATHINA ĐƯỢC KẾT QUẢ ĐƯỢC (Atthatakathinakathà)

Thọ 17 thứ vải sau này được thành Kathina:

1. Ahatena: Thọ Kathina bằng y người chưa mặc. 2. Ahatakappena: Thọ Kathina bằng y người mới giặc 1, 2 lần song còn như mới. 3. Polotikàya: Thọ Kathina bằng y làm bằng vải cũ. 4. Pamsukùlena: Thọ Kathina bằng y làm bằng vải lượm hoặc y mà Tỳ-khưu hành đầu đà tìm được.

5. Àpanikena: Thọ Kathina bằng vải bỏ rơi gần chợ mà thí chủ lượm đem dâng làm y. 6. Animittakatena: thọ Kathina bằng y không phải vì nó ướm mà được, trái với y thứ 13 trong antthatàkàra. 7. Aparikathàkatena: trái với y thứ 14 anatthatàkàra. 8. Akukkukatena: Trái với y thứ 15 anatthatàkàra.(khôngphải y nhuộm). 9. Asnannidhikatena; Trái với y thứ 16 anatthatàkàra. 10. Anissaggiyena: trái với y thứ 17 anatthatàkàra. 11. Kappaketena: Trái với y thứ 18 anatthatàkàra. 12-14. Sànghàtiyà uttaràsangena antaravàsakena: trái với y thứ 19, 20, 21 (là làm lễ thọ 1 trong 3 y, không thọ 3 hoặc 2 y một lần). 15. Pancakena và atirekapancakena và tadaheva sanchinnenasamandalìkeena; trái với y thứ 22 là y làm đúng theo điều trong nội ngày. 16. Puggalassa atthàrà: trái với y thứ 23 (là 1 Tỳ-khưu làm lễ thọ). 17. Sìmattho anumodàti: Trrái với y thứ 24 là Tỳ-khưu ở trong sìmà làm lễ thọ hoan hỉ theo (không ở ngoài vòng sìmà).

Trong 17 thứ y này, từ thứ 1 đến thứ 5 chỗ chặn giữa 12, 13, 14 là y không định, miễn dâng theo 1 thứ nào cũng được, từ thứ 6 đến thứ 11, từ 15 đến 17 là y nhất định, phải điều đủ theo phép mới làm lễ thọ được.

---o0o---

GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN KATHINA XẢ (Ubbhatakathinakathà).

Đức Phật có dạy: Kathanca bhikkhave ubbhatam hoti kathinam attha màtikà bhikkhave kathinassa ubbhàràya.

Nghĩa là: "Này các Tỳ-khưu, 8 màtikà này là nguyên nhân làm cho Kathina xả".

Tiếng "màtikà" nghĩa là mẹ, hay là người sanh đẻ.

Hỏi: - Cớ sao vì 8 màtikà ấy mà cho Kathina xả?

Đáp: - 8 màtikà ấy là:

1) Pakkamanantikà: Tỳ-khưu đã thọ kathina rồi tính rằng: "Ta không trở lại chùa nữa đâu", rồi đem y đã làm đi ra, vừa ra khỏi vòng sìmà, Kathina của

Tỳ-khưu ấy xả, Tỳ-khưu ấy hết được 5 quả báo. Như thế gọi "Pakkamanantikà" là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ nhất.

2) Nithànantikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi đem y của mình (y thọ Kathina) (y làm chưa xong) đến chùa khác, đi ra vừa khỏi vòng sìmà, tính rằng: Ta nhờ người dùm làm y này, trong chùa này, ta không trở lại chùa cũa đâu.

Tỳ-khưu ấy cậy người làm y ngoài vòng sìmà mà mình nhập hạ, chỉ làm y vừa xong, Kathina của Tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi nitthànantikà, là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ nhì.

3) Sannitthànantikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi, đem y chưa làm, đến chùa khác tính rằng: ta không cậy người làm y này đâu, ta không trở về chùa cũ đâu. Chỉ tính quyết định như thế, thì Kathina xả, gọi sannithanantikà, là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ ba.

4) Nàsanatikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi, đem y chưa làm, đến chùa khác tính rằng: ta nhờ người làm y trong chùa này ta không trở lại chùa cũ đâu, đương làm y, y đó bị trộm hoặc cướp đoạt mất Kathina của Tỳ-khưu ấy xả, gọi sannithanantikà, là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ tư.

5) Savanantikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm ra đi. Khi đến chùa khác tính rằng ta cậy người làm y trong nơi này. Khi đã làm xong,lại nghe tin rằng Tỳ-khưu Tăng trong chùa đọc xả Kathina rồi. Chỉ nghe như thế, Kathina của Tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi sannithanantikà, Kathina xả theo màtikà thứ 5.

6) Àsàvacchedikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi ra đi tính tìm nơi khác. Khi đi đến nơi khác, tính rằng: Ta tìm kiếm y ngoài sìmà đây, ta không trở lại chùa cũ đâu. Tỳ-khưu chỉ tìm kiếm y trong nơi ấy, khi kiếm không được, sự mong được y ấy dứt, chỉ đứt sự mong mỏi kiếm y, Kathina của Tỳ-khưu ấy xả, như thế gọi sannithanantikà là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ 6.

7) Sàmàtikantikà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm ra đi. Khi đến chùa khác, cho người làm giùm, khi đã làm y xong, cũng còn tính rằng: ta sẽ trở lại chùa. nhưng chừng chờ ở ngoài vòng sìmà cho đến hết hạn kỳ Kathina của Tỳ-khưu ấy, xả như thế gọi sannithanantikà là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ 7.

8) Sahubbhàrà: Tỳ-khưu đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm xong ra đi. Khi đã nhờ người làm y ấy rồi tính rằng: ta

sẽ về chùa. Rồi trở về kịp, Tỳ-khưu xả Kathina trong chùa. Kathina của Tỳ- khưu ấy xả chung với các Tỳ-khưu trong chùa, xả như thế gọi Sahubbhàrà là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ 8.

Trong phẩm Mahavagga có giải rộng 8 màtikà ấy, đây chỉ xin giải tóm tắt bấy nhiêu, nên vị nào muốn biết cho rộng, nên xem trong phần ấy.

---o0o---

BÓ BUỘC (Palibodha)

Theo Phật ngôn trong phẩm Mahàvaggacó giải rằng: Dve me bhikkhave kathinassa palibodhà.

Nghĩa là: Này các Tỳ-khưu! Cả 2 điều ấy là Palibodhà của Kathina.

Palibodhà là điều buộc Kathina không cho xả, có 2:

1) Àvàsa palibodha: sự bận trong chùa (là chỗ đã thọ Kathina). 2) Cìvara palibodha: sự bận trong y ca-sa (là y ca-sa về quả báo của Kathina).

Giải: Đức Phật có dạy trong phẩm Mahàvagga rằng: Idha bhikhave bhikkhu vasatitasmim àvàse vàsàpekkho vàpakkama ti paccessanti evam kho bhikhave àvàsa palibodho hoti.

Nghĩa là: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu trong giáo pháp này, ngụ trong chùa hoặc đi ra khỏi chùa, nhưng còn tiếc rằng: Ta sẽ trở lại. Này các Tỳ-khưu, như thế gọi là sự bận trong chùa (àvàsa palibodha).

Về phần cìvara palibodha, đức Phật có giảng trong phẩm Màhàvagga rằng: Idha bhikkhave bhikkhuno cìvaram akatam và hoti vippankatam và cìvaràsà và anupacchinnà, evam kho bhikkhave cìvara palibodho hoti.

Nghĩa là: Này các Tỳ-khưu, y ca-sa của Tỳ-khưu trong giáo pháp này, chưa làm hoặc làm chưa rồi, hay là sự mong trong52 y chưa dứt. Này các Tỳ- khưu! Như thế gọi là cìvara palibodha.

Có 2 điều ấy thuộc về Kathina không cho xả, miễn là còn mắc trong 2 điều ấy, Kathina mới xả.

---o0o---

HÀNH TRÌNH KATHINA XẢ (Ubbhàra hay Uddhàra)

Hành trình Kathina xả có 2 (vì thế lực của 8 màtikà).

- Ubbhàra - Antarubbhàra

(Nếu chia ra nữa có đến 9 là 8 màtikà ubbhàra và 1 antarubbhàra).

giải: Atthamàtikà nghĩa là hành trình Kathina xả theo 8 màtikà là:

1) Hành trình Kathina xả, để cho Tỳ-khưu ra ngoài vòng sìmà, rồi làm cho Kathina xả 1 lượt trong khi ấy.

2) Hành trình Kathina xả, là sahubbhàra, để cho Tỳ-khưu ra ngoài vòng sìmà, xong trở lại kịp Kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, trong chùa thọ kathina, rồi được vào làm phép xả chung với các Tỳ Khưu .

Tám Hành trình Kathina xả ấy gọi là atthamatikà ubbhàra, vì kể vào trong 8 màtikà.

3) Antarubbhàra nghĩa là hành trình kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, là hành trình kathina xả do tụng tuyên ngôn 2 bận (dutiyakammavàcà) để xả kathina, không kể vào trong 8 màtikà gọi là amtarubhàra, vì là hành trình kathina xả để cho các Tỳ Khưu không đi ra ngoài vòng sìmà chỉ ngồi trong chùa hội họp nhau làm, trong giữa thời gian hạn kỳ (chưa đến thời kỳ định). Trong phẩm vinayàlankàratikà có giải thêm rằng:

Antarubbhàra, sahubbhàrà, natthidutiyakammavàcàyena katàpakkamanantikàdayo satta kathinubbhàrà nàgasena kammavàcà yakatà.

Nghĩa là: Trong antarubbhàra và sahubbhàra Tỳ Khưu tụng tuyên ngôn 2 bận thì kathina mới xả, còn 7 kathinubbhàra nhất là pakkamànantikà, Tỳ Khưu không cần tụng tuyên ngôn, nghĩa là nếu có dịp đáng cho kathina xả, kathina xả tự nhiên không cần phải tụng tuyên ngôn.

Vấn: - Hai hành trình kathina xả là antarubbhàra và sahubbhàra khác nhau như thế nào?

Đáp: - Trong phẩm Vinayàlankàratikà có giải rằng: antarubbhàra để cho các Tỳ Khưu (nhiều vị) không ra ngoài vòng sìmà chỉ ngồi trong chùa tụ hội nhau làm phép xả.

Còn sahubbhàra để cho một vị Tỳ Khưu đã ra ngoài vòng sìmà rồi trở lại kịp antarubbhàra ấy vào làm phép xả chung cùng nhau với các Tỳ Khưu ngụ trong sìmà ấy.

Đó là điều khác nhau của hai hành trình ấy.

Vấn: - Antarubbhàra tuồng như một hành trình kathina xả khác ngoài tám màtikà; nếu như thế, màtikà là nguyên nhân cho kathina xả cho đến 9 chăng?

Đáp: - Không phải như thế, hành trình kathina xả có một thôi, song giải ra làm hai gọi là:

1) Sahubbhàra: để cho Tỳ Khưu đã đi ra ngoài vòng Sìmà rồi trở về. 2) Antarubbhàra: để cho nhiều vị Tỳ Khưu không được ra ngoài vòng Sìmà.

Nên hiểu rằng khi Tăng tụ hội tụng xả kathina trong giữa thời gian hạn kỳ, nếu có Tỳ Khưu đã ra ngoài vòng sìmà, trở về làm phép xả chung cùng nhau, một lần cũng được gọi là hai trong một lần, bằng không có cũng gọi chỉ có một lần thôi.

Cho nên Đức Phật chỉ chế ra có 8 màtikà như đã có giải.

Vấn: - Tỳ Khưu Tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả kathina trong thời gian giữa hạn kỳ, vì nguyên nhân chi?

Đáp: - Tỳ Khưu Tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả kathina trong giữa thời gian hạn kỳ như thế vì có các thí chủ thỏa thích làm đại lễ, họ cầu tụng xả cho, họ dâng cúng y ngoài trời kathina, đến Tăng ở phương xa đến hội họp nhiều53. Tích này Đức Phật cho phép Tỳ Khưu ni vì có một người cận sự nam bạch cầu xin.

Đức Thế Tôn có dạy tụng xả kathina như vầy: phải cho Tỳ Khưu thông hiểu trình cho Tăng biết rằng:

Sunàtu me bhante sangho yadi sanghassa pattakallam sangho kathinam uddhareyya, esànatti.

Sunàtu me bhante sangho kathinam uddharati yassàyasmato khanatikathinassa uddhà ro so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya ubbhatam sanghena kathinam khamati sanghassa tasmà tunhì evametam dhàràyâmi.

Nghĩa là:

Bạch hóa Đại Đức Tăng được rõ, xin Tăng nghe tôi trình (sự này) nếu đã vừa thời đến Tăng rồi, Tăng nên xả kathina ấy là lời trình.

Bạch hóa Đại Đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình (nay) Tăng xả kathina. Sự xả kathina vừa đến Ngài nào Ngài ấy phải nín thinh, không vừa đến Ngài nào Ngài ấy phải nói lên.

Kathina Tăng đã xả rồi (sự ấy) vừa đến Tăng rồi, vì nguyên nhân Tăng làm thinh, tôi ghi nhớ sự ấy do trạng thái Tăng làm thinh như thế, lẽ thường kathina xả chỉ vì lìa khỏi 5 quả báo, do dứt cả hai Palibodhà.

Cho nên dứt cả hai Palibodhà phải biết rằng xả rồi, khi ấy cũng không còn được 5 quả báo nữa. Nếu còn cả hai hoặc một trong hai Palibodhà, thì kathina chưa xả, Tỳ Khưu ấy còn được hưởng 5 quả báo; nhưng muốn cho biết Palibodhà nào dứt. Palibodhà nào không dứt, hoặc Palibodhà nào dứt trước, Palibodhà nào dứt sau hoặc dứt một lượt cùng nhau chỉ giải phân biệt theo 8 màtikà như đã có giải trong phẩm parivàra và phẩm taliyasamantapàsàtikà atthakatha rằng:

1) Trong màtikà thứ nhất pakkamananantikà, civara palibodha đứt trước, là đứt từ khi còn ngụ tại chùa, vì y đã làm xong, không còn bận việc làm nữa. Avàsa palibodha đứt sau, là đứt một lượt với 1 hành trình Tỳ-khưu ra ngoài vòng sìmà, Kathina xả trong thời ấy.

2) Trong màtikà thứ 2, nitthànantikà àvàsa palibodha đứt trước là đứt trong khi Tỳ-khưu định rằng không trở lại chùa cũ nữa.

Cìvara palibodha đứt sau, là đứt khi đã làm y rồi Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

3) trong màtikà thứ 3 sannitthànantikà, cả 2 Palibodha đứt 1 lượt cùng nhau không trước không sau, là đứt khi Tỳ-khưu quyết định rằng y cũng không nhờ người làm giùm, chùa cũ cũng không trở về, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

4) trong màtikà thứ 4 nàsanantikà, àvàsa palibodha đứt trước là đứt khi Tỳ- khưu quyết định rằng không trở lại chùa cũ nữa, cìvara palibodha đứt sau là đứt trong khi y đã hư mất, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

5) trong màtikà thứ 5 savanantikà, cìvara palibodha đứt trước, là đứt trong khi đã làm y rồi àsàsapalibodha đứt sau là đứt 1 lượt vừa khi nghe tin rằng Tăng trong chùa tụng xả Kathina rồi, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

6) trong màtikà thứ 6 àsàvacchekika, àvàsapalibodha đứt trước là đứt trong khi Tỳ-khưu định rằng: không trở lại chùa cũ nữa, cìvara palibodha đứt sau, là đứt trong khi không còn mong được y nữa,kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

7) trong màtikà thứ 7 sìmatikkantikà, cìvara palibodha đứt trước, là đứt trong khi đã làm y xong àsàsapalibodha đứt sau là đứt trong khi hết hạn kỳ, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

8) trong màtikà thứ 8 sahubbhàra, cả 2 Palibodha đứt 1 lượt cùng nhau không trước không sau,là đứt trong khi tăng tụng dứt bản tuyên ngôn, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

Vấn: - Hành trình Kathina xả trong sìmà có mấy, ngoài sìmà có mấy, có khi trong sìmà có khi ngoài sìmà có mấy?

đáp: - Hành trình Kathina xả trong sìmà có 2 là: antarubbhàra và sahubhàra. Ngoài sìmà có 3 là: pakkamanantika, savanantika và sìmàtikkantika. Có khi trong sìmà, có

khi ngoài sìmà, có 4 là: nitthinantika, sannitthànantika, nàsanantika và àsàvacchedika.

Giải rằng: antarubbhàra và sahubhàra Kathina xả trong thời chung cùng nhau, là xả vì năng lực tăng tụ hội tụng xả trong vòng sìmà thọ Kathina ấy, thuộc về hành trình Kathina xả trong vòng pakkamanantika, savanantika và sìmàtikkantika, Kathina xả đối với 1 Tỳ-khưu, đi làm cho Kathina xả, phía ngoài vòng sìmà. Nitthinantika, samutthànantika, nàsanantika và àsàvacchedika, kathina xả đối với 1 Tỳ-khưu . Nhưng nếu Tỳ-khưu ấy khi trước không bận tìm phần y mà mình phải được, rồi đi ra ngoài vòng sìmà, hết tiếc rằng: Thôi trở lại. Mà sau đó Tỳ-khưu khác thức tỉnh ép, cho đi đoạt phần y đó lại, rồi trở về làm cho kathina cũng xả trong vòng sìmà đã thọ Kathina. Vậy chỉ về việc phần y mà mình phải được ấy, thuộc về hành trình Kathina xả trong vòng sìmà. Nếu Tỳ-khưu đem phần y mà mình phải được ra ngoài vòng sìmà rồi làm cho Kathina xả trong nơi ấy, chỉ 12 lần thì thuộc

về hành trình Kathina xả ngoài vòng sìmà (muốn rõ điều này nên xem tạng Luật, phẩm thứ 8, từ trang 12 đến 48).

---o0o---

PAKINNAKAKATHÀ

Vấn: - Mùla của Kathina có mấy? Vatthu có mấy? Bhùmi có mấy?

Đáp: - Mùla của Kathina có 1 là: Tăng tụ hội. Vatthu có 3 là: sanghàti uttaràsanga và antaravàsaka. Bhùmi có 6 là: y làm bằng chỉ may, y làm bằng bông, y làm bằng tơ, y làm bằng lông thú, y làm bằng vỏ cây.

Thật vậy, Kathina thì đủ mùla, vatthu, bhùmi như đã có giải, thọ mới kết quả được. Nếu chỉ thiếu 1 điều nào, như số Tỳ-khưu ít hơn 5 vị hoặc thọ Kathina bằng y khác ngoài 1 trong 3 y, hoặc y ấy họ làm bằng vật nào khác ngoài 6 thứ chỉ ấy, thì Kathina không được kết quả.

Vấn: - Pháp chỉ về phần đầu Kathina, pháp chỉ về phần giữa, pháp chỉ về phần cuối cùng là thế nào?

Đáp: - Trong sự phải thọ Kathina (kathinatthàrakicca) chia ra làm 3 giai đoạn:

- Đoạn đầu phải lo làm pubbakarana (giặc, vò, nhuộm y) nếu thí chủ họ chưa làm.

- Đoạn giữa phải xả y cũ (paccuddhàra) của mình rồi (adhithàna) y mới để thọ Kathina ấy.

- Đoạn cuối cùng phải thọ ra tiếng cho Tăng hội được nghe rõ, rồi làm sangha, gana, puggala, phải anumodanà.

Được anumodanà như thế gọi là sự phải thọ Kathina (kathinatthàrakicca) được kết quả.

Vấn: - Người có mấy chi không nên thọ Kathina, người có mấy chi nên thọ Kathina?

Đáp: - Người có 8 chi không nên thọ Kathina:

1) Người không biết pubbakarana (sự phải làm trước khi thọ Kathina). 2) Không biết paccuddhàra (xả y cũ). 3) Không biết adhitthàna (nguyện đặt tên y mới). 4) Không biết atthàra (sự thọ Kathina). 5) Không biết màtikà (nguyên nhân xả Kathina). 6) Không biết Palibodha (sự buộc Kathina). 7) Không biết uddhàra (hành trình Kathina xả theo 8 màtikà). 8) Không biết quả báo (nguyênnhân không phạm tội).

Người có đủ 8 chi (trái với 8 điều giải trên) mới nên thọ Kathina được là:.

1) biết pubbakarana.
2) biết paccuddhàra.
3) biết adhitthàna.
4) biết atthàra.
5) biết màtikà.
6) biết palibodha;
7) biết uddhàra;
8) biết quả báo;
Tỳ-khưu thọ Kathina phải biết nhớ rõ rệt 8 điều trên đó mới nên thọ Kathina. Vị Tỳ-khưu biết nhớ các pháp ấy được rỏ rệt, mới có thể làm cho Kathinatthàrakicca được kết quả là:

1) Phải pubbakarana ngừa sợ e y mà thí chủ họ chưa làm xong (vì không bông hoặc chưa làm kịp). 2) Phải biết paccuddhàra để xả y cũ của mình ra 3) Phải biết adhitthàna để adhitthàna y Kathina sắp thọ. 4) Phải biết atthàtra để thọ Kathina cho đúng theo phép 5) Phải biết màtikà, Palibodha, uddhàra cho biết hành trình khi Kathina xả 6) Phải biết quả báo, cho rõ thế lực của Kathina.

Nếu không biết, không nhớ các pháp ấy cho rõ rệt, không nên thọ Kathina đâu, trừ ra Tỳ-khưu là vì trưởng lão có tăng hỗ trợ cho sắp đặt thế cho.

Vấn: - Pubbakarana (sự phải làm trước) giải như thế nào?

Đáp: - Có 7 điều:

1) Dhovana (giặc, vò). 2) Vicàrana (đo).

3) Chedana (cắt).
4) Bandhana (may, lược).
5) Sibbana (may xong).
6) Rajana (nhuộm).
7) Kappakarana (làm dấu y).
Giải rằng: cả 7 điều ấy, nếu còn sót điều nào, Tỳ-khưu phải làm cho, rồi trước khi thọ Kathina, không nên thọ rồi sau mới làm.

- Điều thứ nhất: Nếu vải Kathina ấy còn mới, dính bột dệt, hoặc vải cũ dơ phải giặt. - Điều thứ nhì: phải lo đo cho đúng theo luật định. - Điều thứ ba: phải cắt bằng dao hoặc bằng kéo cho đứt có điều lớn, điều nhỏ. - Điều thứ tư: Phải lược theo đường đã cắt ấy. - Điều thứ năm: phải may theo đường chỉ đã lược. - Điều thứ sáu: phải nhuộm bằng nước

nhuộm mà đức Phật chophép có màu vừa theo sắc bậc Sa-môn. - Điều thứ bảy: phải làm dấu bằng 1 trong 3 màu (màu xanh, sám tro, đen sậm) cho hoại sắc y.

Phải làm theo thứ tự, từ thứ nhất đến thứ nhì, là không nên làm sai, trước làm sau, sau làm trước,nhưng nếu họ làm xong thì càng tốt, bằng còn sót điều nào, phải làm cho rồi mới được (hiện thời chỉ còn sót điều thứ 7, Tỳ- khưu thọ cần phải làm cho bấy nhiêu thôi).

Vấn: - Paccuddhàra, adhitthàna giải như thế nào?

Đáp: - Paccuddhàra nói về 3 pháp là: sanghàti, uttaràsanaga và antaravàsaka. Adhitthàna cũng nói về 3 pháp ấy. Nhưng paccuddhàra nói về sanghàti, uttaràsanaga và antaravàsaka, và adhitthàna cũ mà mình đã dùng, còn adhitthàna nói về sanghàti, uttaràsanaga và antaravàsaka là y Kathina ấy. Nếu muốn thọ bằng sanghàti, phải paccuddhàra xả sanghàti cũ, rồi adhitthàna sanghàti mới. Thọ uttaràsanaga hoặc antaravàsaka cũng phải xả uttaràsanaga hoặc antaravàsaka cũ ra, rồi adhitthàna uttaràsanaga hoặc antaravàsaka mới như nhau.

Vấn: - Atthàra (sự thọ) nói về mấy pháp?

Đáp: - Atthàra chỉ nói về 1 pháp là nói ra tiếng.

Giải: Tỳ-khưu thọ phải nói ra tiếng cho Tăng hội nghe rõ rệt mới kết quả Kathina, nếu thọ thầm thì một mình ("thầm thì" là nói nhỏ đủ một mình nghe), Tăng hội không được nghe với, thì Kathina không được kết quả. còn về cách thức phải thọ như thế nào đã giải ở phía trên đều đủ rồi.

Vấn: - Sự thọ Kathina của mấy hạng người không được kết quả, mấy hạng người được kết quả?

Đáp: - Sự thọ Kathina của 3 hạng người không được kết quả là:

- Người ở ngoài vòng sìmà thọ aunumodanà Kathina. - Người thọ aunumodanà Kathina không nói ra tiếng. - Người thọ ra tiếng không cho kẻ khác nghe hiểu nghĩa lý.

Sự thọ Kathina của 3 hạng người sau này mới được kết quả là:

- Người ở trong vòng sìmà thọ aunumodanà Kathina. - Người thọ aunumodanà Kathina được nói ra tiếng. - Người nói ra tiếng cho người khác nghe nghĩa lý được rõ rệt.

Vấn: - Sự thọ Kathina mấy cách không được kết quả, mấy cách được kết quả?

Đáp: - 3 cách thọ Kathina không kết quả là:

- Vatthuvipanna - Kàlavipanna - Karanavipanna

Cách thọ Kathina được kết quả là:

- Vatthusampanna - Kàlasampanna - Karanasampanna

Giải: tiếng Vatthuvipanna nghĩa là vật sái nói về y Kathina không nên dùng (akapiya) là y không đúng phép.

Kàlavipanna nghĩa là thời sái, nói về thời là họ dâng y trong ngày nay, Tăng giao cho Tỳ-khưu người thọ trong ngày mai.

Karanavipanna: nghĩa là làm sái, nói về thí chủ họ chưa làm y xong, rồi Tỳ- khưu không cắt làm cho rồi trong ngày ấy.

Tiếng Vatthusampanna nghĩa là vật phải nói về y Kathina làm đúng theo phép.

Kàlasampanna nghĩa là thời phải nói về thí chủ họ dâng trong ngàay nào, Tăng giao cho Tỳ-khưu người thọ trong ngày ấy.

Karanasampanna nghĩa là làm phải nói về thí chủ dâng y làm đúng theo phép hoặc họ làm chưa xong, Tăng giao cho trong ngày nào, Tỳ-khưu người thọ được cắt làm cho đúng trong ngày khác không để qua ngày khác.

Nói tóm lại Tỳ-khưu thọ Kathina bằng y không nên dùng (akappiya) như y có bông, có màu sái, thí chủ dâng y đến trong ngày nay, tăng giao cho Tỳ- khưu thọ đến ngày mai, thọ như thế thì Kathina không được kết quả.

Trừ ra y làm bằng vải, nên dùng (kappiya) Tăng cũng giao cho Tỳ-khưu thọ trong ngày ấy, thọ như thế Kathina mới được kết quả.

Vấn: - Tháng nào nên thọ Kathina?

Đáp: - Tháng nên thọ Kathina là 1 tháng cuối cùng của mùa hạ.

Giải: Sự thọ Kathina, đức Thế Tôn chỉ cho phép thọ được trong 1 tháng chót mùa hạ: kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, trong khoảng 29 ngày ấy, ngày nào cũng thọ được cả. Ngoài vòng 29 ngày ấy, thọ Kathina không kết quả, dầu có thọ cũng chẳng kết quả chi.

Vấn: - sự thọ Kathina sái (atthàravipatti) hay là thọ phải (atthàrasampati), phải biết bằng cách nào?

Đáp: - sự thọ Kathina sái hoặc thọ biết theo 24 thể thọ, không kết quả và 17 thể thức thọ được kết quả như đã có giải.

Trích dịch trong Kathina khandhaka thứ 7 của phẩm Mahàvagga, cũng vừa đủ nghĩa lý chỉ có bấy nhiêu.

Khemam pappontu pànino. Cầu cho tất cả chúng sanh đều được vui.

BHIKKHU VANSARAKKHITA TỲ-KHƯU HỘ TÔNG

-ooOoo-

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC CÁC THỨ Y CA-SA

1) Kusi: dịch là miếng vải dài ở ngay chỗ anuvàta dài chung quanh là ngay chỗ khoản dài.

2) Addhakusi: dịch là miếng vải nữa phần kusi, tức là miếng vải vắn ở ngay chỗ khoản vắn.

3) Mandala: dịch là miếng vải lớn ở ngay chỗ khoản lớn (nếu y ngũ điều điều lớn này có 5 khoản).

4) Addhamandala: dịch là miếng vải nửa phần miếng vải lớn, tức là miếng vải nhỏ (nếu y ngũ điều, điều nhỏ này có 5 khoản).

5) Vivatta: dịch là miếng vải mở ra khi nào trùm thấy rõ ngay cho phía trên lưng, chi này ở ngay khoản lớn chính giữa.

6) Anuvivatta: đây là miếng vải mở tiếp theo (khi trùm chỉ thấy phân nửa) chi này ở ngay chỗ 2 bên khoản Anuvivatta.

7) Gìveyyaka: dịch là miếng vải quấn, (khi nào trùm thì trùm ngay cổ) chi này ở ngay chỗ khoản Vivatta về phía trên.

8) Jangheyyaka: dịch là miếng vải phải đậy trên xương chả vai, chi này ở chỗ 2 khoản anuvivatta về phía dưới.

9) Bahanta: dịch là miếng vải phải đắp bắp tay, khi trùm phải ở ngay phía trên bắp tay, chi này ở ngay chỗ addhamadala nơi 2 khoản phía cuối cùng.

Tóm lại y có 9 chi như thế mới hiệp theo lời của đức Phật chế định. cả 3 y (y 2 lớp y vai trái, y nội) phải làm theo 9 chi ấy (trừ ra thiếu vải cắt may không đủ).

---o0o---

PHÉP DÂNG Y KATHINA ĐẾN TĂNG (SANGHA)

Vấn: - thí chủ dâng cúng y Kathinadàna như thế nào mới gọi là Tăng thí (sanghadàna)?

Đáp: - y để thọ Kathina là vật kể vàao trong sanghadàna thì dâng theo Pali như vầy:

---o0o---

CÁCH DÂNG THỨ NHẤT

Imam dussam Kathina cìvaram bhikkhu sanghassa demà Dutiyampi, ... Tatiyampi, ... (đọc 3 lần).

Nghĩa: chúng tôi xin dâng y này để làm lễ Kathina đến Tỳ-khưu tăng (bhikkhusangha) lần thứ nhì, lần thứ ba.

Về vật phụ tùng (parikkhàra) đã dâng theo thói quen như vầy:

Yenamhàkam Kathinam gahitvà kathinàni sannàni tasseva

Nghĩa: vị Tỳ-khưu nào lãnh Kathina của chúng tôi, chúng tôi xin dâng các phụ tùng này đến vị đó.

Trong chú giải (atthakathà) có thuyết minh rằng; nếu thí chủ dâng mà đọc Yenamhàkam ... Như vầy, thì Tăng không có quyền làm chủ các vật parikkhàra đó được.

Cho nên nếu cần muốn dâng vật nào đến Tăng, phải dâng bằng cách khác, tóm tắt (không ccần để tên các vật dâng theo Pali) như vậy .

Cách dâng thỨ nhì

Imam mayam bhante vatthùni bhikkhusanghassa niyyàdema 54

nghĩa: bạch các ngài chúng tôi xin dâng những vật này đến Tỳ-khưu tăng. Lại nữa, cũng có 1 cách dâng Kathina chung với vật phụ tùng 1 lần rất tiện lợi theo Pali như vầy.

CÁCH DÂNG THỨ BA

Imam bhante saparivàram kathina cìvaradussam bhikkhusanghassa onojayàma sàdhu no bhante niyyàdema bhikkhusangho imam saparivàram kathina cìvaradussam patigganhà tu patiggahetvà ca iminàdussena kathinam attharatu amhàkam dìgharatta atthàya hitàya sukhàya.

Nghĩa: bạch chư Đại đức, chúng tôi xin nghiêng mình dâng y Kathina cùng với vật phụ tùng này đến Tỳ-khưu tăng. bạch chư Đại đức cầu xin Tỳ-khưu tăng lãnh y Kathina cùng với những vật phụ tùng của chúng tôi đây, khi đã nhận rồi, xin thọ dụng y này, cho chúng tôi được sự lợi ích, được sự yên vui lâu dài.

- Hết-

--- o0o ---

1 10 lời nói trong sạch (katthàvatthu) là: 1. Appicchakthà: lời nói làm cho phát sanh sự tiết dục. 2. Santutthikathà : lời nói làm cho phát sanh sự biết đủ (tri túc). 3. Pavivekakathà: lời nói làm cho phát sanh sự yên lặng 4. Asamsaggakathà : lời nói không làm cho phát sanh sự quyến luyến 5. Viriyàrambhakathà: lời nói làm cho phát sanh sự tinh tấn 6. Sìlakathà : lời nói làm cho phát sanh sự trong sạch 7. Samàdhikathà: lời nói làm cho phát sanh sự thiền định 8. Pannàkathà: lời nói làm cho phát sanh sự trí tuệ 9. Vimuttikathà: lời nói làm cho phát sanh sự giải thoát 10. Vimuttinanàdassanakathà: lời nói làm cho phát sanh trí tuệ thấy rõ sự giải thoát. 2 9 điều chế định là: 1. mùlapànntti: điều chế đầu tiên trong điều học. 2. anupannatti: điều chế nối tiếp trong điều học đã có cấm nhiều lần . 3. anuppannàpannati: điều chế để ngừa sự xảy đến (nói về 8 trọng pháp của Tỳ-khưu ni). 4. sabbatthapannatti: điều chế đối với tất cả Tỳ-khưu trong xứ. 5. padesapannatti: điều chế đối với tất cả Tỳ-khưu trong xứ trung Ấn độ. 6. sàdhàranappannatti: điều chế chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu ni. 7. asàdhàranappannatti: điều chế riêng cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu ni. 8. ekatopannatti: điều chế chỉ đối với Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu ni. 9. ubhatopannatti: điều chế đối với cả 2 bên.

Javana là cái sức mau chóng của tâm bắt lấy và hưởng dụng sắc trần 4 Thú trong rừng thường hay sợ người bắt giết hay là bắt nó. Nên khi đói đi kiếm ăn lỡ ra ngoài rừng, thì mắt dáo dác ngó bên này dòm bên kia không ngớt 5 10 cách chưởi mắng : người là kẻ cướp, người là kẻ dữ, người là kẻ lầm lạc, người là bò, người là thú.. 6 khoa này thuộc về Bà-la-môn giáo 7 phép cúng dường (và mức canh) theo đạo Bà la môn 8 lời nguyện

đầu tiên là nói về lời của vị kiết ma dạy bảo 4 pháp nương sau khi vừa thọ xong cụ túc giới, mà mình thọ bằng tiếng Àma-bhante. 9 Văn đức là đức tính trong sự được nghe được học hỏi nhiều 10 Đức vua dùng phụ nữ hàng dân dã làm thứ phi, sanh được con trai, con trai ấy gọi là trai thấp hèn không sao lên ngôi vua được. 11 Vá có nhiều sắc xen lộn. Rỗ là có lỗ nhỏ nhiều chỗ 12 nissaya muttaka: là Tỳ-khưu dầu tu lâu đến 100 hạ mà không thông hiểu giới luật, cũng không được phép ở xa ông thầy. Nếu xa thầy thì phạm tội mỗi ngày. 13 là phạm tội nhỏ mà không sám hối; phạm Bất cộng trụ mà không hoàn tục; phạm Tăng tàn mà không chịu cấm phòng. 14 Chi: là nguyên ở một vật thể chia rẽ ra, Phạn ngữ gọi là Anga. 15 Ngăn: nghĩa là không dùng đến. 16 Ehibhikkhu là Tỳ-khưu khi Phật chứng cho làm Tỳ-khưu tự nhiên có y sẳn mặc (Thiện lai Tỳ-khưu). 17 Vải như thế nên chờ xem coi nếu họ thiệt bỏ rồi sẽ lượm. 18 có giải nơi "truyền cụ túc giới" 19 vòng thánh có 4 tri túc trong casa, tri túc trong khất thực, tri túc trong chỗ ở, tri túc trong thuốc men. 20 được phép dùng y lót mồ hôi bề ngang 1 gang, bề dài 3 hắc. 21 Loài chim bay đến đâu, chỉ có cặp cánh vừa để hộ thân, không chất chứa vật chi theo cả. 22 Dầu đức Chánh Biến tri cho phép dùng các thứ y như tọa cụ, Tỳ-khưu ấy cũng chỉ vui thích trong tam y thôi 23 vật thực mà thí chủ để vào bát mỗi nhà mỗi chút . 24 vật thực mà thí chủ để vào bát mỗi nhà mỗi chút . 25 phép nương mà vị hoà thượng dạy khi mới thọ cụ túc giới 26 sự tri túc trong lúc đi khất thực. 27 Không thọ lãnh cho nhiều để nuôi kẻ khác. 28 vật thực mà Tỳ-khưu đã ngăn rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ấy, thọ lãnh được rồi không làm theo luật (xem trong điều học Ngăn vật thực).

tiếng "bát" đây chẳng phải chỉ nói về bình bát thôi đâu, dầu đồ dùng khác cũng gọi là bát được. 30 Vật thực mà Tỳ-khưu đã ngăn, rồi sau khi được lại mà không nhờ người làm vinayakamma gọi là anatirittabhojana. 31 người đàn ông có sức lực bậc trung lấy đất cục liệng rớt đến đâu, chỗ ấy là gần xóm. 32 trạng thái của vật mà người có thể cảm giác được. 33 thường tưởng: tưởng là thường trong các sắc vô thường. 34 phi nhơn là ngạ quỉ mà người thường gọi là chư vị. 35 là sự ham muốn thái quá đã qua rồi như là được một rồi còn mong được một nữa 36 phương pháp niệm tất cả đề mục thiền định đều dùng oai nghi ngồi, nếu hành đầu đà này, để tham thiền được vừa ý. 37 tapadhamma: pháp thiêu đốt các phiền não 38 phỉ dạ (piti) là nhờ thỏa thích trong khi tham thiền mà được no lòng 39 Chú giải: "vừa lòng không có amisa" là vừa lòng thỏa thích không nương theo ngũ dục và đẹp ý trong sự xuất gia 40 cận sự nam và cận sự nữ là người nam hoặc người nữ đem cả thân tâm lo cho Tam bảo hết lòng hành theo giáo pháp của đức Phật. 41 trái lại thì được phép xa ông thầy 42 phải có 5 chi ấy cho thiệt nhiều, bền chắc mới nên ở xa Nissaya. 43 là cố ý bỏn xẻn không chia cho vị khác. 44 nói 5 vị mới thọ Kathina được là 4 vị làm Tăng để giao y Kathina, 1 vị làm người thọ Kathina. 45 cho phép thi hành 46 để pháp danh Tỳ-khưu thọ Kathina vào chỗ ("itthannàmassa") 47 nếu không có Tỳ-khưu anumodàna đã thọ rồi thì xong. 48 nếu Tỳ-khưu thọ cao hạ hơn Tỳ-khưu anumodàna thì đọc àvuso. 49 nếu có nhiều vị anumodàna hoặc có một vị cao hạ hơn thì vị thấp hạ đọc anumodàhi, còn một vị anumodàna thấp hạ thì đọc anumodàhi. 50 Nếu Tỳ-khưu anumodàna cao hạ hơn Tỳ-khưu thọ thì đọc àvuso, bằng thấp hạ hơn thì đọc bhante 51 Nhiều vị thì đọc anumodàna, một vị thì đọc anumodàhi. 52 mong rằng chắc sẽ được y trong nơi khác.

53 có giải trong tạng Luật, phẩm thứ 5, nếu Tăng không tụng xả kathina, lộc của Tăng phát sanh trong chùa ấy về phần Tỳ-khưu trong chùa ấy thôi, các Tỳ-khưu khác không được thọ kathina, hoặc ở phương xa đến không được phép lãnh. tăng tụng xả kathina thì lộc của Tăng phải chia đến các Tỳ-khưu khác.

Nếu mộ người dâng thì đọc aham thế mayam, niyyàdemi thế niyyàdema

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.